



LỜI NGỎ

Thưa quý vị cùng các bạn!

Nhịp sống rộn ràng, tiết trời ấm áp của những ngày cuối năm đã báo hiệu một mùa xuân mới lại đến với bao hy vọng và những điều tốt đẹp. Trong năm qua, một năm mà tất cả chúng ta với bao chồng chất lo toan, khó khăn bởi tác động của đại dịch COVID-19 cũng như thiên tai bão lụt nhưng công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới Hội An vẫn được duy trì và đạt được những thành tựu mới. Trong thành tựu chung đó, *“Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản”* cũng đã có những đổi mới về nội dung, kịp thời đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu của độc giả. Sự cộng tác đầy tâm huyết của nhiều tác giả cùng với sự cổ vũ nhiệt tình của quý vị và bạn đọc là nguồn động lực lớn để tập *“Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản”* ngày càng hữu ích và hấp dẫn hơn.

Năm Tân Sửu - 2021 là năm đất nước ta mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thành công tốt đẹp, tỉnh Quảng Nam kỷ niệm 550 danh xưng Quảng Nam (1471-2021); thành phố Hội An kỷ niệm 60 năm kết nghĩa thành phố Thanh Hóa - thành phố Hội An (1961-2021)... Chào mừng kỷ niệm những sự kiện quan trọng này và trong niềm hân hoan đón mừng năm mới, *“Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản”* tập 01 (53) - 2021 chào Xuân Tân Sửu - 2021 như là món quà nhỏ trân trọng gửi đến quý vị và các bạn.

Trước thềm năm mới Tân Sửu - 2021, xin kính chúc quý vị, các bạn cùng gia quyến lời chúc sức khỏe, hạnh phúc, một năm mới An Khang, Thịnh Vượng, Vạn Sự Như Ý!

BAN BIÊN SOẠN

THÔNG TIN NGHIÊN CỨU BẢO TỒN DI SẢN

Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An

Chi hội Khoa học Lịch sử Hội An

Chi hội Văn nghệ Dân gian Hội An

Chỉ đạo nội dung

Phạm Phú Ngọc

*Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Chịu trách nhiệm biên soạn

Trần Văn An

*Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Ban biên soạn

Trần Văn An

Tổng Quốc Hưng

Nguyễn Chí Trung

Phùng Tấn Đông

Võ Hồng Việt

Phạm Phước Tịnh

Trình bày

Võ Hồng Việt

Thiết kế bìa

Trần Thanh Hoàng Phúc

Tập 01 (53) - 2021

✿ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Bảo tồn và phát huy Di sản văn hóa thế giới Hội An trong 21 năm qua - ThS. Phạm Phú Ngọc 3
- Đồng chí Cao Hồng Lãnh với những lần gặp Bác Hồ - CN. Lê Thị Tuấn 10
- Mạn đàm về con trâu qua ca dao, tục ngữ, thành ngữ - ThS. Nguyễn Chí Trung 13
- Năm Sửu với những sự kiện liên quan đến di tích ở Hội An - CN. Võ Hồng Việt 17
- Yếu tố tín ngưỡng liên quan đến con trâu trong văn hóa kiến trúc ở phố cổ Hội An - Trường hợp nhà số 11/10 trần phú - KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc 21
- Lễ cúng Ông Táo ở Hội An qua tham vấn cộng đồng - CN. Nguyễn Thị Trang Thi 27
- Tục cúng Tắt Niên ở Hội An - ThS. Thái Thị Liễu Chi 30
- Lễ rước Ông Bà chiều 30 Tết ở Hội An - CN. Trần Thị Lệ Xuân 36
- Tục đón Tết Nguyên Đán của cư dân xưa ở Cù Lao Chàm - CN. Nguyễn Đức Minh 39
- Bánh ngọt truyền thống trong ngày Tết của người dân xã đảo - CN. Lê Thị Ngọc Hương 44
- Tết Hội An xưa - Trần Xuân Mẫn 48
- Trò chơi xăm hương tại Hội An - Trương Nguyên Ngã 52
- Bánh in - Hương vị Tết trong ký ức tuổi thơ - CN. Nguyễn Thị Lệ Thương 55
- Nghề kim hoàn xưa ở Hội An - CN. Khiếu Thị Hoài 58
- Hội An - Cù Lao Chàm qua tư liệu ghi chép nước ngoài - CN. Nguyễn Văn Thịnh 64
- Huyền tích “Tam vị Thủy Tướng” - Giao thoa văn hóa tâm linh “Trên nguồn - Dưới biển” - Phan Văn Trình 70
- Vùng đất Quảng Nam qua một số ấn triện - CN. Trần Văn An 73

✿ Thông tin tư liệu

- Những thông tin liên quan đến Hội An vào năm Sửu qua tư liệu lịch sử - ThS. Phạm Phước Tịnh 79
- Thể lệ Hội chợ lần thứ 3 tại thành phố Faifoo năm 1937 - Phòng Tư liệu & Thông tin Di sản 83

✿ Tin tức - Sự kiện

✿ Văn bản pháp quy

✿ Di sản đó đây

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI HỘI AN TRONG 21 NĂM QUA

ThS. Phạm Phú Ngọc

Hội An là thành phố di sản có diện tích khá nhỏ¹ so với các huyện/thị khác ở tỉnh Quảng Nam nhưng đang sở hữu 2 di sản/danh hiệu thế giới đó là Di sản Văn hóa Thế giới Khu phố cổ Hội An được công nhận vào ngày 4/12/1999 và Khu dự trữ sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An được công nhận vào ngày 26/5/2009. Có được những danh hiệu này là niềm tự hào, vinh dự lớn của nhân dân Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung, song cũng đặt ra cho Hội An nhiều áp lực, thách thức trong công tác bảo tồn, phát huy những giá trị nổi bật toàn cầu của di sản trên con đường hội nhập và phát triển. Riêng đối với Di sản Văn hóa Thế giới Khu phố cổ Hội An, trải qua chặng đường 21 năm, dù phải chịu áp lực mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa, tác động mặt trái của cơ chế thị trường, của phát triển du lịch, tác động nguy hiểm khó lường của biến đổi khí hậu và hỏa hoạn,... nhưng với sự chỉ đạo sâu sát, đúng hướng, kịp thời của chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương, sự nỗ lực của cơ quan quản lý và chuyên môn các cấp, sự đồng thuận chung sức của toàn thể nhân dân, sự phối

hợp của các doanh nghiệp khai thác du lịch, sự hỗ trợ, hướng dẫn của UNESCO, sự giúp đỡ tận tình đầy thiện chí của các nhà khoa học, các tổ chức, bè bạn trong nước và quốc tế, đến nay công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới Hội An đạt được nhiều thành tựu nổi bật. Tài nguyên di sản văn hóa, sinh thái thực sự trở thành nguồn lực quan trọng, bệ đỡ để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của Hội An theo hướng dịch vụ - du lịch - thương mại. Hội An được trao tặng nhiều giải thưởng quan trọng², được bình chọn nhiều danh hiệu quý giá³, được đánh giá là hình mẫu kinh

² Hội An được UNESCO Châu Á - Thái Bình Dương trao Giải thưởng công nhận nỗ lực bảo tồn di sản của địa phương (LEAP) và Giải thưởng công nhận nghệ nhân hợp tác trong bảo tồn di sản - ông Huỳnh Ri vào năm 2001; Giải thưởng Công trạng cho nhà thờ tộc Trương về bảo tồn công trình văn hóa vào năm 2004; Giải thưởng Danh dự cho nhà thờ tộc Tăng về bảo tồn công trình văn hóa vào năm 2009.

³ Từ năm 2008 - 2011, Hội An nằm trong top 10 điểm du lịch tốt nhất ở Châu Á theo bình chọn của tạp chí trực tuyến Smart Travel Asia, trụ sở ở Hồng Kông. Theo tạp chí du lịch Condé Nast Traveler của Pháp, Hội An được bình chọn là một trong những thành phố du lịch tốt nhất ở Châu Á vào năm 2012 và xếp vị thứ 2 trong 10 thành phố đứng đầu của các thành phố châu Á vào năm 2013; Hội An cũng được Văn phòng UN-Habitat Châu Á tặng giải thưởng Cảnh quan đô thị châu Á năm 2013. Năm 2014, tạp chí Indian bình chọn Hội An là một trong những thành phố lãng mạn nhất thế giới. Đêm phố cổ Hội An nằm trong danh sách 25 trải nghiệm tuyệt vời nhất thế giới bởi tạp chí du lịch Rough guides - Anh vào năm 2015. Cũng năm này, Hội An được bình chọn trong top 10 thị trấn đẹp nhất thế giới bởi trang

¹ Thành phố Hội An có diện tích có tổng diện tích tự nhiên 61,71 km², nằm bên bờ Bắc hạ lưu sông Thu Bồn, ở vị trí địa lý từ 15°15'26" đến 15°55'15" vĩ độ Bắc và từ 108°17'08" đến 108°23'10" kinh độ Đông; cách quốc lộ 1A khoảng 9 km về phía Đông, cách thành phố Đà Nẵng 25 km về phía Đông Nam, cách thành phố Tam Kỳ khoảng 50 km về phía Đông Bắc.

nghiệm điển hình về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Nhìn lại chặng đường đã qua cũng như từ những kết quả đạt được, dễ dàng nhận thấy một yếu tố nổi bật xuyên suốt là Hội An luôn gắn kết công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với công tác nghiên cứu khoa học. Việc điều tra, khảo sát, kiểm kê, nghiên cứu khoa học vừa khẳng định những giá trị của di sản Hội An vừa giúp nhận diện ngày càng rõ ràng, chân xác hơn, toàn diện hơn những giá trị, hiện trạng của di sản qua đó có những định hướng, biện pháp bảo tồn và phát huy phù hợp. Từ khi Khu phố cổ Hội An được công nhận di tích cấp quốc gia vào năm 1985, nhiều chương trình, dự án nghiên cứu về Hội An được triển khai với sự hợp tác của các nhà khoa học trong và ngoài nước đã xác định những giá trị nổi bật toàn của Đô thị cổ Hội An để UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Từ năm 1999 đến nay, bên cạnh những chương trình, dự án nghiên cứu của các cơ quan

trung ương và các tổ chức quốc tế, công tác nghiên cứu về lịch sử - văn hóa nói chung, di sản văn hóa nói riêng được thành phố Hội An đặc biệt quan tâm. Với chức năng là cơ quan được giao trực tiếp quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa thế giới Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp tiến hành trên 09 đợt thám sát, khai quật khảo cổ và nhiều hoạt động khảo cổ liên quan đến các dự án tôn tạo cơ sở hạ tầng và tu bổ di tích, thực hiện 03 đề tài nghiên cứu quốc tế, 04 đề tài nghiên cứu cấp ngành, 3 đề tài nghiên cứu cấp Tỉnh và nhiều đề tài nghiên cứu cấp cơ sở⁴. Nhiều chương trình điều tra, khảo sát về kiến trúc, văn hóa ở Hội An cũng được Trung tâm thực hiện như chương trình nghiên cứu văn hóa phi vật thể, chương trình kiểm kê nghề truyền thống ở Hội An, kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể ở Cù Lao Chàm, chương trình điều tra nghiên cứu đề xuất hướng bảo tồn phát huy di sản văn hóa làng Kim Bồng, làng Thanh Hà; điều tra, khảo sát ngữ văn dân gian ở Hội An; khảo sát, nghiên cứu tri thức dân gian ở Hội An về phòng, chữa bệnh; điều tra, khảo sát, nhận diện đồ án trang trí trên gỗ trong di tích loại đặc biệt và loại 1 ở khu phố cổ Hội An; điều tra,

Business Insider. Năm 2016, Hội An xếp vị thứ 6 trong những thành phố tuyệt nhất châu Á theo bình chọn của trang Travel & Leisure; và xếp đầu trong 10 thành phố được yêu thích nhất thế giới theo bình chọn của tạp chí du lịch Wanderlust - Anh. Năm 2017, Hội An xếp vị thứ 7 trong 15 điểm đến hàng đầu thế giới theo bình chọn của trang Travel & Leisure; và xếp vị thứ 13 trong 25 điểm đến tốt nhất thế giới theo bình chọn của trang TripAdvisor. Năm 2018, Tạp chí du lịch Travel & Leisure bình chọn Hội An xếp vị trí thứ 8 trong 15 thành phố hấp dẫn nhất thế giới. Năm 2019, Hội An được trao tặng danh hiệu “Điểm đến thành phố văn hóa hàng đầu châu Á” do tạp chí World Travel Awards bình chọn, giải thưởng “Thành phố quyến rũ nhất thế giới” do tạp chí Travel & Leisure trao tặng, đặc biệt Hội An trở thành điểm du lịch Việt Nam lần đầu tiên được Google Doodle vinh danh. Năm 2020, Hội An đứng thứ 3 trong 25 thành phố tuyệt vời nhất thế giới và đứng đầu 15 thành phố tuyệt vời nhất châu Á theo bình chọn của độc giả tạp chí Travel & Leisure; Hội An đứng thứ 5 trong 10 thành phố du lịch hấp dẫn nhất châu Á do trang Pretty Wild World bình chọn .

⁴ Tiêu biểu trong các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở là: Văn hóa ẩm thực ở phố cổ Hội An; Công cụ đánh bắt sông nước truyền thống ở Hội An; Điều tra hoạt động mùa Thiên Cầu ở Hội An; Tục thờ cúng ở Khu phố cổ Hội An; Khảo sát, nghiên cứu về bảng hiệu buôn trong Khu phố cổ; Suru tâm, bổ sung hồ sơ di tích lịch sử cách mạng; Điều tra, nghiên cứu bước đầu về mộ cổ ở Hội An; Sao chép và dịch thuật các hoành phi - liên đối tại một số di tích ở Hội An; Khảo sát, nghiên cứu hoạt động Du Hò; Một số nghề truyền thống ở Hội An; Điều tra, sưu tầm, dịch thuật tư liệu nghề yển Thanh Châu ở Hội An; Sưu tầm, khảo sát trò chơi dân gian ở Hội An; Sưu tầm, khảo sát địa danh ở Hội An; Biện dạng di tích ở khu phố cổ Hội An - Thực trạng và giải pháp; Nghiên cứu, biên soạn địa chí Hội An,...

khảo sát kỹ thuật lợp mái ngói âm dương...

Triển khai thường xuyên công tác sưu tầm tư liệu ảnh, tư liệu ký ức trong dân gian, tư liệu thành văn về Hội An tại các trung tâm lưu trữ quốc gia⁵, thư viện của một số trường đại học. Công tác nghiên cứu khoa học giúp khẳng định các giá trị của di sản văn hóa Hội An, đồng thời đây cũng là một yêu cầu mang tính nguyên tắc, làm cơ sở định hướng cho việc quản lý, bảo tồn vững chắc và phát huy bền vững di sản văn hóa Hội An. Kết quả nghiên cứu khoa học tạo điều kiện xây dựng bộ hồ sơ di tích, di sản được toàn diện, đầy đủ về mặt pháp lý cũng như cơ sở khoa học. Đến nay, hầu như 1.438 di tích danh thắng nằm trong danh mục bảo vệ của thành phố Hội An (*trong đó có 28 di tích cấp quốc gia, 47 di tích cấp tỉnh*) đều được lập hồ sơ để quản lý.

Song song với công tác nghiên cứu khoa học là công tác xuất bản sách nhằm phục vụ công tác tuyên truyền quảng bá cũng như nhu cầu tìm hiểu của nhân dân và du khách về lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa Hội An. Đến nay Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã xuất bản hơn 40 đầu sách⁶ và 52 tập

⁵ Trung tâm đã sưu tầm, sao chụp hơn 25.000 trang tư liệu tiếng Việt, chữ Hán, tiếng Pháp tại các Trung tâm lưu trữ Quốc gia như địa bạ, châu bản, mộc bản, bản đồ, Quảng Nam xã chí, Quảng Nam tỉnh tạp biên...

⁶ Danh mục Di tích - Danh thắng Hội An, Văn hóa ẩm thực phố cổ Hội An, Công cụ đánh bắt sông nước truyền thống ở Hội An, Hướng dẫn Bảo tồn Di tích kiến trúc gỗ, Ký yếu Lịch sử - Khảo cổ Hội An, Văn hóa Sa Huỳnh ở Hội An, Đô thị cổ Hội An - 5 năm quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị, Cư dân Faifo Hội An trong lịch sử, Di sản Văn hóa Văn nghệ dân gian Hội An, Ký yếu Cù Lao Chàm - Vị thế, Tiềm năng và Triển vọng, Di tích - Danh thắng Cù Lao Chàm, Một số nghề truyền thống ở Hội An, Cẩm Nang bảo tồn dành cho các chủ di tích, Tác động - Những ảnh

Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản định kỳ hàng quý.

Chính nhờ kết quả nghiên cứu khoa học nên Hội An có sự lựa chọn, định hướng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa được phù hợp, đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn trong phát triển, lấy sinh thái, di sản văn hóa làm nền tảng để phát triển kinh tế theo hướng bền vững và ngược lại lấy hiệu quả phát triển kinh tế để đầu tư bảo tồn di sản văn hóa, bảo vệ cảnh quan sinh thái. Tùy nét đặc trưng riêng của từng địa phương về di sản văn hóa - sinh thái mà lựa chọn hướng bảo tồn với phát triển riêng, không áp đặt khuôn mẫu. Việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Hội An được thực hiện một cách đồng bộ giữa di sản vật thể và phi vật thể, và luôn gắn chặt chẽ với công tác tuyên truyền, quảng bá. Ngoài Bảo tàng Hội An, thành phố Hội An còn thành lập các bảo tàng chuyên đề như Bảo tàng Văn hóa Dân gian, Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch, Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh, Bảo tàng nghề y truyền thống, nhà trưng bày lịch sử - văn hóa Cù Lao Chàm để giới thiệu những giá trị của di sản Hội An đến du khách. Những bảo tàng này thường xuyên được đầu tư nâng cấp về nội dung lẫn hình thức trưng bày để tạo thêm sự hấp dẫn đối với du khách. Nhiều hoạt động thú vị liên quan đến bảo tàng dành cho học sinh, trẻ em cũng được tổ

hường của du lịch đối với Văn hóa và Môi trường ở Di sản Văn hóa Hội An, Lễ lễ, lễ hội ở Hội An, Hình ảnh Giao lưu văn hóa Việt Nam - Nhật Bản tại Hội An, Những hình ảnh về lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Hội An (giai đoạn 1930-1975), Di tích - Danh thắng Cẩm Thanh, Thông tin nghiên cứu Cù Lao Chàm, Thông tin nghiên cứu Kim Bồng-Cẩm Kim, Di sản Hán Nôm tập 1, 2, 3, 4, 5; Di cảo Châu Á Nguyễn Bội Liên, Hội An - thành phố di sản, Làng xã ở Hội An qua tư liệu Địa bạ triều Nguyễn và Quảng Nam xã chí, Thơ ca dân gian ở Hội An về kháng chiến và Bác Hồ, Quy chế Bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An...

chức như hoạt động “*chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*”, đặc biệt hoàn thành bộ tài liệu Giáo dục di sản trong học đường của cấp tiểu học, nhằm tăng cường nhận thức về di sản cho thế hệ trẻ để qua đó tự hào, yêu mến, trân trọng di sản cha ông để lại.

Việc tuyên truyền, quảng bá di sản ở Hội An không chỉ thông qua bảo tàng mà còn thực hiện ở nhiều hình thức đa dạng khác như xây dựng các website, mở chuyên mục phát thanh Bảo tồn Di sản trên Đài Truyền thanh Truyền hình Hội An, xuất bản tập thông tin hàng quý để thông tin kết quả nghiên cứu, bảo tồn di sản đến với đông đảo người dân; lắp đặt những bảng chỉ đường, các bảng thông tin giới thiệu di tích để nhân dân và du khách thuận tiện tiếp cận, tìm hiểu; dựng nhiều thước phim tư liệu, phóng sự, phim quảng bá du lịch phát trên các kênh truyền hình trung ương và địa phương

cũng như một số kênh truyền hình nước ngoài.

Nhiều lễ hội, lễ hội truyền thống được phục hồi, duy trì hiệu quả và đưa vào lịch tổ chức lễ hội của thành phố như lễ hội Cầu bông, lễ hội Cầu ngư, các lễ giỗ tổ nghề mộc Kim Bồng, gồm Thanh Hà, lễ hội Nguyên Tiêu, lễ hội Trung Thu... Các lễ hội mới được phát triển trên nền truyền thống như: Đêm phố cổ, lễ hội Giao lưu Văn hoá Việt - Nhật, những ngày văn hóa Hàn Quốc tại Hội An, hội thi hợp xướng quốc tế, festival Di sản Quảng Nam,... đã trở thành sản phẩm du lịch độc đáo, riêng có của Hội An.

Đẩy mạnh giao lưu hợp tác quốc tế trên lĩnh vực bảo tồn di sản cũng được thành phố Hội An chú trọng. Thông qua hình thức giao lưu hợp tác quốc tế giúp đào tạo, tăng cường nguồn nhân lực bảo



Cổng chùa Bà Mụ. Ảnh: Hồng Việt, 2019

tồn di sản của địa phương về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý. Nhiều lượt cán bộ ở Hội An được cử đi công tác nước ngoài để tham dự các cuộc hội thảo, tham quan nghiên cứu, học tập kinh nghiệm. Bên cạnh đó Hội An cũng đề nghị và tiếp nhận nhiều chuyên gia, tình nguyện viên Nhật, Đức, Úc,... đến hỗ trợ giúp đỡ trong công tác bảo tồn. Qua giao lưu hợp tác quốc tế, uy tín của Hội An ngày càng nâng cao và được bạn bè khắp nơi ngưỡng mộ, đồng thời, đó còn là cơ hội để Hội An rút ra được những bài học hay, tiếp nhận được những công nghệ - kỹ thuật mới, tranh thủ được sự hỗ trợ, giúp đỡ của quốc tế cả về vật chất lẫn tinh thần.

Trong những năm qua, thành phố Hội An đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến công tác quản lý di sản, đảm bảo lợi ích giữa các bên liên quan, hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn trong phát triển. Năm 2006, UBND thị xã Hội An (*nay là Thành phố Hội An*) ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích khu phố cổ Hội An; Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo, viết đặt bảng hiệu (2006); Quy chế quản lý hoạt động tham quan du lịch (2007); Quy chế quản lý, bảo tồn làng gốm Thanh Hà (2008); Quy chế quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trong khu phố cổ và các vùng phụ cận (2008),... Đặc biệt, trong năm 2020 UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch quản lý Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2030 tại Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 11/2/2020 và Quy chế bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An tại Quyết định

số 19/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020, đây thực sự là hành lang pháp lý vô cùng quan trọng cho công tác bảo tồn toàn vẹn Khu phố cổ Hội An.

Bên cạnh các văn bản mang tính pháp quy này, thành phố Hội An còn ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ tu bổ di tích nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ sở hữu di sản. Đối với di tích trong khu vực I cụ thể như sau:

(Đơn vị tính: %)

Loại di tích	Vị trí dọc trục đường chính		Vị trí dọc các kiệt, hẻm	
	Nhà nước hỗ trợ	Chủ sở hữu đầu tư	Nhà nước hỗ trợ	Chủ sở hữu đầu tư
Loại đặc biệt	60	40	75	25
Loại I & II	45	55	65	35
Loại III & IV	40	60	60	40

Đối với di tích trong khu vực IIA thì nhà nước hỗ trợ 40% cho mỗi hạng mục được hỗ trợ. Đối với các di tích ngoài khu phố cổ thì mức hỗ trợ tu bổ di tích là 100% đối với di tích cộng đồng, những di tích tư nhân tập thể thì mức hỗ trợ từ 40-100% đối với di tích xếp hạng cấp quốc gia, từ 40-75% đối với di tích xếp hạng cấp tỉnh, từ 30-60% đối với di

tích nằm trong danh mục bảo vệ của thành phố Hội An.

Ngoài ra, thành phố Hội An còn ban hành cơ chế cho vay vốn không lãi trong vòng 3 năm dành cho các chủ di tích thuộc sở hữu tư nhân thực sự khó khăn để tu bổ di tích; cơ chế hỗ trợ bảo vệ di tích đối với các di tích cộng đồng được xếp hạng cấp tỉnh, cấp quốc gia để tạo điều kiện tốt hơn cho cộng đồng tham gia bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với di tích. Việc thành lập, kiện toàn mạng lưới cộng tác viên bảo tồn di sản của thành phố Hội An trong năm 2020 đã tạo nên “*cánh tay nối dài*” để thành phố tăng cường công tác giám sát, kịp thời phát hiện những vấn đề bất cập, những yếu tố, hoạt động làm phương hại đến giá trị của di sản. Tại nhiều cuộc hội thảo trong nước và quốc tế các nhà khoa học đều thống nhất nhận xét: “*Hội An thực sự là hình mẫu điển hình trong việc bảo tồn các đô thị Di sản ở Khu vực Đông Nam Á*”.

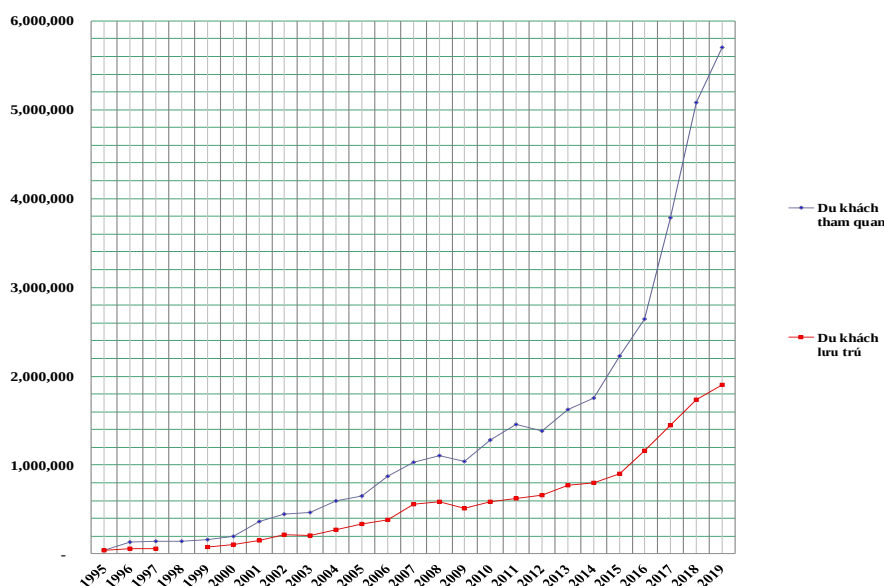
Đi đôi với các biện pháp tăng cường quản lý di sản là những chính sách bảo tồn phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch bền vững, lấy bảo tồn văn hóa - sinh thái làm mục tiêu, động lực để phát triển kinh tế - xã hội theo hướng dịch vụ - du lịch - thương mại⁷. Hiện nay thành phố Hội An đang nỗ lực xây dựng, phát triển Hội An thành thành phố Sinh thái - Văn hóa - Du lịch, phấn đấu trở thành đô thị du lịch hàng đầu trong nước, khu vực và quốc tế.

Việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa thế giới khu phố cổ Hội An luôn gắn kết hài hòa với việc phát triển đô thị mới và bảo tồn, phát huy giá trị sinh thái - nhân văn của các làng quê, làng nghề khu vực xung quanh phố cổ. Các di tích, các làng quê - làng nghề ở khu vực vùng ven là thành phần không thể tách rời của di sản Hội An, là những di sản vệ tinh góp phần khẳng định, làm phong phú-đa dạng, làm giàu thêm giá trị của di sản thế giới đô thị cổ Hội An. Vì thế, thành phố Hội An đã tiến hành kiểm kê, đưa vào danh mục bảo vệ những di tích chưa được xếp hạng cấp tỉnh, quốc gia với số lượng hàng ngàn di tích - danh thắng. Đây là điểm đặc biệt hiếm gặp ở một địa phương cấp huyện/thị. Điều này xuất phát từ quan điểm bảo tồn, phát huy giá trị di sản Hội An một cách đồng bộ giữa khu vực phố cổ với khu vực vùng ven, giữa tất cả các loại hình di tích từ đình, chùa, lăng, miếu, mộ, hội quán, nhà thờ tộc họ,... đến nhà ở của nhân dân.

Những năm qua, lượng du khách đến tham quan các di tích, các làng quê - làng nghề ngày càng đông vừa góp phần giảm sức tải du lịch tại khu phố cổ, vừa tạo điều kiện chia sẻ lợi ích từ di sản giữa các vùng. Làng rau Trà Quế, làng mộc Kim Bồng, làng gốm Thanh Hà hay cảnh quan sinh thái rừng dừa nước Cẩm Thanh, cảnh quan - đa dạng sinh học biển đảo Cù Lao Chàm,... đã trở thành những thương hiệu du lịch nổi tiếng ở Hội An, thu hút lượng khách tham quan không hề nhỏ, góp phần tăng thu nhập, cải thiện chất lượng sống của cộng đồng địa phương.

⁷ Hiện nay tỉ trọng cơ cấu kinh tế của nhóm ngành Dịch vụ - Du lịch - Thương mại ở Hội An chiếm 70%.

Biểu đồ số lượng du khách tham quan và lưu trú ở Hội An



DVT: lượt khách

(Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Hội An)

Có thể nói rằng, Di sản văn hóa Hội An đã trở thành “*thương hiệu*” khá hấp dẫn đối với du khách quốc tế và trong nước và thật sự trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đắc lực vào sự phát triển ngành kinh tế du lịch - dịch vụ Hội An, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân - chủ di tích, đồng thời tăng thêm điều kiện để bảo tồn, tu bổ di tích. Nhờ vậy, Hội An đã bảo tồn nguyên vẹn những giá trị văn hóa của tổ tiên, Di sản văn hóa đã trở thành nền tảng, động lực, hành trang để Hội An vững bước đi lên xây dựng phát triển kinh tế - xã hội. Như một nhà nghiên

cứu văn hóa - du lịch nhận xét: “*Hội An đã trở thành một trong những trường hợp thành công nhất ở Việt Nam trong việc đảm bảo sự tồn tại lâu dài của các di sản văn hóa và nâng cao chất lượng của cuộc sống người dân bằng định hướng phát triển du lịch. Lý do của thành công này là ở chỗ Hội An có một hệ thống các chính sách liên kết chặt chẽ quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch*”.

Hiện nay, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt đại dịch COVID-19 đã tác động to lớn đến ngành dịch vụ - du lịch Hội An như: suy giảm số lượng du khách, nhiều khách sạn và hàng quán trong Khu phố cổ phải tạm đóng cửa, người dân địa phương làm trong ngành du lịch - dịch vụ không có thu nhập, thu ngân sách địa phương không đạt... Đây là lúc Hội An chúng ta cần nhìn lại chính mình, làm mới mình, khắc phục những hạn chế tồn tại những năm qua để trong thời gian đến với những định hướng xây dựng thành Hội An lấy nền tảng sinh thái, di sản văn hóa làm cơ sở cho phát triển bền vững, công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An sẽ tiếp tục đạt được nhiều kết quả tốt đẹp ♦

ĐỒNG CHÍ CAO HỒNG LÃNH VỚI NHỮNG LẦN GẶP BÁC HỒ

CN. Lê Thị Tuấn

Đồng chí Cao Hồng Lãnh có tên khai sinh là Phan Hải Thâm, sinh ngày 20/4/1906, tại xã Minh Hương, nay là phường Minh An, thành phố Hội An, trong một gia đình có truyền thống giàu lòng yêu nước.

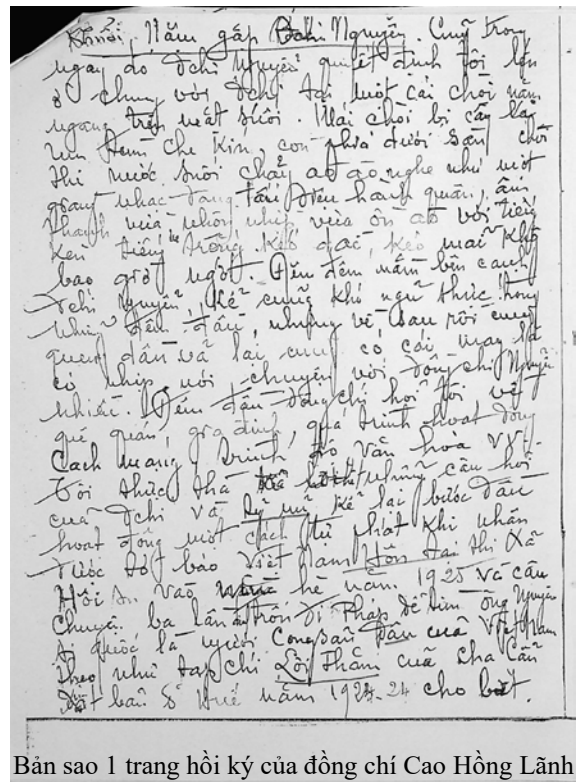
Đồng chí giác ngộ Cách mạng từ rất sớm, năm 1923, đồng chí đã tổ chức thanh niên trong xã chống cường hào. Năm 1924 cùng một số anh em người Hoa đi học ở trường quân sự Hoàng Phố, Trung Quốc. Năm 1925 tổ chức thanh niên học sinh đọc sách báo tiến bộ. Năm 1926, cùng nhiều thanh niên vào Nam bộ để tham gia hoạt động đoàn thể cách mạng. Năm 1927, tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Trị. Tháng 10/1927, tham gia thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hội An, giữ chức vụ Tỉnh ủy viên Tỉnh hội Việt Nam. Năm 1929, tham gia hoạt động thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1939, đến Côn Minh tổ chức đường dây từ Côn Minh về Khu du kích Việt Bắc. Năm 1941, tham gia xây dựng khu Việt Bắc, tổ chức đón lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước. Năm 1945, làm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ và Ủy viên Ủy ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam. Năm 1951, phụ trách công tác Đảng tại Quảng Châu, thành lập Biện sứ tại Quảng Châu - Trung Quốc đồng thời phụ trách Ban Tài vụ và lãnh đạo công tác Việt kiều tại Quảng Đông. Năm 1953, làm chủ nhiệm Biện sứ Côn Minh và phụ trách lãnh sự tại Trung

Quốc. Năm 1957, được Đảng điều về nước làm Vụ Trưởng Vụ Lãnh sự, Bộ Ngoại giao. Cũng năm 1957, làm Phó trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, phụ trách Ban cán sự Đảng ngoài nước. Năm 1977, được nghỉ hưu và ở cùng gia đình tại Hà Nội.

Một mốc son đáng ghi nhớ trong cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Cao Hồng Lãnh đó là năm 1925 đã tổ chức cho thanh niên trong làng đọc sách báo tiến bộ, đồng chí đã tìm gặp tờ báo Việt Nam Hồn được chuyển về từ Huế. Báo Việt Nam Hồn bằng tiếng Việt do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm, xuất bản tại Trung Quốc, đối tượng phục vụ là cộng đồng người Việt đang sinh sống ở nước ngoài, động viên mọi người không quên Tổ quốc, hướng về Tổ quốc đau thương đang sống trong vòng nô lệ, đoàn kết đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc. Đọc được báo Việt Nam Hồn, đồng chí Cao Hồng Lãnh như gặp ngọn đuốt soi đường dẫn lối tìm đến với chủ nghĩa cộng sản. Từ đó, đồng chí quyết tìm đường ra nước ngoài để gặp người cộng sản có tên là Nguyễn Ái Quốc. Năm 1925-1926, đồng chí đã 3 lần tìm cách ra nước ngoài nhưng không thành công. Đến năm 1934 đồng chí mới sang được Trung Quốc, tham gia hoạt động với tổ chức cách mạng tại Quế Lâm, Liễu Châu, Nam Ninh, Quý Dương, Côn Minh,... dưới sự chỉ đạo của Bác Hồ nhưng chưa một lần gặp được Bác. Mãi đến năm 1937, đồng chí Cao Hồng Lãnh

mới “thấy” được Bác. Sở dĩ gọi là “thấy” vì đồng chí Cao Hồng Lãnh gặp Bác rất tình cờ và bí mật, chưa được giới thiệu về nhau. Sự tình cờ gặp Bác được đồng chí Cao Hồng lãnh kể lại qua hồi ký: “Vào một buổi sáng đi chợ về tôi ghé qua nhà anh Liệu ở, tức là địa điểm của tôi ở trước kia để giao ít rau, cải, lúa anh Liệu nhờ tôi mua hộ. Khi bước vào nhà thì thấy một ông Cụ cao gầy mặc áo quần theo kiểu Trung Quốc ngồi quay lưng trò chuyện với anh Liệu. Tôi vừa cất tiếng báo cho anh Liệu biết tôi đã mua được rau rồi thì ông Cụ quay mặt ra nhìn người tôi với một nụ cười như đã quen biết tôi rồi. Tôi tự đoán ngay và bụng bảo dạ rằng đây là ông Nguyễn Ái Quốc rồi, nhất định là không sai mà lâu nay tôi đã nghe ngóng. Nhưng tính tôi hay giữ nguyên tắc bí mật, không muốn làm phiền cuộc nói chuyện của hai người, tôi vội đưa rau lại một chiếc ghế ở giữa phòng và lên tiếng: chào Cụ, chào anh Liệu vội ra khỏi nhà, đi về địa điểm của tôi...”¹. Từ ngày ấy, đồng chí Cao Hồng Lãnh biết có Bác ở đây nhưng vì nguyên tắc bí mật của tổ chức nên chưa được công khai giới thiệu về Bác.

Trong suốt thời gian hoạt động tại Trung Quốc, mặc dù không được trực tiếp gặp Bác nhận nhiệm vụ nhưng mỗi khi được cấp trên giao nhiệm vụ đi công tác theo quyết định của Bác thì đồng chí Cao Hồng Lãnh rất vui mừng. Trong số những nhiệm vụ được phân công, có nhiệm vụ mà đồng chí rất vinh dự cùng được thực hiện với một số đồng chí đang hoạt động ở Ban Hải ngoại của Đảng tại Trung Quốc là tiền trạm, chuẩn bị đưa Bác từ Côn Minh - Trung Quốc về Cao Bằng. Vào năm 1940,



Bản sao 1 trang hồi ký của đồng chí Cao Hồng Lãnh

tình hình chính trị thế giới rối ren, Paris bị quân phát xít Đức chiếm, việc Pháp mất nước là cơ hội rất thuận lợi cho cách mạng Việt Nam; phát xít Nhật đánh chiếm Đông Dương, cuộc chiến tranh Nhật - Pháp bùng nổ là có lợi cho nhân dân ta vũ trang nổi lên giành chính quyền, muốn tranh thủ được thời cơ nghìn năm có một, Đảng và nhân dân ta phải gấp rút chuẩn bị xây dựng chiến khu phát động vũ trang đấu tranh đánh du kích tiến lên xây dựng quân đội chính quy giành chính quyền từng địa phương để tiến đến khởi nghĩa giành toàn bộ chính quyền. Vì vậy đầu tháng 1/1941, tại tỉnh Quảng Tây cách biên giới Trung Quốc - Việt Nam khoảng 50km, Bác Hồ cùng với một số đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên, Vũ Anh... tổ chức lớp học và trực tiếp huấn luyện chính trị. Chương trình huấn luyện chính trị gồm 3 phần chính: tình hình thế giới và trong nước; tổ chức đoàn thể quần chúng; cách điều tra, tuyên

¹ Hồi ký của đồng chí Cao Hồng Lãnh, bản chép tay lưu giữ tại gia đình. Bản sao ở Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

truyền, tổ chức, huấn luyện và đấu tranh cách mạng. Lớp huấn luyện cấp tốc này dành cho những cán bộ cách mạng từ trong nước sang để chuẩn bị nhân lực cho cách mạng trong tình hình mới. Vì vậy, nhiệm vụ cao cả của đồng chí Cao Hồng Lãnh là tiền trạm nhiều lần để kết nối cơ sở, nắm đường đi lối lại phải an toàn tuyệt đối để tổ chức những chuyến đưa Bác và cán bộ ta về nước. Bác Hồ cùng đồng chí Lê Quảng Ba, Phùng Chí Kiên, Thế An, Đặng Văn Cáp và Hoàng Văn Lộc lên đường về nước vào ngày 28/1/1941. Đây là một sự kiện lớn trong lịch sử đấu tranh cách mạng của đất nước và dân tộc mà có sự đóng góp công lao to lớn của đồng chí Cao Hồng Lãnh.

Trong thời gian Ban Hải ngoại về hoạt động trong nước, nhiệm vụ của đồng chí Cao Hồng Lãnh là phải ở lại Trung Quốc tiếp tục hoạt động do đồng chí giỏi tiếng Trung nên thuận lợi trong tiếp cận hoạt động khi ở lại Trung Quốc. Một trong những nhiệm vụ của đồng chí là nắm bắt kế hoạch hoạt động phản cách mạng của Trương Bội Công nói riêng và bọn quốc dân đảng Trung Quốc nói chung. Sau thời gian ở lại Trung Quốc, vào mùa Thu năm 1941 đồng chí một mình về nước. Đồng chí mang báo cáo, mang tài liệu về trình Bác. Sau hai ngày vượt rừng núi, đồng chí về đến thung lũng Pác Bó. Một kỷ niệm không thể nào quên trong cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí là lần thứ hai đồng chí Cao Hồng Lãnh không chỉ được gặp Bác mà còn ở chung với Bác cả tháng trời trong một cái chòi nằm ngang trên mặt suối Lê Nin tại Khuổi Nặm, Cao Bằng: *“Đêm đêm nằm bên đồng chí Nguyễn, kể cũng khó ngủ thực trong những đêm đầu nhưng về sau rồi cũng quen dần, và lại cũng có cái may là có dịp nói chuyện với đồng chí Nguyễn nhiều. Đêm đầu đồng chí hỏi tôi về quê quán, gia*

*đình, quá trình hoạt động Cách mạng, trình độ văn hóa, v.v... Tôi thực thà trả lời hết những câu hỏi của đồng chí và tỷ mỉ kể lại bước đầu hoạt động một cách tự phát, khi nhận được tờ báo Việt Nam Hồn tại thị xã Hội An vào mùa hè năm 1925 và câu chuyện ba lần tính trốn đi Pháp để tìm ông Nguyễn Ái Quốc là người Cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Đồng chí Nguyễn nghe tôi kể một cách tự nhiên như kể cho người khác nghe mà không có đồng chí Nguyễn ở trước mắt. Đồng chí Nguyễn phải bật cười trong đêm tối và bảo tôi là người đã sớm đi tìm chủ nghĩa cộng sản”*².

Năm 1926, đồng chí về Nam Định tìm cách đi Pháp lần thứ ba để tìm Bác nhưng không được và tám năm trời hoạt động ở Trung Quốc cũng không dễ tìm gặp Bác. Ý chí đi tìm chủ nghĩa cộng sản, tìm người cộng sản đầu tiên của Việt Nam là ước mơ cao cả của đồng chí Cao Hồng Lãnh từ năm 1925 mãi đến 1941 mới thực hiện.

Có thể nói rằng, đồng chí Cao Hồng Lãnh là tấm gương tiêu biểu về tinh thần yêu nước, thương dân mà thế hệ trẻ hôm nay cần noi gương học tập để xây dựng rèn luyện bản thân góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày một phát triển về kinh tế, vững mạnh về an ninh, quốc phòng. Tập hồi ký của đồng chí Cao Hồng Lãnh chứa đựng những tư liệu quý về các giai đoạn lịch sử cách mạng Việt Nam. Trong đó có việc Bác Hồ trở về nước vào ngày 28/1/1941 là một sự kiện lớn trong lịch sử đấu tranh cách mạng của đất nước và dân tộc Việt Nam, đã làm thay đổi tình hình cách mạng trong nước từ đó trở về sau ♦

² Hồi ký của đồng chí Cao Hồng Lãnh, bản chép tay lưu giữ tại gia đình. Bản sao ở Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

MẠM ĐÀM VỀ CON TRÂU QUA CA ĐAO, TỤC NGŨ, THÀNH NGŨ

ThS. Nguyễn Chí Trung

Tết đến, xuân về, nổi háo hức mong chờ, ước ao bao điều tốt lành, may mắn theo sắc mai/đào, nắng mới, chồi biếc lộc xuân, cứ ấm áp dội vào lòng người và vạn vật. Xuân qua rồi xuân lại tới, cứ tuần hoàn mà nhật nhật tân, hựu nhật tân. Có nhiều vô kể tết trâu trong lịch sử nhưng đã thành quá khứ. Tết trâu mới - Tân Sửu năm nay (2021) khác hẳn hơn bao giờ hết, bởi sau một năm Canh Tý nhiều khó khăn, nổi vất vả, lo âu do dịch bệnh (COVID - 19) và thiên tai khắc nghiệt. Mọi người đều háo hức đón chào năm mới, mong xua tan năm cũ với nhiều khát vọng tốt đẹp. Tuy vậy, dù cho điều kiện sống đã cho con người những đổi thay với nhiều ước vọng, nhưng về văn hóa, những hàm ý ẩn chìm, các lớp văn hóa cũ mới vẫn xuyên luyến với nhau khiến người ta hay hoài niệm, nhớ nhung.

Trong hệ lịch can chi, năm sửu - tuổi sửu tức là tuổi con trâu, đứng hàng thứ 2 trong 12 con giáp và hàng đầu trong lục súc (*6 con vật nuôi trong nhà gồm trâu, chó, ngựa, dê, gà, lợn*). Chẳng rõ con trâu đã được trước bạ trên địa dư trái đất từ bao giờ, chỉ biết các nhà khoa học đã tìm thấy “*hóa thạch trâu*” có niên đại cách ngày nay hàng chục vạn năm trong các hang động ở miền Bắc nước ta. Trâu tượng trưng cho sự siêng năng, lòng kiên nhẫn, vững vàng và sự bền bỉ. Hơn nữa, trâu vốn còn là con vật

nuôi có vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống sản xuất và văn hóa của cư dân nông nghiệp, con trâu đã gắn bó với làng xóm của người nông dân từ miền xuôi đến miền ngược, vùng đồng bằng và miền núi, cao nguyên từ bao đời nay. Có thể nói, không có con vật nuôi nào trở thành như người bạn gắn bó thân thiết, gần gũi, thủy chung son sắt với người nông dân Việt Nam hàng nghìn năm nay như con trâu. Hình ảnh con trâu kéo cày trên ruộng đồng trồng lúa, hay con trâu đứng, nằm gặm, nhai cỏ trên bãi (*cỏ*), hoặc đắm mình trong vũng ao hồ nước là hình ảnh quen thuộc, gợi lên cảm giác thi vị thanh bình vùng quê Việt Nam. Con trâu là hình ảnh của bản chất hiền lành, cần cù của con người Việt, biểu tượng cho sức khỏe lực điền. Trong tri thức về loài vật của người Việt thì tri thức về con trâu là có sớm nhất và đầy đủ nhất. Hình ảnh con trâu siêng năng, cần cù gắn liền với lũy tre làng thể hiện một nét văn hóa và là biểu tượng không chính thức của Việt Nam. Nó được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống tinh thần từ hàng ngàn năm qua và trong văn thơ, hội họa, âm nhạc từ dân gian đến đương đại, nhất là trong ca dao, tục ngữ, thành ngữ dân gian Việt Nam, mà ở đó con người muốn gửi gắm nhiều quan niệm, triết lý nhân sinh.

Với cư dân nông nghiệp người Việt xưa, con trâu là cả một khối tài sản, vốn

liếng không lồ của một gia đình, “là đầu cơ nghiệp”. Thật không gì quý hóa ý nghĩa như con trâu đối với người nông dân. Thậm chí ngay cả những người tầng lớp trên trong xã hội xưa cũng xem trâu là “thước đo” của sự giàu sang, sung túc. Ai quên được hình ảnh gã phú ông giàu nứt đố, đổ vách khoe mình có “ba bò chín trâu”. Và “Ruộng sâu trâu nái” cùng với “con gái đầu lòng” sẽ là niềm hạnh phúc, hãnh diện nhất của một nông phu ở thôn quê. Ở đây, nói về hạnh phúc của các cặp vợ chồng trẻ lần đầu được làm cha, làm mẹ nhưng gián tiếp cho chúng ta biết quan niệm về sự giàu có. Người nông dân xưa quan niệm, đáng nam nhi trong đời có ba việc lớn: lấy vợ, làm nhà và có một con trâu:

Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà

Cả ba việc ấy thật là khó thay

Trong sinh hoạt nông nghiệp, công việc của người nông dân vốn nặng nhọc, với bao công đoạn làm đất, gieo cấy, thu hoạch... con trâu tỏ rõ vai trò là người bạn thân thiết, người bạn đồng hành sẵn sàng cùng con người trong mọi việc từ cày, bừa, chở lúa, ngô, khoai và phân bón ruộng, và tất cả những gì mà sức người không kham nổi, trâu đều giúp người một cách lặng lẽ. Trong khi đó, nuôi trâu không tốn kém và công sức, bởi trâu không kén ăn mà sức chịu đựng lại dẻo dai. Thức ăn cho trâu chỉ là những phế phẩm từ nông nghiệp như rơm, rạ, cọng rau khoai, thân cây bắp, ngọn mía, cỏ dại...

Chính vì vậy, trâu

là một tài sản quý của người nông dân. Chỉ có “thằng Bờm đại ngốc” mới từ chối đổi “ba bò chín trâu” cho cái quạt mo của mình. Trâu là tài sản, vì vậy người xưa thường nhắc nhở: “Sai con toán bán con trâu”, nghĩa là làm ăn, buôn bán không cẩn thận là bán “con trâu là đầu cơ nghiệp”. Thật hiếm có con vật nuôi nào mà tình cảm tha thiết, triu mến, thân thương với con người như con trâu. Từ thuở ấu thơ chúng ta đã từng nghe câu ca dao qua lời ru, với lời nhắn gửi thiết tha, ân tình sâu nặng của nhà nông với bạn trâu đồng hành chung thủy:

Trâu ơi ta bảo trâu này,

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta,

Cấy cày vốn nghiệp nông gia,

Ta đây trâu đấy, ai mà quản công,

Bao giờ cây lúa có bông,

Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Hình ảnh bức tranh quê luôn lưu lại trong ký ức mỗi con người Việt Nam hết sức đặc sắc, hàm chứa những giá trị nhân văn vĩnh hằng: “Trên đồng cạn, dưới đồng sâu; Chông cày, vợ cấy, con trâu đi



bừa..”. Ai cũng hiểu, cảm nhận được đằng sau vẻ đẹp lao động thanh bình, hạnh phúc kia là bao cực nhọc, vất vả của người nông dân. Và điều đáng nói hơn, con trâu hiện lên bình đẳng với người như một chủ thể lao động không thể bỏ sót trong cuộc sống của người nông dân.

Mặt khác, bên cạnh lớp/nghĩa đen đi từ tục đến thiêng, con trâu đi vào nghĩa bóng, hoặc chen lẫn lớp nghĩa bóng bằng các thủ pháp so sánh ví von, ẩn dụ, phóng dụ... khá phong phú, phản ánh đời sống tâm lý phức tạp muôn vẻ của con người với con người và xã hội.

“Trâu chết để da, người chết để tiếng”, nghĩa là trâu chết còn da để dùng làm nhiều việc, người ta chết để lại tiếng thơm hay xấu. Cách ví von trên có giá trị cảnh tỉnh rất cao, là lời răn dạy nhẹ nhàng của người xưa: đến lúc nhắm mắt xuôi tay vẫn nên giữ gìn lấy cốt cách, phẩm hạnh. Và nét tâm lý phức tạp này có giá trị phổ biến bởi nó là một dạng suy nghĩ và hành động giống nhau của mọi người: *“Bụng trâu làm sao, bụng bò làm vậy”*; *“ngưu tầm ngưu, mã tầm mã”*; *“Trâu dê lúc chết té ruồi, sao bằng lúc sống ngọt bùi là hơn”* để lại bài học về cách ứng xử sao cho hài hòa, êm đẹp. *“Trâu bò được ngày phá cỗ, con cháu được ngày giỗ ông”* chứa đựng niềm hạnh phúc hiếm hoi, no đủ khi con cháu tưởng nhớ ông bà. Quan hệ mua bán sòng phẳng có: *“Trâu trao trạc (thừng), bạc trao tay”*; *“Trâu buộc thì ghét trâu ăn, Quan võ thì ghét quan văn dài quần”* nói về sự ganh ghét nhỏ nhen, đố kỵ tầm thường thời nào cũng tồn tại. *“Trâu bò đánh nhau ruồi muỗi chết”* chính là nỗi oan gia mà người dân thấp cổ bé họng thường bị cuốn theo, kẻ dưới thiệt thòi khi cấp trên xung đột. Những ai bị nhiều

tầng áp bức có thể thấy mình qua hình ảnh: *“Voi đạp cũng chết, trâu đạp cũng chết”*; *“Trâu chậm uống nước đục”* hay *“Trâu chậm uống nước dơ, trâu ngơ ăn cỏ héo”* là hiện thực không mấy dễ chịu luôn diễn ra trong cuộc chiến giành sự sống giữa đời thường. *“Trâu lăm vấy càn”* liên hệ đến kẻ ưa nói xấu người khác. *“Trâu lành không ai mặc cả, trâu ngã khối kẻ cầm dao”*, lợi dụng lúc người đang yếu thế mà tấn công. Để từ đó dẫn đến cảnh *“làm ăn như mổ bò, mổ trâu”*, huyên náo âm ỹ mà hiệu quả không ra gì. *“Trâu chết mặc trâu, bò chết mặc bò, củ tỏi giắt lưng”*, ý nói người ích kỷ, chỉ biết lo cho phần mình. Người cầm tinh con trâu tự cho mình là vất vả, phải *“kéo cày trả nợ”*. Nhất là *“Trâu đẻ tháng mười, người đẻ tháng sáu”* đem lại niềm vui không trọn vẹn, không đúng lúc, bởi tháng mười và tháng sáu là hai tháng bận rộn gặt hái nhất của nhà nông ngày xưa. Kẻ hợm mình về học vấn có thể soi gương qua câu thành ngữ: *“Trâu kén cỏ trâu gầy, trò kén thầy trò dốt”*. Với hình ảnh *“trâu”* và *“cỏ”* người xưa bộc lộ quan niệm hôn nhân trong nội bộ làng xã, o bế, khép kín (đến nay không còn phù hợp): *“Trâu ta ăn cỏ đồng ta, tuy rằng cỏ cụt nhưng mà cỏ thơm”*. Những cuộc hôn nhân kiểu này, sự chủ động chỉ ở một phía đàn ông bởi quan niệm: *“Trâu đi tìm cọc ai đời cọc đi tìm trâu”* và kén chọn nhân duyên rồi có ngày giật mình: *“trâu quá sá, mạ quá thì”*. Có câu: *“Thứ nhất vợ đại trong nhà, Thứ nhì trâu chậm, thứ ba rựa cùn”*... nhưng cũng chính dân gian lại có cách lý giải, có vẻ *“biện chứng”* hơn là *“Vợ đại thì đẻ con khôn, trâu chậm lăm thịt, rựa cùn chịu bầm”*...

Cũng không phải ngẫu nhiên, hình ảnh *“trâu”* luôn hiện lên đối sánh với *“bò”*, chúng tương đồng về vóc dáng,

khối lượng công việc nhưng sức lực lại nhiều khác biệt: “*Yếu trâu hơn khỏe bò*”; “*Trâu ho hơn bò rống*”. Và dân gian có cả một núi tri thức để chọn giống, xem tướng trâu bò. “*Trâu cổ cò, bò cổ giải (con giải - rùa); tai lá mít, đít lông bàn, sừng cánh ná, dạ bình vôi, mắt ốc nhồi, xoáy tròn*”... là cách tìm trâu bò khỏe. “*Trâu cổ tròn (dài); bò cổ ngắn, (cổ ngắn)*”; *Trâu dắt ra (đồng), bò dắt vào (chuồng)*” cho kinh nghiệm chọn trâu bò siêng năng. “*Trâu to ngà (sừng), càng già đường kéo*”; “*Trâu khỏe chẳng lo cày trưà, mạ già ruộng ngấu không lo bạn điền.*” Trẻ mục đồng phải biết: “*Trâu dong, bò dắt (vì bò hay đá hậu).*” Tướng “*Trâu hoa tai, bò gai sừng*”; “*Trâu mõm đen, bò lưỡi trắng*” chỉ loại trâu bò yếu, không đủ sức cày, bừa. Tệ hơn nữa là: “*Trâu nghiêng hàm, bò bạch thiết (lưỡi trắng)*” hay “*trâu trắng đi đầu, mắt mùa đen đáy*”. Theo quan niệm

duy tâm trâu bò loại này thường báo điềm không hay cho gia chủ. Trâu trắng bị bạch biên, rất hiếm thấy, ý chỉ những người không may mắn vì khác mọi người xung quanh, bị coi là lạc loài, điềm xấu.

Hình ảnh con trâu không chỉ gắn liền với văn hóa cổ truyền mà còn được tiếp nối trong các hoạt động văn hóa, thể thao hiện đại. Con trâu vàng là biểu tượng được chọn của SEA Games 22 (năm 2003), với ước vọng về mùa màng tốt đẹp, ấm no, hạnh phúc, sức mạnh và thể hiện tinh thần thượng võ của người Việt, sức mạnh của văn hóa truyền thống. Rõ ràng ở nước ta, trong sinh hoạt văn hóa, con trâu đã giữ một vai trò đáng kể:

*Con trâu gắn với con người
Đầu ngư rục rỡ muôn đời còn soi.*



Hình ảnh con trâu được trích trong sách *Kỹ thuật người An Nam* của Henry Oger

NĂM SỬU VỚI NHỮNG SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN DI TÍCH Ở HỘI AN

CN. Võ Hồng Việt

Trâu là con vật đứng ở vị trí thứ 2 trong số 12 con giáp tương ứng với 12 địa chi (*Thập nhị địa chi: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi*) theo quan niệm văn hóa cổ truyền của dân tộc. Trong âm lịch, tháng cầm tinh con trâu (*tháng 12*) được gọi là tháng Sửu và năm cầm tinh con trâu được gọi là năm Sửu với các tháng/năm can chi: Tân Sửu, Quý Sửu, Ất Sửu, Đinh Sửu và Kỷ Sửu. Chu kỳ của mỗi năm can chi là 60 năm.

Trong lịch sử, ở Hội An có nhiều sự kiện quan trọng diễn ra trong năm Sửu. Tại các di tích, hình ảnh con trâu được thể hiện độc đáo dưới hình thức trần yểm trong kiến trúc theo quan niệm tâm linh; nhiều di tích được xây dựng hay tu bổ hoặc được phụng cúng đồ vật, tự khí trong năm Sửu. Dưới đây là một số sự kiện diễn ra trong năm con Sửu liên quan đến một số di tích cổ ở Hội An.

Năm 1757 - Đinh Sửu: Tu bổ hội quán Phước Kiến

Hội quán Phước Kiến tọa lạc tại số 46 đường Trần Phú, phường Minh An, thành phố Hội An. Đây là một công trình kiến trúc nghệ thuật khá quy mô ở Khu phố cổ Hội An, đồng thời cũng là di tích tín ngưỡng linh thiêng được nhiều người lễ viếng. Hội quán được xây dựng để thờ

thần (*chủ thần: Thiên Hậu Thánh Mẫu*), tiền hiền và hội họp đồng hương của bang Phước Kiến. Theo văn bia lập vào năm Đinh Sửu (1757) cho biết, khoảng hơn 60 năm trước (*có thể năm 1697 - Đinh Sửu hoặc sớm hơn*), một chiếc thuyền buôn vớt được tượng thần và dựng ngôi miếu bằng tranh tre để thờ. Do lâu ngày, ngôi miếu bị hư hỏng nên tháng 3 năm 1757 lập lại miếu bằng ngói. Tấm bia ghi lại sự kiện này do Thi Trạch Hoành, người huyện Tấn Giang, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến lập. Nội dung tấm bia được nhà nghiên cứu Nguyễn Bội Liên dịch như sau:

“Nhớ đến tia sáng trước thì không quên được, lòng lành của thần đã cảm hóa một chiếc thuyền buôn cứu giúp cho chúng được bình ổn an toàn. Kim thân ngài phiền diễn trong khốn khổ hơn 1 năm. Ngài có tội gì mà bắt phải chịu tai ách ấy? chẳng qua vì có đệ tử mà cầu tài vậy. Lúc giờ Ngọ trời trong sáng, từ trong nước ôm kim thân lên núi. Đến đất Cẩm An nước Chiêm Thành, ở đây dựng lại miếu bằng tranh, hơn 60 năm, miếu không còn vì lâu ngày. Đến năm nay, khoảng tháng 3 mới làm lại miếu linh từ bằng ngói để nêu danh tế thế, chớ không để mưu đồ cầu lợi mà đến đây. Xin bày tỏ việc ấy.”

Huyện Tấn Giang, Phủ Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến

Kể đệ tử gọi ơn Thi Trạch Hoàn kính lập.

Ngày tốt tháng 5 năm Đinh Sửu đời vua Càn Long (1757)”¹

Năm 1817 - Đinh Sửu: Tu bổ di tích Chùa Cầu

Chùa Cầu, còn gọi là Cầu Nhật Bản, tên chữ Lai Viễn Kiều, là công trình kiến trúc tiêu biểu, độc đáo thể hiện mối quan hệ giao lưu văn hóa hữu nghị Việt - Nhật - Hoa tại đô thị thương cảng Hội An trong lịch sử. Vào đầu thế kỷ XX, Chùa Cầu được Viện Viễn Đông bác cổ liệt hạng là 1 trong 3 di tích đẹp nhất ở Faifoo (*Hội An*). Tương truyền, chùa Cầu do người Nhật Bản xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XVI bắt qua khe nước sâu để giao thương, đi lại được thuận tiện. Bên cạnh Cầu có miếu thờ Bắc Đế Trấn Vũ. Năm Kỷ Hợi - 1719, chúa Nguyễn Phước Chu đến Hội An, đi qua cầu và ban cho tên chữ Lai Viễn Kiều khắc biển treo tại Chùa Cầu đến ngày nay. Từ khi xây dựng cho đến nay, Chùa Cầu được tu bổ nhiều lần, trong đó có lần tu bổ vào năm Đinh Sửu - 1817 và Ất Sửu - 1865. Bia đá khắc ghi lần tu bổ năm Đinh Sửu - 1817 đặt ở đầu phía Đông Chùa Cầu, kích thước 57 x 115cm, do đốc học dinh Quảng Nam Khê Đình Bá Đình Tường Phủ soạn. Nội dung bia có đoạn:

“... Nhưng việc đời hễ có nên thì có hư, cầu làm bằng gỗ lâu ngày bị mối mọt, nếu không tu bổ kịp thời không khỏi

có điều trở ngại. Vì vậy viên chức trong làng tình nguyện kể của người công chung sức lo tu bổ lại. Công việc hoàn thành vào tháng Kỷ Dậu, năm Đinh Sửu, có nhờ tôi làm bài ký. Tôi sực nhớ câu của Văn Xương Đế quân “làm cầu cho muôn ngàn người qua lại cũng là một việc đức đó.

Từ nay về sau trăm ngàn người đều nhớ thì công đức ấy không thể lường được. Vậy nên làm bài ký này.

Lời minh:

Qua con đường ấy khe nước lâu lâu

Trên nước bắc cầu ấy thật công đầu

Nay tu bổ lại, lòng tốt ơn sâu

Lại qua đây đó, đi chóng về mau

Được nhiều tiện lợi từ nay về sau”²

Năm 1829 - Kỷ Sửu: Mua đất để xây dựng miếu Âm hồn (Nghĩa Từ)

Theo một số văn bản Hán Nôm tại miếu Âm Hồn cho biết, vào năm Minh Mạng thứ 10, tức năm Kỷ Sửu - 1829, cộng đồng Tín Thiện Tộc thuộc xã Minh Hương mua một khu đất thuộc xứ Lâm Sa của xã Hội An để lập Nghĩa Từ, bốn mùa hương hỏa những âm hồn, anh linh của người quá cố chôn ở hoang trũng bên cạnh. Qua lục khoản ghi trên bức hoành 義祠 (*Nghĩa Từ*) và xà cò tại di tích có thể xác định Nghĩa Từ được xây dựng hoàn thành vào năm Canh Dần (1830).

Bức chữ tại miếu có đoạn: “*Minh Mạng thập niên Kỷ Sửu bản tộc thủy đồng quyền tư lực trợ cầu mãi thổ viên*

¹ Nhóm nghiên cứu Hội An (2014), *Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 1 - Văn bia*, trang 144.

² Nhóm nghiên cứu Hội An (2014), *Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 1 - Văn bia*, trang 191.

nhất khoảnh tại Hội An xã Lâm Sa xứ, kiến thử Nghĩa Từ tứ thời hương hỏa vi lâu thần chi sở...”³



Năm 1841 - Tân Sửu: Lập bia về đời chùa Cẩm Lý và đổi tên thành chùa Viên Giác

Chùa Viên Giác tọa lạc tại số 52 đường Hùng Vương, thuộc phường Cẩm Phô, thành phố Hội An. Tên cũ của chùa là Cẩm Lý tự, nằm ở Xuyên Trung, làng/xã Cẩm Phô xưa (nay là khối Xuyên Trung, phường Cẩm Nam). Do nằm sát bờ sông, lâu ngày bị nước xói lở nên dân làng dời chùa đến vị trí hiện nay vào năm Tân Sửu - 1841 và đồng thời đổi tên là Viên Giác tự. Từ đó đến nay, chùa Viên Giác được tu bổ ít nhất 5 lần, trong đó có lần vào năm 1937 (năm Đinh Sửu).

Tại chùa Viên Giác hiện có 4 bia đá lớn, trong đó có 1 tấm ghi chép về sự kiện chuyển dời và đổi tên thành Viên Giác tự. Tấm bia đá này có kích thước 134cm x 94cm. Nội dung văn bia do Phó bảng khoa Mậu Tuất, Hàn Lâm viện Thị giảng học sĩ Nguyễn Tường Vĩnh chế.

Đề cập đến việc dời và đổi tên chùa, văn bia có đoạn:

“Chùa này thiền sư làng ta lập nên. Phía nam có sông lớn thường trong sạch, phía bắc có bãi cát trải rộng, phía đông tiếp thông với bến sông nơi ghe thuyền, xe cộ tấp nập, phía tây trông thấy đường sá qua lại của thành ấp. Đây là thắng cảnh của một làng vậy. Sau lúc binh qua thiêu đốt chùa bỏ thành hoang rậm, vắng bóng tăng đồ, mái rui hư hại không đứng vững, toàn xã đều nhớ di tích cũ... và vậy. Lại nhân chùa xưa ở xứ Xuyên Trung bị xói. Năm qua, tháng 5, kẻ thiện tâm trong xã lúc rồi rãnh mới lo kinh doanh đỡ chùa này lấy cây gỗ tu lại chính diện, quyên góp tài lực của thập phương xây mới tiền đường. Tịnh xá mát sạch, thể chế thấy thêm mới mẻ. Góc, mái sáng cao bao la cả vạn chúng sinh. Sương chiều giao rèm ngọc, sáng sớm lọt cửa son, gió trắng dội sáng chốn viện đình, xuân thu cỏ hoa hương sực nức, làm nên chốn quảng cư rộng rãi để yên trí tượng thần. Trước đó chùa chưa có tên hiệu, nay lấy tên là Viên Giác”⁴

Năm 1853 - Quý Sửu: Xây dựng đình Tiền hiền Kim Bồng

Đình Tiền hiền Kim Bồng tọa lạc tại thôn Phước Trung, xã Cẩm Kim; là nơi thờ Thành hoàng và các bậc Tiền hiền, Hậu hiền đã có công khai hoang, lập làng Kim Bồng xưa. Đình được xây dựng vào năm Tự Đức thứ 6 (1853), đã qua nhiều lần trùng tu. Cổng đình kiểu tam quan khá quy mô, phía trong có bình phong án ngữ phía trước mặt đình. Kiến trúc đình kiểu tiền đường hậu tẩm, bờ

³ CN. Lê Thị Lưu, Phòng Tư liệu và Thông tin Di sản thuộc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phiên âm.

⁴ Nhóm nghiên cứu Hội An (2014), *Di sản Hán Nôm Hội An, Tập 1 - Văn bia*, trang 100.

nóc cong hình thuyền, bờ chày giạt cấp, mái lợp ngói âm dương điểm xuyên nhiều chi tiết trang trí đề tài tứ linh, hoa lá. Các chi tiết gỗ bên trong đình chạm khắc những đồ án trang trí tinh xảo thể hiện bàn tay tài hoa của người thợ Kim Bồng. Ghi chép về việc xây dựng đình, xà cò tại di tích khắc: 嗣德陸年歲次癸丑仲冬穀旦金蓬洲南甲員官鄉職老兵民本甲全建造 (*Tự Đức lục niên tuế thứ Quý Sửu trọng thu cốc đán Kim Bồng châu Nam giáp viên quan hương chức lão binh dân bản giáp đồng kiến tạo*)



Năm 1913 - Quý Sửu: Tu bổ Văn chỉ Cẩm Phô. Xà cò tại di tích đề: 維新七年癸丑同社 [?] 造 (Duy Tân thất niên Quý Sửu thu đồng xã [?] tạo)

Năm 1937 - Đinh Sửu: Tu bổ chùa Viên Giác

Năm 1985 - Ất Sửu: Khu phố cổ Hội An được Bộ Văn hóa (*nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*) cấp bằng xếp hạng di tích cấp quốc gia theo Quyết định số 506/VH-QĐ ngày 19/3/1985.

Năm 1997 - Đinh Sửu:

- 98 di tích - danh thắng ở Hội An được UBND tỉnh Quảng Nam đưa vào danh mục bảo vệ theo Quyết định số 1353/QĐ-UB ngày 15/8/1997 như: Đình Tiên hiền Hội An, đình Kim Bồng, đình Ông Voi, đình Thanh Hà, đình An Mỹ, đình Sơn Phô, đình ấp Tu Lễ, đình ấp An Bang, đình ấp Bộc Thủy, đình ấp Xuân Lâm, mộ Nguyễn Duy Hiệu, Khổng Tử miếu và Đài kỷ niệm danh nhân chí sĩ Quảng Nam,...⁵

- Tu bổ miếu tổ nghề gốm Nam Diêu: Khu miếu tổ nghề gốm Nam Diêu nằm ở khối Nam Diêu, phường Thanh Hà (*xưa là làng/xã Thanh Hà*) là di tích tín ngưỡng cộng đồng có diện tích rất rộng. Trong khuôn viên có 04 ngôi miếu gồm: miếu tổ nghề gốm Nam Diêu, miếu Thái Giám, miếu Âm Linh và miếu Sơn Tinh. Miếu tổ nghề gốm được xây dựng 1868, mặt tiền có 3 lối vào hình vòm cuốn, bên trong là hệ cửa thượng song hạ bản.

Bố cục miếu kiểu tiền đường hậu tẩm, ba gian, hai lòng. Miếu được trùng tu vào năm 1893, 1933, 1997 (*Đinh Sửu*).

Năm 2009 - Kỷ Sửu: Khu phố cổ Hội An được xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 12/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng

⁵ Trung tâm Quản lý bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2000), *Danh mục Di tích Hội An*, trang 11-19.

YẾU TỐ TÍN NGƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN CON TRẦN TRONG VĂN HÓA KIẾN TRÚC Ở PHỐ CỔ HỘI AN TRƯỜNG HỢP NHÀ SỐ 11/10 TRẦN PHÚ

KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc

Dẫn nhập

Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, “*xu cát tị hung*” (*mong điều lành, tránh điều xấu*) là tâm lý phổ biến của con người. Để có thể biến “*hung*” thành “*cát*”, trong văn hóa phương Đông, ngoài việc thờ cúng các đối tượng gây hại để không tiếp tục bị hại, dựa vào thế lực khác để phủ dụ, che chở, vận dụng các yếu tố ngũ hành, phong thủy để khắc chế các yếu tố bất lợi, một phương thức thường dùng là sử dụng vật trấn yểm, trấn trạch. Trấn yểm (*hay trấn ếm, ếm đối*) là việc “*dùng bùa phép ngăn chặn ma quỷ hay điều xui xẻo*”¹. Trấn trạch: “*giữ nhà, chống ma quỷ, chống việc xui xẻo*”². Trấn yểm có nguồn gốc nguyên thủy, về sau được khái quát hóa dựa theo các nguyên lý triết học, tôn giáo. Thật vậy, ngày nay chúng ta cũng không khó khăn để tìm thấy các dấu vết của trấn yểm ở các dân tộc, bộ tộc còn lưu giữ các tập tục nguyên thủy ở Việt Nam nói chung và các quốc gia, khu vực khác.

Ở Việt Nam, trấn yểm là việc khá phổ biến trong dân gian. Hội An cũng không phải là ngoại lệ, chúng tôi đã ghi

nhận nhiều trường hợp, dấu vết về việc trấn yểm, thậm chí nó rất phổ biến và xuất hiện trên nhiều công trình kiến trúc dân dụng, tín ngưỡng,... Nội dung bài viết này tập trung nghiên cứu một công trình kiến trúc dân dụng là ngôi nhà số 11/10 đường Trần Phú, phường Minh An để nhằm chỉ ra rằng việc trấn yểm trong kiến trúc dân dụng ở Hội An là khá phổ biến, thông qua việc trấn yểm chủ nhân công trình đó mong muốn đạt được những mục đích nhằm đem lại sự cát tường cho ngôi nhà mà mình cư ngụ. Bài viết này tác giả không có ý định đi sâu nguồn gốc, các lý thuyết về phong thủy mà nó như là một cuộc thám sát với các phương pháp mô tả, đối chiếu so sánh, tham vấn về một công trình nhằm mang đến một cái nhìn khái quát về một công trình có sử dụng phương thuật trấn yểm và cố gắng lý giải các mục đích của các phương thuật trấn yểm đó.

1. Trấn yểm đối với kiến trúc dân dụng.

Giai đoạn Trung, Cận đại, Hội An là khu vực có sự giao thoa của nhiều nền văn hóa, nhiều tộc người mà ngày nay chúng ta vẫn còn thấy rõ dấu vết của nó trong rất nhiều lĩnh vực, trong đó có kiến trúc. Kiến trúc cổ Hội An tiếp nhận sự ảnh hưởng sâu đậm của kiến trúc vùng

¹ Viện Ngôn ngữ (2007), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Từ điển bách khoa, trang 1316.

² Viện Ngôn ngữ (2007), *sđd*, trang 1316.

Nam Trung Hoa, cũng không khó để lý giải điều này, bởi trong quá khứ Hội An từng là một thương cảng và là một trong những điểm đến hấp dẫn của thương nhân, văn nhân, tăng nhân... Trung Hoa mà phần lớn là từ các vùng Đông Nam Trung Hoa như: Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam. Khi bộ phận lưu dân này tới Hội An, họ cũng mang theo văn hóa bản xứ của họ, đối với kiến trúc, các phương thuật về phong thủy áp dụng khác phổ biến và dễ dàng nhận ra. Thầy địa lý đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc xây dựng, sửa chữa các công trình kiến trúc, bao gồm kiến trúc dân dụng. Trước khi xây dựng chủ nhân các công trình thường mời các thầy địa lý tư vấn, và trong quá trình sử dụng nếu có vấn đề thì chủ nhân các công trình đó cũng tham vấn ý kiến của các thầy địa lý, phong thủy.

Kiến trúc cũng là một biểu hiện của văn hóa và do đó tiềm ẩn trong hình thể của kiến trúc là các yếu tố về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng. Người xưa quan niệm rằng, một ngôi nhà có vị trí địa lý tốt về mặt phong thủy sẽ đảm bảo cho gia đình được ấm êm hạnh phúc, làm ăn phát đạt, cuộc sống bình an, trái lại sẽ gặp nhiều tai ương, bất trắc. Vì vậy, việc lựa chọn vị trí dựng nhà hết sức quan trọng trước khi tiến hành xây dựng. Ngoài ra, việc bố trí phòng ốc, nội thất trong nhà cũng theo một số quy định về phong thủy. Bên cạnh đó, gia chủ cũng cần lưu tâm đến môi trường sống xung quanh, đặc biệt là các ngôi nhà lân cận, bởi có thể có các yếu tố xung phạm gây ảnh hưởng tiêu cực đến ngôi nhà mình, đến vận mệnh của gia chủ.

Dân gian có câu “*Nhất góc ao, nhì đao đình*” để nói về một trong những điều đại kỵ trong xây dựng kiến trúc truyền thống, đó là góc ao hoặc góc cạnh của mái đình (*hoặc các công trình tôn giáo, tín ngưỡng khác*) hướng vào chính diện nhà, mở rộng ra là đòn dông hoặc mái nhon nhà hàng xóm có hướng đâm thẳng vào nhà mình. “*Nóc nhà khác đâm vào nhà mình còn được gọi là thế nhà phạm mũi tên độc. Theo hình thế trong phong thủy, nóc nhà có hình tam giác thuộc hành Hỏa mà theo Ngũ hành thì Hỏa khắc Kim (tiền tài). Điều này khiến nhiều người lo ngại nếu bị nóc nhà khác chĩa vào sẽ khiến tiền tài nhà mình hao tổn. Xét về cấu tạo, nóc nhà trong kiến trúc xưa có các khe hở hai đầu thông gió hình tam giác, là nơi thoát khí tích tụ trong nhà. Khi nhà đối diện mở cửa mà gặp phải “tam giác ấy” thì sẽ bất lợi. Vì thế, người ta không chỉ kiêng đòn dông mà kị cả các đòn tay lợp mái chĩa vào nhà*”³. Đó là vị trí cần tránh khi dựng nhà hoặc gia chủ phải tìm cách hóa giải khi gặp phải.

Qua tham khảo nhiều bài viết về phong thủy, các cách hóa giải phổ biến nhất cho việc xung phạm này là: Trồng cây xanh, làm hàng rào hay treo màn để che chắn tầm mắt không còn nhìn thấy góc nhon đó; Treo quả cầu thủy tinh hoặc tấm gương (*bát quái*) phản chiếu lại góc nhon; (*ít phổ biến hơn*) Treo tấm biển đầu thú phía trên cửa hướng thẳng vào góc nhon phía trước. Ở Trung Hoa⁴, ngoài những cách trên, người ta còn nhờ

³ Nguồn tham khảo: <https://dothi.net/phong-thuy/tuyet-chieu-hoa-giai-phong-thuy-khong-tot-tu-hang-xom-ar44411.htm>

⁴ Nguồn tham khảo: <https://m.pai-hang-bang.com>

hàng xóm xây phần đầu tường phía trên cây đòn dông thành hình vuông thay vì hình tam giác để hóa giải; Nếu đâm thẳng vào sân, có thể xây bức bình phong có hình hổ xuống núi; Nếu đâm vào cửa sổ thì ảnh hưởng lớn, dễ bị đau đầu, khắc chế bằng cách đặt một chậu cây xanh ở bên cửa sổ, bên trên có thể treo một cái la bàn phong thủy hoặc một xâu 5 xu tiền (*tiền Ngũ Đế*), nếu cần thiết thì nên thường xuyên buông rèm...

2. Khảo sát trường hợp nhà số 11/10 đường Trần Phú

Ở Hội An, có một ngôi nhà cũng gặp phải yếu tố bất lợi kể trên và cách hóa giải cũng rất độc đáo là gắn đầu trâu trên nóc nhà. Nó không nằm chính giữa đường bờ nóc mà lại nằm lệch hẳn sang một bên (*chéch về phía Đông*). Đó là nhà số 11/10 đường Trần Phú, phường Minh An, nép mình trong một con hẻm nhỏ gần chợ Hội An. Trong trang trí kiến trúc truyền thống, hình tượng con trâu thường gắn kết với kiểu thức “*ngư - tiều - canh - mục*” hoặc “*ngư - tiều - canh - độc*”. Trong Phật giáo Đại thừa, con trâu thường xuất hiện trong “*Thập mục nguưu đồ*”⁵ (*mười bức tranh chăn trâu*). Nếu so với các con vật trong tứ linh hoặc các

con vật có thật khác như cá chép, hạc, sóc... thì hình tượng trâu ít được sử dụng hơn nhiều. Dùng đầu trâu cho mục đích trấn yểm thì lại càng ít thấy hơn nữa. Có thể nói, hình thức trấn yểm này là độc nhất vô nhị ở Hội An và cũng rất hiếm gặp ở các địa phương khác.

Ngôi nhà này là nơi cư trú của gia đình ông Thái Hải Vân (*63 tuổi*), người làng Minh Hương, nguyên quán Triều Châu. Gia đình ông mua lại ngôi nhà này vào năm 1947 từ người chủ cũ có tên là Nguyễn Văn Hường. Hiện không có bất kỳ tư liệu nào để xác định niên đại, tuy nhiên, theo lời ông Vân, ngôi nhà được xây dựng cách nay khoảng trên 150 năm, vì gia đình người chủ cũ đã sinh sống trong ngôi nhà này từ lâu đời trước khi nó được sang nhượng cho gia đình ông.

Nhà có mặt tiền xoay hướng Nam, bố cục tổng thể gồm cổng vào, sân trước, nhà chính và nhà phụ (*khu bếp và vệ sinh*). Cổng vào có mái che lợp ngói âm dương (*hai mái dốc*) kiểu truyền thống, cửa bằng gỗ, bên trên có gắn cặp mắt cửa hình bông hoa tám cánh bao bọc vòng tròn âm dương. Ở mỗi mảng của vòng tròn âm dương, người thợ mộc khéo léo chạm thêm vài nét tạo vân, đuôi cách điệu hình hai con cá đang quần lấy nhau rất sinh động. Bước qua cánh cổng là một khu vườn (*sân trước*) xanh mát với rất nhiều cây cảnh trang trí.

Nhà chính là nhà một tầng, gồm có hai nếp. Nếp nhà trước có kiểu thức nhà 5 gian, diện tích khoảng 4,7m x 12m, mặt tiền vách gỗ, mái hiên giạt cấp. Hệ khung gỗ chịu lực chính, tường bao xây gạch, nền láng xi măng (*trước đây là nền đất nện*), mái lợp ngói âm dương kiểu

⁵ Theo <https://thuvienhoasen.org/a18729/tranh-chan-trau-dai-thua-va-thien-tong>:

“*Tranh Đại Thừa vẽ con trâu đen. Lần lượt qua từng bước họa, trâu đen trở trắng lần lần, trắng từ trên đỉnh đầu, lan dần xuống mình, rồi chót đuôi.*”

Đó là tượng trưng cho phép tu TIỆM. Theo phép tu tiệm thì phải rất nhiều công phu mới tiến lên được từng nấc thang giác ngộ; nhờ công phu, cái tâm vọng lần hồi cạn lọc được trần cấu mà sáng lần lên, cũng như nhờ được điều dắt mà con trâu hoang lâu ngày chảy thẳng thuần thục lần, và trắng lần lớp da đen dơ dáy”.



bình ngõa. Khoảng trống giữa hai mái được xây kín bằng gạch và vữa, tạo nên một bức tường nhỏ mang tính chất trang trí. Ba gian giữa bằng nhau, rộng 2,4m, hai gian bên rộng 2,0m. Cột tiết diện tròn, chân cột có đá tán. Riêng hàng cột nhất hậu lại là cột gạch. Kèo có hình thức trính chồng trụ đội gồm ba lớp trính chồng lên nhau được tạo dáng mềm mại, chạm trổ trang trí đề tài dây lá. Hệ vách mặt tiền gồm bộ cửa đi 4 cánh thượng song hạ bản ở ba gian giữa; hai gian ngoài cùng là tường xây gạch và bộ cửa sổ 2 cánh lá sách gỗ. Hai cửa chính giữa của bộ cửa đi gian giữa luôn được khép hờ để hạn chế tầm nhìn trực tiếp vào bàn thờ chính bên trong và mọi người ra vào bằng lối này. Trên đầu cửa đi gian chính giữa treo bức hoành: 和 為 貴 (*Hòa vi quý*).

Để tránh hư mục cho hàng cột hiên (*do tiếp xúc trực tiếp với mưa nắng*), người ta xây thêm một hàng cột gạch bao bọc lấy một nửa cột gỗ ở phía trước. Hiên là nơi chuyển tiếp giữa không gian

bên trong và không gian bên ngoài nhà, sinh hoạt bên trong ít nhiều đều liên quan đến không gian này. Đây cũng là nơi khách nhìn thấy đầu tiên trước khi bước vào nhà chính, vì vậy, các cấu kiện gỗ ở hiên (*kèo, hạ kèo*) được chạm trổ rất tỉ mỉ, công phu với nhiều đồ án cát tường khác nhau. Có thể nói, đây là không gian có các chi tiết trang trí đẹp nhất trong ngôi nhà này. Đầu kèo chạm trổ dây lá

và các cuộn mây đan xoắn vào nhau. Đuôi kèo chạm dây lá và quả lựu cách điệu đầu con giao. Bụng kèo cũng được chú trọng trang trí với hình dơi ngậm dây tua, hoa sen và dây tua, cá chép vờn sóng nước, các loại quả... ở hai đầu. Khoảng giữa bụng hai thanh kèo gian giữa chạm lõng hình cây hoa mai, trúc (*đã bị gãy một phần, không còn hoàn thiện*). Hai thanh kèo còn lại mất hoàn toàn chi tiết này, có thể trước đây trang trí hình hoa lan, cúc theo đồ án "*tứ thời*"). Hạ kèo vươn ra đỡ đòn tay ở đuôi mái hiên cũng được chạm trổ, dù bị hư hại và mất chi tiết một nửa cấu kiện nhưng các đường nét còn lại vẫn rất mềm mại, mang tính thẩm mỹ cao.

Nếp nhà sau có kiểu thức nhà 3 gian hai chái, diện tích khoảng 5,65m x 12m. Hệ khung gỗ chịu lực, kèo kẻ chuyển, mái lợp ngói âm dương. Cột tiết diện tròn. Một điều khá thú vị là hai hàng cột lòng nhất được chôn thẳng xuống nền nhà, trong khi đó, hai hàng cột lòng nhì lại có chân đế đá tán. Các cấu kiện gỗ

trong nếp nhà này (*kèo, vách pano, con ke...*) cũng được chú trọng trang trí, tuy nhiên không nhiều so với nếp nhà trước và ở hiên. Trước đây, nếp nhà này còn kéo dài thêm chái về phía sau, có thêm một hàng cột (*cột lòng ba hậu*), tuy nhiên đã bị hư hỏng, gia đình đã tháo dỡ và xây thêm một bức tường gạch sát hàng cột lòng nhì hậu như hiện nay.

Về công năng sử dụng, gian giữa nếp nhà trước là nơi tiếp khách. Hai gian ngoài cùng (*và hai chái nếp nhà sau*) bố trí phản gỗ, giường ngủ, có vách gỗ ngăn phòng. Gian giữa nếp sau là nơi thờ tự rất tôn nghiêm. Phía trước là bàn thờ Phật. Sát vách tường phía sau, bên dưới là bàn thờ ông bà, tổ tiên; bên trên có khám thờ bằng gỗ thờ Quan Thánh Đế Quân. Khám thờ trang trí các đồ án cát tường như dây lá hóa rồng, long mã. Trán khám có chữ: 至誠能格 (*Chí thành năng cách*). Hai bên thân khám có cặp câu đối: 神所憑依將在 [德] \ 天惟陰隲相攸居 (*Thần sở bằng y tương tại [đức]⁶ \ Thiên duy âm chất tương du cư*).

Do nếp nhà sau của nhà đối diện (*nhà số 19 Tiểu La*) có trục đòn dông vuông góc với nhà chính ngôi nhà này nên buộc người chủ cũ phải có một hình thức hóa giải (*điều này chứng tỏ nhà 19 Tiểu La cũng được xây dựng từ rất lâu rồi*) bằng cách gắn đầu trâu trên đường bờ nóc nếp nhà trước thẳng theo trục đòn dông của nhà đối diện với quan niệm rằng (*theo lời ông Vân*): con trâu rất lành

tính nhưng lại vô cùng khỏe mạnh, dẻo dai, do đó dùng đầu trâu với cặp sừng lớn để “*húc*” (*chống*) lại những điều xui rủi có thể xảy ra cho gia đình mình. Đây là một cái đầu trâu thật, phần đầu được đắp một lớp vữa phủ bên ngoài. Trải qua thời gian dài, dưới tác động của thời tiết, cặp sừng bị hư hoại, ông Vân đã làm lại hai sừng trâu bằng bê tông để thay thế. Dọc theo trục đòn dông, sát bên trong tường rào còn có một cây thân gỗ (?) khá to, có lẽ được trồng cũng nhằm mục đích khắc chế yếu tố bất lợi kể trên.

“*Trâu vốn được coi là con vật mang nhiều đức tính như hiền lành, bền bỉ, mạnh mẽ nên nó là biểu tượng của sự an lành, no đủ. Trong sơ đồ Bát quái, trâu là quẻ Khôn, chủ về đất đai (Thổ), tức là sự thịnh vượng, bền vững*”⁷. Theo Ngũ Hành tương sinh, Thổ sinh Kim. Trong khi đó, như đã dẫn ở trên, nóc nhà (*hàng xóm*) có hình tam giác thuộc hành Hỏa thì lại khắc Kim. Đây là lý do gia chủ chọn con trâu để làm vật hóa giải, nhằm tạo sự cân bằng? Để có thể kiến giải được dụng ý của chủ nhà, cần phải có sự tìm hiểu chuyên sâu hơn nữa, sự nghiên cứu của các chuyên gia phong thủy.

Từ khi ở đến nay, gia đình ông Vân luôn được an ổn, bình yên, mọi việc hanh thông, con cháu làm ăn suôn sẻ. Vì tin vào sức mạnh trấn yểm của cái đầu trâu nên dù ngôi nhà đang dần xuống cấp, gia đình ông cũng không dám sửa chữa lớn, chỉ hư đâu sửa đó, thậm chí không dám tháo đòn dông xuống vì sợ lờ “*phạm*” điều gì đó thì e ngại chuyện

⁶ Chữ này bị che khuất không quan sát được, xin tạm đoán là chữ 德 (*Đức*).

⁷ Nguồn tham khảo: <https://vifengshui.com/tin-tuc/trau-phong-thuy-linh-vat-tran-yem-hung-tinh-va-mang-lai-su-doi-dao-id4330>

không hay có thể xảy đến. Nhờ vậy mà kiến trúc ngôi nhà được giữ gìn gần như nguyên vẹn đến ngày nay.

3. Tạm kết

Việc ứng dụng các phương thuật phong thủy trong kiến trúc dân dụng bất luận trên thực tế có mang lại hiệu quả hay không thật khó để kiểm chứng, tuy vậy, nhờ đó mà chủ nhân công có được cảm giác yên tâm vì tin rằng đã hóa giải được các vấn đề mà ngôi nhà mình của mình gặp phải. Các biểu hiện của các phương thuật phong thủy cũng làm cho các công trình kiến trúc có chiều sâu về mặt văn hóa, làm đa dạng các biểu hiện của kiến trúc. Thậm chí, trên giác độ bảo tồn, các phương thuật này cũng hạn chế việc thay đổi, sửa chữa của chủ nhân đối với công trình họ đang sử dụng hoặc sở hữu, giúp cho các công trình kiến trúc cổ được bền vững hơn với thời gian.

Sẽ có người cho rằng, việc dùng đầu trâu để trấn yểm như ở nhà 11/10

Trần Phú là mê tín dị đoan, u muội. Tuy nhiên, ở một góc nhìn khác, đây có thể được xem như một hình thức tín ngưỡng dân gian, là di sản của người xưa để lại và vẫn đang được gìn giữ cẩn trọng, thể hiện ước muốn cầu mong bình an, tốt lành, tránh những điều bất trắc, xấu xa. Hình thức trấn yểm này góp phần làm đa dạng các hình thức trấn yểm ở Hội An, là tư liệu để các nhà nghiên cứu tìm hiểu về quan niệm tín ngưỡng và văn hóa dân gian của người dân địa phương.

Chúng tôi cũng cho rằng, nghiên cứu về yếu tố phong thủy và các phương thuật phong thủy được áp dụng trong kiến trúc ở phố cổ Hội An vẫn đang là một mảng trống lớn, cần sự quan tâm hơn nữa, ít nhất cũng cần ghi nhận các biểu hiện của nó. Công việc này thực sự cần thiết đối với việc bảo tồn, tu bổ kiến trúc ở Hội An ♦



Nhà 11/10 Trần Phú - Ảnh: Hoàng Phúc

LỄ CÚNG ÔNG TÁO Ở HỘI AN QUA THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

CN. Nguyễn Thị Trang Thi

Một trong những tập quán, nghi lễ gắn lâu đời của người Việt Nam nói chung, người Hội An nói riêng vào dịp Tết đến xuân về là lễ cúng Ông Táo - một lễ cúng đầu tiên, khởi sự cho các lễ cúng trong ngày Tết cổ truyền. Lễ cúng diễn ra tại các gia đình của cộng đồng cư dân.

Theo quan niệm của người Việt, Ông Táo, còn gọi là Táo Quân hay Thổ Công - vị thần cai quản mọi hoạt động của gia chủ, quyết định sự may mắn, rủi ro, phúc họa của cả những người sống trong ngôi nhà. Vị thần này còn ngăn cản sự xâm phạm của ma quỷ, giữ bình yên cho gia đình gia chủ. Vì vậy tục cúng Ông Táo mang ý nghĩa cầu mong cho sự ấm no, đầy đủ, sau đó mới đến ý nghĩa thờ "Thần Bếp" chuyên cai quản việc bếp núc. Từ xa xưa, người Việt đã ngưỡng mộ lòng chung thủy của Ông Táo và thờ cúng Ông Táo với hi vọng Táo Quân sẽ giúp họ giữ "bếp lửa" trong gia đình luôn nồng ấm và hạnh phúc. Là một vị thần gắn bó với không gian bếp, là vị thần coi quản và nắm bắt được tất cả mọi hoạt động, mọi chuyện tốt xấu của tất cả mọi người trong gia đình. Vì vậy, người Việt đã tổ chức lễ tiễn đưa Ông Táo về châu Ngọc Hoàng vào ngày 23 tháng Chạp nhằm báo cáo mọi việc xấu, tốt của gia đình trong năm qua cũng như cầu mong mọi điều tốt đẹp cho gia đình trong năm mới.

Cúng Ông Táo là một lễ cúng được xem là quan trọng trong các ngày lễ tết của người Việt. Ngoài mục đích tiễn Ông Táo về châu Ngọc Hoàng Thượng Đế để báo cáo tình hình trong năm qua và bày tỏ những ước nguyện, cầu mong được giúp đỡ cho gia đình trong năm đến làm ăn thuận lợi, may mắn hơn, tục lệ còn thể hiện sự tri ân đối với các vị thần đã quanh năm lo toan cai quản, duy trì nếp sinh hoạt gia đình, đồng thời nhắc nhở mỗi người có trách nhiệm hơn trong việc quan tâm, thu vén gia đình.

Tại thôn Cửa Suối, xã Cẩm Hà, hầu hết các gia đình đều tổ chức lễ cúng tiễn Ông Táo về châu trời vào giờ Tý (*đêm ngày 22 đến rạng sáng ngày 23 tháng Chạp hằng năm*). Tùy vào hoàn cảnh của từng gia đình nên thời gian cúng được linh hoạt từ 21 giờ ngày 22 tháng Chạp đến 1 giờ ngày 23 tháng Chạp. Tuy nhiên, vẫn còn một số nơi, một số gia đình tổ chức lễ cúng Ông Táo trong ngày 23 (*từ sáng cho đến cuối ngày 23 âm lịch*), với quan niệm "23 tháng Chạp - ngày Ông Táo bay về trời".

Theo kinh nghiệm dân gian người Việt, ngày 23 tháng Chạp, lúc Ông Táo về châu trời thường có gió nhẹ, cho nên mới có câu:

*"Gió đưa Ông Táo về trời
rau răm ở lại chịu đời/lời đắng cay".*

Bàn thờ Ông Táo thường được đặt ở bếp, đối diện với người đứng nấu nướng hằng ngày. Bàn thờ đặt cao quá đầu để dễ bề thấp hương cũng như thuận tiện cho việc cúng tế, không nhất thiết phải đặt cố định theo hướng nào đó mà phải theo hướng của bếp nấu, bếp nấu ở dưới thì bàn thờ Ông Táo nằm phía trên của bếp.

Ở Hội An, lễ cúng Ông Táo được diễn ra tại gia đình, việc thiết lập mâm cúng tiễn đưa Ông Táo thường được đặt trong phòng bếp, đối diện với Ông Táo hoặc nơi đặt bếp ga (*những nhà không có bàn thờ*). Một số gia đình đặt mâm cúng Ông Táo tại Ngũ Tự Gia Đường hoặc trên trang thờ tự bề trên của gia đình. Việc đặt đặt mâm cúng Ông Táo không nhất thiết phải để ở bếp nơi thờ Ông Táo mà việc đặt mâm cúng phải thể hiện được sự thành kính, trang nghiêm.

Cúng Ông Táo cũng không quá cầu kỳ, tùy điều kiện và hoàn cảnh, các gia đình có thể chuẩn bị mâm cỗ chay hoặc mặn.

Lễ vật được sử dụng để cúng Ông Táo cũng rất đa dạng gồm trầu, cau, rượu, hương, đèn, áo giấy đồ cúng Ông Táo (*mũ cúng Ông Táo gồm ba chiếc, hai mũ đàn ông và một mũ đàn bà. Hai chiếc mũ dành cho Táo Ông thì có hai cánh chuồn, mũ dành cho Táo Bà thì không có cánh chuồn. Những mũ này được trang trí với các gương nhỏ hình tròn lóng lánh và những dây kim tuyến màu sắc sặc sỡ*), hoa quả, bánh tỗ, chuối, chè (*chè đậu đen, chè bắp*), xôi, khoai, sắn, bánh trắng, đường đen, kẹo thèo lèo, hoa quả. Tùy theo điều kiện kinh tế, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh của mỗi gia đình mà lễ vật cúng cũng

khác nhau, nhưng giấy áo, vàng mã, trầu cau, rượu và hoa cúng thì không thể thiếu. Người Hoa chuẩn bị lễ vật tiễn đưa Ông Táo gồm có bộ đồ mã, hương đèn, 1 đĩa trầu cau, 1 đĩa kẹo thèo lèo và 1 ổ bánh tỗ. Ở những nơi khác thì trong lễ cúng Ông Táo phải có 1 con cá chép, sau khi cúng xong thì đem cá chép thả xuống sông theo quan niệm Ông Táo cưỡi cá chép về trời.

Theo ý kiến của các nhân chứng trong buổi tham vấn “*Lễ cúng Ông Táo ở Hội An*” cho rằng, cúng Ông Táo là một lễ cúng quan trọng của người Việt nói chung và người dân sinh sống ở Hội An nói riêng, lễ cúng tuy đơn giản nhưng cũng phần nào thể hiện sự trang nghiêm, thành kính của gia chủ đối với ông bà bề trên.

Ông Lê Nhân cho biết: “*việc cúng Ông Táo cũng chỉ được học qua cách của những người lớn trong gia đình, trong lễ cúng Ông Táo thường có 3 miếng trầu, 3 chén rượu và 3 cây nhang. Trong Ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Hỏa chính là Ông Táo, người trông nom, quan sát mọi hoạt động và cũng là người giữ lửa cho gia đình. Bàn thờ Ông Táo thường được đặt ở hướng Đông theo quan niệm “Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân”*”.

Theo Trầm Thế Quý: “*Lễ vật cúng gồm có: hương đèn để khấn vái xin thần Táo Quân dâng lên những điều cầu ước những điều tốt đẹp cho gia đình mình. Tùy theo phong tục tập quán ở mỗi nơi, như người Hoa lễ đưa Ông Táo thì có bộ đồ mã, hương đèn, 1 đĩa trầu cau, 1 đĩa kẹo thèo lèo và 1 ổ bánh tỗ. Còn ở những nơi khác thì trong lễ cúng Ông Táo phải có 1 con cá chép, sau khi cúng xong thì đem cá*

chép thả xuống sông theo tục ngữ ngày xưa thì Ông Táo cười cá chép về trời.”

Về cách bày trí mâm cúng, hoa cắm bình thường được đặt ở phía Đông, tức là hướng tay phải đối diện với bàn cúng. Đĩa trái cây đặt ở phía Tây và tất cả thứ phẩm mà gia đình thành tâm dâng cúng.

Người đứng cúng trong lễ tiễn Ông Táo về châu trời là chủ nhà (ông hoặc bà chủ), nếu cả 2 đau ốm thì con trai trưởng là người đứng ra cúng.

Về khăn vái trong lễ cúng, theo ông Trần Văn Sang: “tùy vào mỗi nơi, mỗi vùng khác nhau, việc cúng Ông Táo thường bày trí lễ vật, thắp 3 cây hương làm lễ vái vật, lạy 4 lạy mời, rót tuần rượu thứ nhất và khăn “Năm mô A Di Đà Phật” (3 lần), xưng danh thí chủ (người đứng cúng), sau đó trình bày lý do “Hôm nay là 23 tháng Chạp ngày đưa Ông Táo về trời, báo cáo tình hình trong năm qua của gia đình và nguyện ước những gì tốt đẹp cho năm mới”, lạy 2 lạy, rót đủ 3 tuần rượu, lạy tiếp 3 lạy là hoàn tất lễ cúng ông Táo.”

Trong buổi tham vấn về “Lễ cúng Ông Táo ở Hội An”, ông Phạm Đức Bằng cho rằng: “mục đích của cúng Ông Táo là xin được đỡ lửa thường xuyên vì vũ khí của Ông Táo là bếp lửa, Ông Táo luôn giữ cho bếp lửa luôn đỏ. Trước đây ông bà ta chưa tiếp cận với công nghệ như hiện nay, sinh hoạt nấu chín thức ăn hằng ngày bằng lửa lấy từ đá, đập 2 viên đá vào nhau thật mạnh sẽ chớp thành lửa, nồi nấu bằng đất sét nặn ra hình bầu dục, thụng sâu đáy xuống, qua nhiều lần nấu thức ăn nồi đất sẽ chắc lại và không bị bể, người ta lấy 3 cục đá chụm lại làm Ông Táo.

Việc đun nấu bằng lửa và sự va chạm giữa Ông Táo và vật dụng nồi niêu bị mòn, có thể vỡ, nên cứ đến cuối năm mọi nhà đều thay mới Ông Táo để chuẩn bị đón Tết, khởi đầu một năm mới với mọi điều được thuận lợi. Cứ đến ngày 23 tháng Chạp là tiễn Ông Táo cũ đi và nặn ông mới để dùng trong năm mới. Và thường dạy cho con cháu, bà con trong nhà không nên lấy vật va chạm hoặc đập phá Ông Táo.”

Ngày 23 tháng Chạp trở thành một dấu mốc quan trọng cho mọi sự chuẩn bị đón Tết Nguyên Đán, mọi người dân hoàn tất các công việc trong năm, chuẩn bị cho ngày Tết. Khoảng thời gian từ lễ cúng Ông Táo đến Tết Nguyên Đán là những ngày bận rộn nhưng vui vẻ cho mọi gia đình với việc mua sắm Tết, dọn dẹp nhà cửa, trang hoàng không gian sống... Dường như con người được trở lại là “chính mình” trong những ngày này vì sự tập trung của họ chủ yếu dành cho gia đình.

Bên cạnh tư liệu hiện vật và tư liệu thành văn thì nguồn tư liệu ký ức dân gian cũng giữ vai trò hết sức quan trọng để tìm hiểu về lịch sử, văn hóa của một địa phương, của cộng đồng. Có thể thấy, thông tin về lịch sử, văn hóa được gìn giữ, lưu truyền dưới dạng ký ức dân gian là vô cùng đa dạng, phong phú, liên quan đến hầu hết khía cạnh đời sống xã hội, đặc biệt đối với những tập tục, lễ nghi trong ngày Tết là rất đặc trưng của cộng đồng cư dân Hội An. Trong đó, lễ cúng Ông Táo đã trở thành phong tục, nếp sinh hoạt văn hóa mang đậm tính nhân văn cần được bảo tồn, phát huy ♦

TỤC CÚNG TẮT NIÊN Ở HỘI AN

ThS. Thái Thị Liễu Chi

Cúng Tắt niên là một trong những lễ tục thường niên, phổ biến của người Hội An vào dịp cuối năm (*tính theo lịch Âm*). Đây là một trong rất nhiều hoạt động quan trọng mà cư dân tổ chức nhằm chuẩn bị ăn Tết Nguyên Đán, đón chào năm mới và theo quy mô từng hộ gia đình. Cũng như tục ăn Tết Nguyên Đán, tục cúng Tắt niên được hình thành từ xa xưa, gắn với truyền thống nông nghiệp lúa nước của cư dân nơi đây, trao truyền qua nhiều thế hệ và lưu giữ đến ngày nay.

Sau một năm làm ăn, sinh sống, các gia đình ở Hội An tổ chức cúng Tắt niên với nhiều ý nghĩa thiêng liêng và giá trị nhân văn sâu sắc. Mục đích trước tiên là để cảm tạ ơn trên: Thành Hoàng bốn xứ, thổ địa và cô bác âm linh đã phù trợ, ban phúc lành cho họ; qua đó, gia chủ cầu xin được tiếp tục che chở, phù hộ độ trì toàn gia quyền an khang, thuận lợi trong năm mới. Sau nữa, đối với những nhà có thuê mướn người làm, bữa cơm cúng Tắt niên là một dịp để thết đãi thợ, mời họ một bữa ăn ngon ngày cuối năm, thanh toán tiền công xá đầy đủ và có cả phong bao lì xì để tiền họ về ăn Tết với gia đình cho vui vẻ.

Tục cúng Tắt niên tuy là lâu đời nhưng diễn ra tại từng gia đình đơn lẻ. Cho nên, tùy vào nếp sinh hoạt truyền thống của mỗi nhà, có nhà cúng, có nhà không; có nhà cúng Tắt niên chung một ngày với cúng rước ông bà; có gia đình chọn ngày thuận lợi để cúng, có nhà cứ

theo lệ hàng năm để con cháu dễ nhớ mà tề tựu đông đủ. Đa số các nhà không buôn bán thường chọn cúng vào ngày cuối cùng của năm để kết hợp cúng rước ông bà vào buổi chiều. Những hộ buôn bán thường tổ chức cúng từ 20 đến 25 tháng Chạp. Làm sớm như vậy để những người thợ ở xa kịp thu xếp về quê. Nếu cúng Tắt niên sớm thì đến ngày cuối năm, các gia đình có thờ ông bà sẽ làm mâm cơm rước ông bà về ăn Tết. Sau lễ rước ông bà, bàn thờ gia tiên bao giờ cũng phải thắp đèn, hương khói ẩm cúng, gia đình lo dọn cơm dâng cúng ông bà ngày ba bữa mới phải đạo. Trước đây, sau lễ cúng Tắt niên, các gia đình đều tạm gác việc làm ăn, buôn bán để dành thời gian dọn dẹp trang trí nhà cửa, sửa sang mồ mả những người đã khuất nên để đến giáp Tết mới cúng, thường là sau ngày ông Táo về trời (*tức ngày 24 tháng Chạp [3,56]*). Ngày nay, do điều kiện kinh tế khác hẳn, nhiều hộ kinh doanh các mặt hàng phục vụ Tết ở Hội An phải tập trung cho việc buôn bán nên sắp xếp cúng Tắt niên sớm, trước hạ tuần tháng Chạp đã cúng, có nhà cúng từ 16 tháng Chạp.

Ngoài ra, cúng Tắt niên còn diễn ra tại các cơ sở kinh doanh buôn bán, chợ, các nhà thờ tộc. Tại các điểm kinh doanh buôn bán, chánh bái là chủ kinh doanh cúng tạ ơn Thổ thần cai quản đất đai nơi mình làm ăn, xin các thần và âm linh tiếp tục che chở, phù hộ để năm mới được yên ổn, phát đạt. Ở các hàng chợ, nhiều

tiểu thương có gian hàng gần kề thường chung lại cúng một mâm và sau đó ăn với nhau một bữa cơm tất niên vui vẻ, mọi va chạm, xích mích trong năm coi như bỏ qua, tăng thêm tình nghĩa, tương thân tương trợ lẫn nhau để buôn may bán đắt. Tùy vào điều kiện của từng gia tộc, những nhà thờ tộc có người ở cũng tổ chức cúng Tất niên tộc theo lệ thường, con cháu cứ đến ngày đó là cử đại diện về tham dự. Chánh bái, thường là ông Trưởng tộc, cầu xin Thành Hoàng bản xứ, ông bà tổ tiên phù hộ cho toàn thể con cháu

trong tộc họ được an khang thịnh vượng, yên ổn làm ăn. Khi cúng, chánh bái đại diện cho cả gia tộc phải lạy 4 lạy, khác với tại gia đình là 3 lạy.

Trước ngày cúng Tất niên, gia đình phải lo dọn dẹp nhà cửa thật sạch sẽ, gọn gàng. Những nhà có bàn thờ gia tiên, Ngũ tự gia đường, bàn thờ Phật..., phải lau chùi thanh tẩy bụi bặm, trang trí lại bàn thờ cho sạch sẽ, trang nghiêm, kết hoa vải điều gắn lên đỉnh các bức hoành phi, liễn đối gỗ. Trãi giấy điều mới, thay cát mới cho bát hương. Cát trắng mua ở chợ về phải đem phơi, nếu không có nắng thì rang cho thật khô ráo trước khi dùng để thay cát cho bát hương. Cát thay ra thường được để gọn vào một góc vườn, nơi sạch sẽ; chân hương thì đốt đi, đổ tro vào những góc cây quanh nhà. Người dân thường giữ lấy ba chân hương

để cắm trở lại bát hương đã thay cát, thể hiện sự liên tục, trong cái mới có cái cũ, trước sau đằm huề. Bộ lư đồng ngự trên bàn thờ là vật báu gia truyền của những nhà có thờ tự tổ tiên, hàng năm, đến thời điểm này lại được đánh bóng sáng choang, tôn thêm vẻ uy nghi, thiêng liêng của gian thờ.

Phụ nữ nắm vai trò tề gia nội trợ đảm đương việc chợ búa, lo việc sắm các vật lễ cúng tất niên theo thông lệ, cùng nhau làm các loại bánh mứt truyền thống

của địa phương như: bánh tổ, bánh nôm, bánh khảo, bánh in, bánh da, mứt quật, mứt bí, hạt sen, mứt dừa... để dâng cúng và chuẩn bị cỗ bàn thết đãi khách khứa. Đặt biệt, trước đây, với



những nhà cúng tất niên vào ngày cuối cùng của năm như 29, 30, người ta tổ chức nấu bánh chưng, bánh tét để làm vật phẩm dâng lên ông bà, tổ tiên. Trước đây khoảng 20 năm, vẫn còn phổ biến hình thức các nhà trong xóm chung nhau mổ heo để lấy thịt làm cỗ cúng tất niên và dự trữ ăn Tết. Nhà có heo thường được lấy cái thủ, hoặc nhà nào cần thì dặn trước; còn lại, mỗi nhà đều được một phần như nhau. Trước đây điều kiện kinh tế, hàng hóa còn khó khăn, quanh năm ăn uống kiệm cần nên khi Tết đến, bắt đầu là từ dịp cúng Tất niên trở đi, các gia đình mới có dồi dào thịt thà, bữa cơm

ngon lành hẳn ra. Vì vậy, việc chung mổ heo, cúng Tất niên là dịp được nhiều người mong chờ, đem lại không khí háo hức vui vẻ cho cả người lớn và trẻ con, Âm thanh í ới chuyện trò, cười đùa trong khi hàng xóm láng giềng chung tay làm một việc vui vẻ như vậy đem đến bầu không khí Tết nhất rộn ràng, thân tình, ấm áp.

Trước đây, khi tín ngưỡng đa thần và vạn vật hữu linh còn chi phối mạnh mẽ tinh thần cư dân Hội An, những nhà có chuồng trâu, chuồng bò, có giếng đều quét tước sạch sẽ khu vực không gian này, chuẩn bị vật cúng lễ (*hoa quả, bánh kẹo...*) để đến giờ cúng sẽ thắp hương khấn vái cảm tạ và cầu các vị thần cai quản tiếp tục phù hộ cho một năm sung túc, an ổn. Giấy tiền vàng được dán lên những cây ăn quả trong vườn và cúng xong sẽ đốt để cảm tạ các thần cây.

Cúng Tất niên chủ yếu là để cảm tạ các vị thần làng bản xứ, thần linh cai quản đất đai, nhà ở, cúng cấp các âm linh cô bác bữa cơm cuối năm. Những nhà có thờ tự gia tiên bày thêm một mâm cơm cúng tại gian thờ của gia đình để cảm tạ ông bà, tổ tiên phù hộ, che chở.

Bàn cúng ở gian trung lộ (*trước hiên nhà*) có hai bậc. Mâm cao hơn ở phía ngoài cùng để cúng thần, dâng các vật lễ: hoa, quả, các món chè, xôi, trầu, cau, trà, rượu, vàng mã, kim ngân, hương đèn, và một bộ tam sên gồm một miếng thịt lợn (*thịt heo luộc, để nguyên khổ*), trứng gà/vịt luộc, một con cua còn sống (*cúng xong sẽ đem phóng sinh*). Nhà khá giả cúng nguyên một cái thủ heo luộc, còn thường thì có 1 con gà luộc. Bộ đồ thần có áo mào, hài, lọng

che. Tùy theo đất đai mà chủ nhà sắm sửa: Bộ đồ thần màu đen dùng cho nơi ở thường hay xảy ra chuyện dữ, nơi đất lành thì gia chủ cúng bộ thần màu đỏ. Bộ đồ thần phải được kê lên cao, xoay mũi hài vào phía mâm cúng để các Thần chứng giám, nếu để dưới đất là thất lễ với Thần. Mâm dưới cúng cấp cô bác, đặt về phía trong nhà, các vật lễ gồm có 1 con cua, quả trứng và miếng thịt, tất cả đều đã luộc chín. Ngoài ra, phải có hương đăng, kim ngân, ngũ cốc (*bắp, khoai, sắn, đậu phụng luộc*), 1 bát cháo thánh, gạo, muối, hoa quả, rượu, nước trong/trà, hào sạn chi nghi/thứ phẩm (*cơm canh thịt cá mặn*) tùy thành tâm chủ ý.

Lễ vật tại gian thờ có cơm canh (*hào sạn thứ phẩm*), trà, rượu, trầu cau, hoa quả, bánh mứt tết, vàng bạc tiền giấy để hóa cho người dưới cõi âm tiêu xài sắm Tết, giấy kiểu để may quần áo mới. Cách sắp xếp, bày biện lễ vật ở bàn thờ ông bà cũng giống như cúng giỗ bình thường. Nhà có nhiều bàn thờ có thể để bàn cúng hội chính giữa gian thờ, trên đó đặt các vật lễ cúng như trên đã nêu. Vị trí đặt các vật lễ theo thông lệ là “*Đông bình Tây quả*”, “*chuối xoay ra gà xoay vào*”... Có ý kiến giải thích rằng, “*Đông bình Tây quả*” là theo quy ước Đông - Tây của ngôi nhà, không phải hướng Đông-Tây theo địa lý. Đứng trong nhà xoay ra là xoay về hướng nam, theo đó, phía trái là đông, phía phải là tây. Nếu cúng Tất niên kết hợp cả rước ông bà, vàng tiền áo giấy trên bàn thờ gia tiên được người dân sắp xếp đẹp mắt, có ý trang trí cho không gian của người đã khuất. Chỗ tiền vàng bạc mua về được chia ra làm hai, một nửa được xoay

thành hình rẽ quạt, kẹp dưới chân đèn để trang trí qua mấy ngày Tết rồi mới hóa để tiền chân ông bà. Một nửa còn lại cùng với giấy kiếu được xếp trên đĩa, đặt trên bàn thờ, đợi khi cúng Tất niên xong sẽ đốt để ông bà tiêu xài và may áo quần mới. Những nhà cúng Tất niên sớm thì đốt hết vàng mã; đến ngày cuối năm lại sắm bộ mới để thờ ông bà.

Chánh bái sẽ cúng tại gian trung lộ trước, xong mới đến gian thờ ông bà (*nếu nhà có bàn thờ gia tiên*). Trước khi tiến hành cúng bái, gia đình hoàn tất các khâu chuẩn bị vật phẩm, đặt lên các bàn cúng ở gian trung lộ và gian thờ. Sau khi vật lễ đã sẵn sàng, người chánh bái thắp hương tại bàn thờ ngũ tự để cáo (*báo cáo, xin phép*) về việc ngày hôm đó gia đình tổ chức cúng tạ ơn các vị Thành Hoàng bốn xứ, thổ thần và âm linh cô bác, xin các thần khai binh mở ngõ để âm linh vào. Tiếp đó, chánh bái đứng trước bàn cúng ở gian trung lộ, thắp 1 cây hương cắm vào bát hương, gọi là hương vọng, đốt giắc trầm để xông thơm, đồng thời để báo hiệu thời điểm chuẩn bị cúng. Chánh bái phải áo mũ chỉnh tề, tâm thế nghiêm trang, kính cẩn, đồng thời soát lại một lượt xem còn thiếu vật phẩm gì để bày lên cho đủ lễ. Để bắt đầu lễ, gia chủ đánh 2 hồi chuông làm hiệu, việc này cũng tùy vào nhà có chuông, nhà không có. Tiếp đó, gia chủ thắp hương tại bàn cúng thần, đọc lời cáo rồi cắm vào bát hương trên bàn cúng thần, bàn cúng cô bác, cắm hai bên trụ ngõ, nhà có giếng thì đến cắm hương tại giếng, các bia mộ trong khuôn viên nhà đang ở.

Lời cúng có thể được gia chủ trình bày theo bài văn cúng; nếu gia chủ ghi nhớ và tự khấn vái thì cũng trình bày

theo tuần tự các ý của một bài khấn thông thường:

- Giới thiệu tên đất: Liệt kê từ tên nước cho đến tổ dân cư nơi tổ chức cúng bái. Kể thời gian cúng: ngày, tháng, năm.

- Tự xưng: Tên người chánh bái, đại diện cho gia đình hay tộc họ, các hàng buôn...

- Thưa: trời, đất, các vị thần cai quản quanh vùng, trong nhà, âm linh cô hồn, ông bà tổ tiên. Ngoài ra, nhà có thờ thần vị nào, gia chủ cũng đều kể tên trong khi khấn, ví dụ như Ngũ tự gia đường, Bà Chúa Tiên, Quan Công... Những ai biết sơ sơ, đại khái, chỉ nói chung chung như vậy. Người biết rõ thì đọc tên chư thần theo bài khấn.

- Trình bày lý do cúng: nhằm cảm tạ ơn trên phù hộ và mời các vị thưởng thức những thức dâng cúng của gia đình. Sau cùng chánh bái cầu xin được các thần, âm linh tiếp tục phù hộ, giúp đỡ để có một năm mới an khang thịnh vượng.

Quay lại bàn cúng, chánh bái quỳ lạy 3 lạy, rót một tuần rượu vào ly để sẵn trên bàn cúng (*rót ở mâm trên trước*), chỉ rót một phần ba ly, và đợi một lúc. Sau đó, còn thêm hai lần rót rượu nữa (*châm thêm*), trước mỗi lần rót rượu gia chủ quỳ lạy 3 lạy, đánh 3 tiếng chuông. Nếu có người nhà đứng cạnh sẽ phụ rót rượu và gõ chuông. Đủ 3 tuần rượu thì rót 1 tuần trà. Đợi hương tàn quá nửa, gia chủ đem áo giấy vàng bạc trên bàn đi đốt, rải gạo muối trước nhà. Những vật lễ như cháo thánh, ngũ cốc được cho vào xà lắc¹, treo ở hàng rào hay ngã ba đường, nhà nào cúng cua sông thì đem cua đi thả ở ao, sông với ý nghĩa phóng sinh làm

¹ Vật đựng đồ cúng cấp cho cô hồn các đảng, làm từ một đoạn bẹ chuối gấp lại.

phước. Cuối cùng, bái tất 2 bái, đánh 2 hồi chuông và tắt đèn/bịch lập, dọn dẹp. Xong việc cúng ở gian trung lộ, nhà nào có bàn thờ gia tiên sẽ tiến hành cúng rước tại bàn thờ để cảm tạ ông bà và cầu khẩn tiếp tục được phù hộ, ban phước lành.

Cúng Tất niên là một tục lệ phổ biến của dân cư Hội An. Tuy nhiên, không phải tất cả đều theo tục này; vẫn có những gia đình từ trước đến nay không cúng. Theo lời các bậc cao niên ở Hội An, trước đây, thường những nhà có buôn bán, thuê mướn thầy thợ hoặc con thứ, không thờ tự ông bà gia tiên mới cúng Tất niên. Hiện nay, cùng với việc đa số các gia đình ở Hội An đã tham gia vào lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ, du lịch, nhiều nhà trong số đó có thêm lễ cúng Tất niên vào dịp cuối năm. Qua đợt khảo sát vào tháng 01/2020 tại địa bàn thành phố Hội An, với tổng số 30 phiếu khảo sát ngẫu nhiên 30 gia đình, chúng tôi thống kê được những thông tin như sau về việc tổ chức cúng tất niên của người dân Hội An:

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Có cúng tất niên	27	90
2	Không cúng tất niên ²	3	10
3	Tổng số	30	100

² Trong 3 gia đình không cúng tất niên, 1 gia đình theo đạo Thiên Chúa giáo và 2 gia đình có truyền thống không cúng tất niên, chỉ cúng rước ông bà vào chiều ngày 30 Tết, gia đình có 2 thế hệ chung sống. 5 gia đình tổ chức cúng tất niên trùng ngày cúng rước ông bà đều có từ 2-3 thế hệ cùng chung sống.

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Trùng với ngày cúng rước ông bà	5	18,51
2	Không trùng ngày cúng rước ông bà	22	81,49
3	Tổng số	27	100

Việc cúng tất niên cũng như nhiều tục lệ khác ở Hội An, được người dân quan niệm là “*xưa bày, nay bắt chước*”. Trong các gia đình, người cao tuổi, bậc ông bà cha mẹ đều có ý thức truyền đạt cho con cháu gìn giữ tục lệ này của tổ tiên để lại; các gia đình trẻ bao gồm từ 1 đến 2 thế hệ cũng đề tâm học hỏi và thực hiện theo đúng lễ nghi. Bài khấn theo tục cổ truyền là nội dung tương đối khó nhớ đối với người thời nay. Vì vậy, có người chỉ dựa theo mức độ hiểu biết của mình để khấn vái hoặc, chọn mua những bộ đồ cúng có sẵn bài văn cúng, lâm râm đọc khấn theo bài bản để chu đáo hơn. Nội dung bài cúng thể hiện rõ tinh thần nhân văn, nhân đạo sâu sắc của nhân dân khi ngưỡng vọng, biết ơn các vị thành hoàng, tiền hiền, hậu hiền khai hoang lập ấp, tín ngưỡng dân gian đa thần, vạn vật hữu linh của người Việt xưa, lòng trắc ẩn cảm thương những cô hồn âm linh không ai thờ cúng.

Tuy nhiên, có một thực tế xã hội đáng lưu ý, đang tác động không ít đến đời sống tinh thần, tình cảm của người

dân Hội An. Đó là thói phú quý sinh lễ nghĩa, tỏ lòng thành bằng hiện vật để mong đổi lại sự ban ơn phát lộc từ thần thánh. Người dân đốt vàng mã quá nhiều, vô tội vạ trong những lần cúng bái, không riêng gì cúng Tất niên, giỗ kỵ... mà cả cúng rằm, mùng một hàng tháng. Điều này vô hình trung đã làm thay đổi ít nhiều ý nghĩa tốt đẹp của phong tục. Thêm một thực tế nữa, đó là tình cảm gia đình, làng xóm bị chi phối nhiều bởi lối sống hiện đại, kinh tế thị trường, chữ tình bị xem nhẹ hơn tiền tài vật chất, ít thăm hỏi giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nhiều gia đình bị rạn nứt tình cảm vì lợi ích kinh tế, dẫn đến tình trạng con “không nhìn” cha mẹ, anh em “không nhìn” nhau. Cúng Tất niên là dịp để sum họp gia đình, con cháu đoàn tụ, cùng chung tay chuẩn bị cỗ bàn thì với nhiều gia đình như vậy, dù vẫn thực hiện đủ lễ song không khí tổ chức tất niên trở nên rời rạc, nhà nào lo phần nhà nấy. Ở khía cạnh này, ý nghĩa của tục cúng tất niên đã phần nào bị giảm tính thiêng liêng, tình cảm.

Ngoài ý nghĩa tâm linh, Tất niên còn là dịp gia đình đoàn tụ, sum vầy sau một năm dài bươn chải, bận bịu làm ăn. Con cái ở xa thu xếp về ăn Tết với ông bà, cha mẹ trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn, quê cha đất tổ. Họ cùng nhau bận rộn, vui vẻ với công việc trang trí nhà cửa, bàn thờ, mổ mã, sửa soạn vật phẩm cúng kính tổ tiên. Cúng Tất niên thể hiện những giá trị văn hóa dân tộc, tinh thần nhân văn, nhân nghĩa, đạo hiếu thảo sâu sắc của người Việt, thể hiện lòng biết ơn

đối với những người khuất mặt (ở thế giới bên kia của cõi dương gian) đã phù hộ, giúp đỡ họ trong mọi công việc làm ăn, sinh sống, phát triển thanh thế gia tộc..., yên ủi những linh hồn vất vưởng không người cúng quảy, những người bản xứ đã nhường đất cho tổ tiên, tộc họ người Việt có chỗ đứng trên mảnh đất này để sinh cơ lập nghiệp... Đối với người sống, đây là dịp củng cố, thắt chặt tình thân, quan hệ họ hàng, làng xóm, dịp trả ơn nghĩa những người cùng mình lo việc làm ăn trong năm đã qua. Mong rằng, với chủ trương và những nỗ lực xây dựng con người Hội An văn hóa, gìn giữ lối sống “*nhân tình thuần hậu*”..., những tục lệ văn hóa đẹp như thế này sẽ còn được lưu giữ mãi trong dân gian phố cổ ♦

Tài liệu tham khảo

1. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2008), *Lễ lệ - Lễ hội Hội An*.
2. Phùng Tấn Đông (2016), “Làng xã truyền thống dưới tác động của đô thị hóa ở Hội An”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Văn hóa làng Việt Quảng Nam: Vấn đề bảo tồn và thích ứng*, tại Tam Kỳ, 01/2016, 41.
3. Tổng Quốc Hưng (2001), *Báo cáo kết quả đề tài Điều tra, nghiên cứu tục thờ cúng trong khu vực 1- khu phố cổ Hội An*, tài liệu lưu trữ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.
4. Nguyễn Chí Trung (2005), *Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.

LỄ RƯỚC ÔNG BÀ CHIỀU 30 TẾT Ở HỘI AN

CN. Trần Thị Lệ Xuân

Từ xưa đến nay, tục thờ cúng ông bà, tổ tiên đã in sâu trong tâm thức của người Việt Nam, là tập tục truyền thống đã được các thế hệ cộng đồng người Việt nối tiếp nhau gìn giữ, lưu truyền. Vì vậy, đối với cộng đồng người Việt nói chung, người Hội An nói riêng, tục thờ cúng ông bà, tổ tiên đã trở thành một tín ngưỡng dân gian, hầu như gia đình nào cũng có bàn thờ để thờ cúng ông bà tổ tiên nhằm thể hiện lòng biết ơn của những người đang sống với những người đã khuất, những người có công sinh thành, dưỡng dục, dạy dỗ ta nên người, đồng thời nhằm giáo dục đạo lý về chữ hiếu, về cội nguồn, để thế hệ mai sau biết được con người sinh ra phải có cội nguồn, ông bà tổ tiên và nhắc con cháu không bao giờ được quên điều đó. Vì thế, bàn thờ gia tiên luôn được đặt ở nơi trang trọng nhất, ngay chính giữa nhà, thể hiện sự tôn kính của con cháu đối với vong linh của những vị tổ tiên trong gia đình, dòng họ.

Xuất phát từ quan niệm trên, hàng năm, vào ngày măt của ông bà, con cháu đều tề tựu đông đủ tại nhà thờ, nơi thờ tự ông bà để tổ chức đám giỗ, cúng cơm nhằm ghi nhớ công ơn và ôn lại những kỷ niệm của ông bà. Đặc biệt, vào những ngày Tết, là dịp gia đình sum họp nên phải “rước” ông bà cùng về ăn Tết với con cháu.

Vào những ngày trung tuần của tháng Chạp, đối với người Việt Nam nói chung, người dân Hội An nói riêng là

những ngày bận rộn, tất bật nhất. Bởi lẽ, ngoài việc lo hoàn tất công việc thường nhật của gia đình, mọi nhà đều phải lo chuẩn bị trang hoàng nhà cửa, mua sắm vật dụng, lễ vật cho những ngày Tết cổ truyền và quan trọng hơn cả là mọi nhà đều tập trung chuẩn bị cho các lễ cúng không thể thiếu của những ngày cuối năm. Một trong những lễ cúng quan trọng vào dịp Tết cổ truyền ở Hội An đó là lễ cúng rước ông bà vào chiều 30 Tết. Cùng với việc mua sắm, trang trí nhà cửa, bàn thờ gia tiên, con cháu cũng lo dọn cỏ, vệ sinh, trang trí hoa quả tại các phần mộ của ông bà tổ tiên mình và khẩn mời tổ tiên về nhà cùng con cháu đón Tết.

Trước đây, sau lễ cúng Tất niên, vào ngày 30 tháng Chạp là lúc mọi người trong gia đình sửa soạn bữa cơm rước ông bà, cúng giao thừa, tiễn năm cũ và đón mừng năm mới. Lễ cúng rước ông bà là mời ông bà, cha mẹ, tổ tiên về vui với con cháu và dùng bữa cơm gia đình trong những ngày Tết. Vì thế, rước ông bà về trong dịp tết Nguyên Đán khác với mời ông bà về trong những ngày giỗ, ngày kỵ theo lệ thường hàng năm.

Đối với những gia đình có thờ ông bà tổ tiên thì mới cúng rước ông bà. Những gia đình con cái ở riêng, không thờ ông bà thì chỉ cúng tất niên, không cúng rước ông bà. Vào ngày cúng rước ông bà, nếu con cái ở riêng hoặc đi làm ăn xa đều phải tập họp về để tham gia lễ cúng cùng với gia đình. Chẳng hạn, con cái có chồng, đi làm ăn xa, ở tận Đắc

Lắc, Phan Thiết, Sài Gòn ... đến ngày đó phải về, hoặc cha mẹ đã mất, người con út ở thờ cha mẹ, ông bà, đến ngày rước ông bà thì các anh, chị, em phải về cùng chuẩn bị mâm cơm để cúng. Và như thế, nếu có những giận hờn, bất hòa trong gia đình cũng dần nguôi ngoa. Vì thế, mâm cơm rước ông bà cũng là mâm cơm gặp mặt thân mật trong gia đình nên rất ấm cúng, sum vầy.

Trước đây, bắt đầu từ sau ngày đưa Ông Táo về trời - 23 tháng Chạp, nhà nào cũng lo rang nếp làm bánh in, bánh da, gói bánh tét, làm mứt, dưa món, làm heo chia thịt, dọn dẹp vệ sinh, trang hoàng nhà cửa..., tạo không khí Tết rất vui nhộn, đầm ấm. Theo quan niệm của cộng đồng cư dân ở Hội An, việc trang trí bàn thờ ngày Tết là một công việc rất quan trọng, không những thể hiện tấm lòng của con cháu đối với người quá cố, mà thông qua đó còn hàm ý cầu mong, chúc tụng của gia chủ với trời đất, với ông bà tổ tiên.

Từ mới tờ mờ sáng 30 Tết, nhà nào cũng lo dọn bàn thờ, đem giò hương xuống thay cát trắng sạch sẽ, mua giấy hình hoa quả về trải bàn thờ, chưng bánh trái, đối với những gia đình trong khu vực phố cổ có tục dán môn thần lên cửa, dán xuân liên, tục gọi là dán câu đối Tết... và đó là những công việc của đàn ông, còn việc chuẩn bị bánh trái, thịt, dưa hành, nấu nướng... là việc của phụ nữ, để chuẩn bị cho lễ cúng tất niên và rước ông bà vào buổi chiều cuối năm. Ngày cuối năm, mọi việc quan trọng chuẩn bị cho lễ Tết Nguyên Đán gần như đã hoàn tất nhưng thường thì ai cũng tất bật với rất nhiều công việc để cố gắng chuẩn bị cho một năm mới trồn vẹn, chu đáo.

Lễ cúng rước ông bà thường được tổ chức vào buổi chiều 30 tháng Chạp, trong dân gian quan niệm, buổi chiều là

giờ thiên về âm hơn là dương cho nên cúng buổi chiều là phù hợp.

Lễ vật trong lễ cúng rước ông bà trước đây không có mâm ngũ quả dồi dào như bây giờ, đa phần chỉ có vài ba nải chuối, trái dừa, đu đủ,... chủ yếu là những loại trái cây do gia đình tự trồng. Còn hoa chủ yếu là hoa phượng, hoa mào gà, hoa cúc. Ngoài ra, còn một số lễ vật không thể thiếu trong lễ cúng là trầu cau, gạo muối, rượu, bánh (*phải có bánh tét, bánh in, bánh da,... đây là những loại bánh do gia đình tự làm*). Ngoài bánh trái còn có mâm cơm với một số món: Cơm trắng, ram, chả, thịt luộc, cá chiên, đồ xào, canh,...

Sau khi mọi lễ vật được chuẩn bị tươm tất và được đặt trên bàn thờ, chủ nhà hoặc người lớn tuổi nhất trong gia đình bắt đầu thủ lễ, dâng hương, vái lạy, rót rượu mời tổ tiên và báo cáo ngày hôm sau là Tết Nguyên Đán, mời ông bà cùng về chung vui với con cháu. Lễ cúng rước ông bà không có văn sớ, khi cúng chủ tế khấn vái hôm nay ngày tháng năm, tại gia đình, chủ tế là ai, nhân ngày, kính cảm sám mâm lễ vật (*liệt kê lễ vật*) dâng lên Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân, bản gia tiên sư, bản viên thổ công, liệt vị tôn thần. Trước linh vị của ông bà và các vị tổ bá, tổ thúc, tổ cô cùng các vong linh phụ thờ theo tổ tiên. Kính cẩn thưa rằng “*Năm cũ sắp hết, ngày Tết tới gần, chuẩn bị mừng xuân, kính cáo thổ địa, chư vị linh thần, kính mời vong linh tiên tổ về với gia đình để cháu con phụng sự. Cẩn cáo!*”. Tiếp đó, tất cả mọi người trong nhà đều khấn vái, cúng lạy ông bà. Đến khi các cây nhang cúng đã tàn được khoảng hai phần ba, coi như phần lễ sắp kết thúc. Khi lễ cúng xong, hoa quả chưng trên bàn thờ giữ nguyên để chuẩn bị cho lễ cúng giao thừa và chưng trong

ba ngày Tết. Hoa quả, bánh trái để bàn thấp hơn cùng với cơm canh, cá... coi như lễ vật trong lễ cúng thì được dọn hết. Sau đó, tất cả mọi thành viên trong gia đình ngồi quây quần bên mâm cơm sum họp, tiền năm cũ đi, đón năm mới đến, trong không khí phấn khởi, ấm cúng tràn ngập niềm vui và tiếng cười.

Theo tập tục truyền thống, từ khi rước ông bà tổ tiên về trong những ngày Tết cổ truyền, mỗi ngày đều phải cúng cơm bữa. Mâm cơm cúng, ngoài bánh trái, còn có cơm trắng, thịt, đồ xào, ram, chả... và sau 3 hoặc 4 ngày, tùy theo từng gia đình thì đốt giấy, cúng đưa ông bà. Vì thế, trong dân gian lưu truyền câu ca:

*“Mông một Tết Cha,
Mông hai Tết Mẹ,
Mông 3 Tết Thầy”*

Cũng giống như lễ cúng rước ông bà, ngày cúng đưa ông bà, con cháu trong gia đình sum họp đông đủ về để sửa soạn mâm cơm cúng tiễn ông bà, coi như những ngày Tết đã hết, mọi người lo tập trung vào công việc làm ăn của mình.

Từ xưa đến nay, lễ cúng rước ông bà là một lễ tục rất quan trọng không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt của cộng đồng người Việt Nam và là một trong các thành tố tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Vì thế, ngày cúng rước ông bà trước đây rất đầm ấm, đoàn tụ, là ngày con cháu, dâu, rể tập hợp về nhà thờ ông bà tổ tiên của cha mẹ để cùng rước ông bà về với con cháu trong 3 ngày Tết. Tuy nhiên, hiện nay do nhu cầu cuộc sống, con cháu ở riêng, đi làm ăn xa, có khi vào dịp Tết không về được với gia đình, quê hương nên trong lễ cúng rước ông bà ở một số gia đình không đông đủ, vui vầy như ngày xưa. Theo các cụ cao niên, Tết ngày xưa rất thi vị, là dịp mà mọi

người đều được nghỉ ngơi, thăm hỏi, sum họp, quây quần bên nhau. Còn hiện nay, trong những ngày Tết, nhiều người vẫn có công việc như ngày thường. Vì thế, mà ý nghĩa của ngày Tết hiện nay không còn thi vị, mang đậm yếu tố cổ truyền như trước đây.

Trong ý nghĩa chung đó, lễ cúng rước ông bà ở Hội An là để nhắc nhở con cháu luôn nhớ về nguồn cội, ông bà tổ tiên, đồng thời là khoảnh khắc thiêng liêng của mọi gia đình, là bữa cơm gắn kết mọi thành viên trong gia đình. Là dịp để con cháu chia sẻ những vui buồn trong năm và bàn cách giúp đỡ lẫn nhau trong công việc làm ăn sắp tới.

Tục thờ cúng và rước ông bà về trong dịp Tết cổ truyền ở Hội An là nét đẹp văn hóa truyền thống, mang tính nhân văn sâu sắc. Từ bao đời nay, nét đẹp ấy đã ghi đậm dấu ấn trong tiềm thức của cộng đồng người dân phố Hội, làm cho mối quan hệ giữa những người thân trong gia đình, dòng họ, láng giềng trở nên gần gũi, thân thiết hơn, con cháu hiểu được đạo nghĩa, công ơn to lớn mà tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã góp công gìn giữ và lưu truyền cho các thế hệ mai sau. Con cháu nhớ ơn ông bà để phấn đấu, sống tốt, góp phần xây dựng gia đình và xã hội tươi đẹp hơn. Điều này đã góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam luôn có sự kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp để phát triển thành nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Vì vậy, cần phải nghiên cứu gìn giữ, bảo lưu những tập tục truyền thống, cụ thể là tục rước ông bà trong dịp Tết cổ truyền ở Hội An trong tình hình hiện nay, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng bộ Thành phố về *“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hội An đáp ứng yêu cầu xây dựng thành phố sinh thái, văn hóa, du lịch”* ♦

TỤC ĐÓN TẾT NGUYÊN ĐÁN CỦA CƯ DÂN XƯA Ở CÙ LAO CHÀM

CN. Nguyễn Đức Minh

Công việc đón Tết thực sự nhộn nhịp từ sau Rằm tháng Chạp²⁴, dường như ai cũng có những động thái lo lắng, bồn chồn, tính toán. Có người về nhà nội, ngoại (*trong bờ*) nhắn nhủ trước những việc cần giúp. Cúng Ông Táo vào đêm 22 tháng Chạp, vì sợ cúng vào 23 Ông Táo đi trễ do lúc đó nhà nhà đều cúng sẽ đông. Ông Táo đi trước, thành thạo thì sẽ về đúng đêm 30 tháng Chạp cho gia đình “*ăn Tết*”. Lễ vật cúng Ông Táo tương tự một số nơi muốn Ông Táo ngọt miệng để giúp gia chủ nói những lời ngọt ngào trước Ngọc Hoàng, thường là bánh ngọt, cháo khoai môn, nhà giàu thì có các loại bánh, chè, đường miếng cùng giấy tiền (*cúng Ông Táo không có áo binh*).

Vào các ngày 25 - 26 tháng Chạp, cùng với những chuẩn bị khác như dọn dẹp trang trí khang trang bàn thờ Ông Bà (*còn gọi là bàn thờ Gia tiên*), đổ cát cũ thay cát mới các bát hương. Khi thay cát ở bát hương phải giữ lại tờ giấy điều viết chữ Hán để trong. Tờ giấy điều này được thầy cúng hoặc thầy chùa viết khi lập bát hương. Những chữ ấy có thể là Ngũ Tự gia đường, tên Ông, Bà đã mất. Nếu không giữ lại các tờ giấy ấy bát hương sẽ

bị coi như vô chủ và việc thờ cúng sẽ vô nghĩa, mất linh. Công việc chuẩn bị cho trong nhà, ngoài sân còn phải gánh cát trắng đổ lót khắp sân và nền nhà. Những nhà nào đã lát gạch, đá hoặc sau này tráng xi măng thì thôi. Làm như vậy ngoài mục đích để mong mới mẻ trắng trẻo, Ông Bà về hưởng Tết “*khởi quở*”, còn mục đích khác là để định rõ ranh giới đất đai chính của chủ nhà chống sự tranh chấp của Quỷ Ngạ, Dạ Xoa.

Sáng 30 tháng Chạp, mọi người tề tựu tại sân đình Đại Càn để dựng cây nêu chung của cả làng. Đến chiều ai về nhà nấy dựng cây nêu cho gia đình mình. Cây nêu là một cây tre để nguyên phần ngọn, cành lá xum xòa. Trên gần ngọn có treo giỏ đựng bánh nôm, hương đèn, vàng bạc, áo giấy (*áo binh*), mục đích để cho âm binh, ma quỷ bay đến nhận và không được bước xuống đất của nhà mình. Sáng ngày mùng 7 tháng Giêng “*Hạ Nêu*”, sau lễ cúng, mọi người hè nhau cùng khiêng thả hết xuống biển. Lễ “*Hạ Nêu*” được coi là kết thúc Tết. Những chuyện xảy ra sau đó được mọi người gọi là “*trong năm*”, nghĩa là đã xa vùi vợi rồi.

Khi giết heo, dù vào ngày nào “*cận Tết*” cũng cố gắng lấy lại cái bong bóng heo (*bọng đựng nước tiểu*), sau đó “*đạp tro*” cho kỹ và để thối cho trẻ con chơi tung banh, đá banh. Các cụ cao tuổi cất nghĩa khi đạp hoặc đá vào nó phát ra

²⁴ Trích ghi chép trong đợt khảo sát dài ngày tham vấn hồi cố của 16 cụ cao tuổi ở Cù Lao Chàm, tháng 4/2004, để xây dựng bộ giáo án tổ chức lớp “Hướng dẫn viên du lịch Cù Lao Chàm” tháng 6/2005, theo yêu cầu của Ban Quản lý Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm do chính tác giả thực hiện.

tiếng “*banh*” tương tự một loại khí cụ hay là loại bùa xua đuổi tà khí. Bởi thế, Ông Trùm Làng từ sau Rằm tháng Chạp đã đi ngóng trước nhà nào heo lớn từ tạ trở lên sẽ dặn để lại bong bóng cho Làng tổ chức “*đá banh*” giữa các xóm từ ngày Mồng Ba trở đi. Ông Trùm là người chủ chốt hợp các bộ lão chia việc coi sóc các hoạt động đua ghe ngang, lắc thúng chai để “*Đảo Thủy đầu Xuân*”, tổ chức cúng tế tại các lăng mong cả năm bình an cho xóm, hanh thông cho nghề rừng, nghề biển.

Khi thời khắc Giao Thừa đã điểm, sau dây pháo mừng Năm Mới, mọi gia đình trong làng đều phải giữ yên lặng nhằm xem con gì “*sanh trước*” (tức có tiếng kêu) để đoán trong năm mới làm ăn ra sao, được mùa hay thất bát, có dịch bệnh không, có biến động thời thế hoặc có xảy ra chiến tranh không... Ví dụ chó sủa hoặc chuột rúc là giàu có, mèo kêu thì thất bát mất mùa, heo kêu là chắc chắn phải chạy loạn cũng đồng nghĩa với chiến tranh...

Tối 30 vào đầu giờ Tý (từ 23-24 giờ), nhà nhà đều cúng Giao thừa, với mong muốn được các quan Hành Khiển và Phán Quan “*đi tuần*” biết sự thành tâm của từng gia đình mà ban phúc lộc cho cả năm. Vì theo quan niệm truyền miệng, mỗi năm có một “*Bộ*” (nhóm) quan Hành Khiển được Ngọc Hoàng phái xuống trông coi nhân gian.

Việc cúng Giao Thừa chuẩn bị thật chu đáo từ đầu giờ Tý (23 giờ đêm), tất cả mọi việc phải sẵn sàng để tránh cả năm phải tắt bật. Đối tượng để cầu cúng chính là các vị Hành Khiển, Phán quan được Ngọc Hoàng cử xuống giám sát dân gian theo năm. Tuy nhiên, hộ tổng các vị này thường có thêm hàng hà sa số những người khuất mặt. Vì thế lễ vật phổ

biến gồm một bát nước lạnh, áo giấy (áo bình), giấy vàng, giấy bạc, mỗi thứ 100 tức “*bách bách hô thi*” (mỗi thứ nhân trăm - một câu chú trong văn cúng âm bình), ngoài ra còn gạo, muối, bánh ngọt, chuối, bông. Không cúng mặn vì người phối hưởng có thể ăn chay. Người thể đàn ông và đàn bà (trong gia đình có bao nhiêu đàn ông - đàn bà thì phải gấp đôi số người thể lên). Sáng mồng Hai hoặc mồng Ba cúng Thổ Địa (cúng đất) sẽ có lễ vật đặc biệt gồm gà luộc nguyên con, nải chuối chín vàng, bình bông, 1 miếng thịt heo luộc (thịt lợn) có bỏ mấy hạt muối lên trên, kèm 5 chén cơm (5 vị ngũ hành). 100 áo giấy vàng bạc - bánh tét, bánh ngọt, hoa, quả các loại, mâm cơm, đồ xào để cúng ngũ hành và âm bình. Người cúng là cột trụ trong gia đình, khi cúng rất trang trọng, đàn bà con gái có nhiệm vụ giữ con nít không cho chạy lăng xăng sợ quở. Lễ thức thường 3 vái - 4 lạy, rót một tuần rượu, được coi là tuần đầu. Đọc văn (đối với người có học tự soạn hoặc mua ở thầy về. Người ít học thì cáo bằng miệng). Lạy 4 lạy nữa, rót một tuần rượu tiếp lại lạy tiếp 4 lạy, xong rót rượu được coi là tuần giữa. Tiếp theo, bái 3 bái, 12 lạy - 6 bái - 3 lần rượu. Sau rót nước, 3 bái nữa để kết thúc rồi đem áo giấy đốt ở ngoài đường.

Việc thắp hương khi cúng hoặc không cúng đều có điểm chung là phải thắp số lẻ: 1, 3, 5. Số lẻ là số âm, số chẵn là số dương. Theo hồi cổ của một số cụ già, việc thắp hương là cách “*xưa bày nay bắt chước*”, chỉ những gia đình có người cao tuổi mới biết ngọn ngành. Thắp 1 cây hương là bày tỏ tấm lòng thành. Thắp 3 cây hương là tượng trưng cho Trời - Đất - Người (Thiên-Địa-Nhân), tức Tam Tài. Thắp 5 cây là hướng về thần linh (Ngũ Đế Long thần), 5 phương trời đất (Ngũ Phương). Thắp 7

hoặc 9 cây hương là cầu xin ơn trên cho chính người đứng xin theo vía nam thất, nữ cửu. Dầu thấp ở đâu cũng vậy. Xưa người giàu thường thắp 9 cây để trông mong được ban ơn cho cá nhân mình.

Sáng Mồng Một cử người đập đất không hạp (*còn gọi là xông nhà*). Trong đó, tôi kị là người có tang chế hoặc nghèo khó bất hạnh. Chủ nhà thường tỏ ra lo lắng, hoang mang coi như là “*điềm khó*” cho cả năm khi chính những người ấy còn “*mở lời xin xỏ*” một thứ gì đó của nhà. Bởi thế nhiều nhà giàu thường cho con em túc trực sẵn ít tiền trước ngõ phát cho những người nghèo khó không có Tết, vừa để phòng họ bất chợt bước vào nhà, vừa là cách làm việc thiện, vì ngày Tết cũng chính là những ngày thần linh giám sát chứng tri lòng thành. Một số gia chủ cẩn trọng đi “*coi thấy*” xem người đàn ông nào hợp tuổi đập đất nhà mình để đi dặn trước họ.

Sáng Mồng Một và đêm Mồng Một, nhiều gia đình tổ chức cúng đầu năm. Các ngày Tết là Mồng Một, Mồng Hai, Mồng Ba đều cúng mặn đến 3 “*chở*” trong ngày để mời Ông Bà ăn Tết. Chở trước vừa xong đã chuẩn bị cho chở sau. Đàn bà các nhà trong dịp Tết thường không có thời gian đi chơi, chỉ quần quanh trong nhà để lo nấu nướng phục vụ cúng kính. Đàn ông ngoài việc sửa lễ, làm chủ bái còn có vai trò tiếp và nhận những lời chúc may mắn đầu năm từ khách đến thăm nhà. Khi “*lời việc*”, lại đi “*trả lễ*” chúc Tết các nhà.

Chiều Mồng Ba, lễ cúng “*đưa*” (*tiễn*) Ông Bà, chủ nhà để một đôi quang gánh trước cửa, trong đặt bánh trái chưa cúng cho Ông Bà gánh đi. Bánh trái gồm các loại thường dùng trong dịp Tết là: Bánh tét, bánh nỏ, bánh in, bánh khô, bánh da, bánh ít lá gai, bánh xu-xê, bánh

lăn, bánh tổ, bánh tai heo, bánh đậu xanh, chè ngọt, bánh đúc, bánh thuẫn... (*Riêng loại bánh thuẫn làm bằng bột trộn trứng gà nhưng phải là loại trứng không có trống, nếu có trống thì thuộc bánh mặn, người ăn chay không dùng được*)... loại trái cây chủ yếu vẫn là mãng cầu, vú sữa, xoài đu đủ, ổi, cam, quýt, bưởi. Có thể có chuối lá (*không phải chuối hột*) nếu thấy ít, thường kiêng thờ chuối vì sợ “*chúi lúi*”. Một số bánh trái được mua hoặc xin bên nội, ngoại “*trong bờ*” (*trong các xã thôn ven biển thuộc Hội An và Duy Xuyên*). Những loại bánh trái đã cúng thì sắp lên một cái bàn kê trước cửa giúp Ông Bà lấy thêm nhằm cấp phát cho đám cô hồn đang châu chực trước ngõ và cũng là để họ khỏi tranh cướp gánh bánh trái chính của Ông Bà. Nhiều đứa con nít thấy khuôn bánh bỏ vào gánh sợ hết được ăn thường khóc thét lên gây nên cuộc vui cho người lớn. Các loại bánh thường dùng trong dịp Tết là bánh tét, bánh nỏ, bánh tổ, bánh in, bánh khô, bánh da, bánh ít,... Đốt vàng bạc gọi là “*đưa Ông Bà*” xong, bánh trái trong gánh được dọn đi cúng đồng nghĩa với việc hết Tết. Những gia đình có con được thầy đồ dạy dỗ thường bớt thời gian cùng con trai (*con gái không được đi học*) đến “*Tết Thầy*”, chủ yếu là cho “*đủ lệ*” chứ thực ra trước Tết, (*khoảng sau “Tết Ông Táo*”) đã có gạo, chai rượu và gà đến “*Tết Thầy*” rồi. Ba ngày Tết cũng là những ngày nhà nọ thăm viếng nhà kia, hỏi han, trao đổi, hứa hẹn việc làm ăn trong năm mới. Ba ngày Tết cũng là ba ngày kiêng cử mọi gây gổ. Ai phạm điều này dù bản tính hay lỡ say rượu đều bị quả báo suốt năm, nghèo hèn và bệnh hoạn. Trong 3 ngày Tết kiêng hốt rác sợ xui xẻo nghèo hèn. Gặp vào năm trời động, nhiều gia đình nghèo không kịp

mua gạo từ đất liền ra phải dùng lâm sản, thổ sản có sẵn trong núi để ăn Tết. Bởi thế mới có câu hát: “*Cù Lao có trước không sau, Ăn cơm không đũa, ăn trầu không cau*”, ý nói là các loại cây trái chỉ dùng tay bóc nên không cần đũa...

Từ tối Mồng Một, bắt đầu khai hội Bài Chòi cùng các trò chơi Bầu Cua Tôm Cá, chơi Lô Tô. Năm nào làm ăn khấm khá, xóm phát động mọi người góp tiền đi mời đoàn hát (*Hát Bộ hay Cải Lương*) trong đất liền ra diễn từ tối Mồng Ba đến Mồng Năm. Việc tổ chức hát không phải chỉ có người sống coi mà có “*hàng ngàn người khuất mặt*” tới dự. Họ vui thì sang năm phù hộ cho làng xóm làm ăn khấm khá. Con nít dưới tuổi 14 thường được người lớn hướng dẫn các trò chơi Nhảy dây, Xòe nụ xòe hoa, Đặt cờ, Bắn bi, Ròng rần lên mây, Đá ngựa... Các trò chơi dân gian chủ yếu để rèn thể lực, tạo tiếng cười vui vẻ và làm “*Tiêu thực*”.

Người đi rừng và đi biển ngoài các phong tục chung trong dịp Tết còn có những quan niệm và hoạt động riêng trong việc ăn nói kiêng cử một số hành động và từ ngữ khi vui miệng chúc Tết hoặc hỏi thăm nghề, như: “*năm qua chị Bốn đi củi được nhiều không*” (kiêng gọi tên), “*chị có đi lạc không*” (kiêng nói đi lạc sợ sắp tới đi bị lạc). “*Bữa đó anh Ba đi biển “đầy” không*” (phải nói “*khảm*”, nói “*đầy*”, sợ sắp tới khó làm ăn)...

Từ Mồng Hai trở đi, người làm nghề thường phải “*Cúng nghề*”, “*Cúng mở hàng*”... sau khi “*coi thầy*” được ngày mới được chính thức “*đi làm*”. Nhiều người “*kỷ tính*” trước Tết đã “*đi phở*” coi các ngày “*cúng bến*”, “*cúng Bà Thủy*”, các ngày khai trương, các ngày làm lưới, làm củi,... Việc “*coi thầy*” thường coi khoảng 3 thầy, chỉ tin những

ý kiến có 2 thầy trùng nhau. Khi tiến hành cũng xin keo. Cũng chỉ tin hai quẻ trùng nhau. Nếu xin keo đến lần 3 mà không được (*sấp hết hoặc ngửa hết*) thì phải nghỉ “*một chập*”, rà soát những thứ còn thiếu hoặc lời lẽ chưa “*đầy*” mới xin lại. Ngày Mồng Hai nhiều người về trong quê thăm Tết gia đình nội, ngoại nên cần đến ghe. Chủ ghe phải cúng trước lúc xuất bến.

Phía trên núi, khu vực quanh Suối Tình, có nhiều bằng đất mang tên người xưa như “*bằng*” ông Chính, ông Quy, ông Bồi, ông Văn... Bằng ông Quy có 2 phần, trên và dưới. Bằng trên rộng khoảng 20m x 20m, bằng dưới dài có diện tích khoảng 10m x 40m. Những gia đình có “*làm đất*” ở đây vào sáng Mồng Ba đều “*sửa lễ*” lên cúng, vì theo ông bà truyền lại thì các khu đất đó là của người Chăm. Họ kê đá, san đất để làm nhà, làm ruộng, trồng lúa, trồng khoai... Những nơi làm nhà còn có thấy gạch đá, có nơi sang hơn thì thấy ngôi lợp nhà. Người Chăm là chủ đất nên họ rất linh. Khi cúng phải nói “*xin cho tá thổ*”, không được nói khác.

Những người làm nghề biển thường sửa lễ cúng ở lăng Bà Chúa (còn gọi là lăng Bà Mộc) vào ngày Mồng Năm Tết. Trong lăng có thờ phối thuộc Tam vị Thái Tử là các cậu Thiên - Đức - Tài hay còn có tên ông Bích, Ông Tứ, Ông Xuân. Các vị này rất linh, “*đi mạnh*” hay “*đi câu*” hay gặp. Khi thấy thường van vái “*các cậu*” độ trì thì gặp hên ngay. Ai quở hay giỡn cợt thì bị phạt không thấy đường về, ghe cứ quay mòng mòng đi một đoạn lại trở về chỗ cũ. Vì vậy, nhân Tết, cúng trước nhằm “*lấy hên*”. Ngoài ra, các chủ ghe còn “*sửa lễ*” cúng Lăng Âm Linh mong tỏ thái độ không khinh khi “*cô hồn*”, bởi họ luôn ở bên cạnh

mình. Phải “trọng” họ như bậc cha chú. Khi có khó khăn trong nghề nghiệp, khi ra biển làm ăn đều vái họ giúp thấy rất linh nghiệm. Khu lăng Âm Linh có Nghĩa Trùng, đây là nơi mai táng những xác người tập vô khi bị nạn ngoài biển. Do số phận, họ đành “nhịn” nên họ cần giúp người để mau chóng được “siêu thoát”. Đến nay nhiều người còn nhớ câu hát nhấn nhá: “*Tiếng đồn dưới Giáp nhiều ma, trên Am nhiều khỉ ngoài Nà nhiều ong*”.

Tục đón Tết Nguyên Đán của cư dân xưa ở Cù Lao Chàm được bảo lưu qua nhiều thế hệ, đến nay vẫn được coi là Tết thiêng liêng nhất trong năm. Do đặc điểm hội cư, tụ cư các thành phần dân cư ven biển Đà Nẵng, Điện Bàn, Hội An, Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành và vượt ra khỏi tỉnh là từ Huế, Quảng Ngãi, Bình Định... nên phong tục, tập quán cũng có nhiều tiếp biến đan xen nên rất phong phú. Tuy nhiên, xét về đại thể, vẫn mang phong cách riêng của Cù Lao Chàm dù phần nào vẫn giống trong đất liền Hội An. Những ngày Tết Nguyên Đán là ngày thiêng liêng nhất của mọi gia đình. Dù con cái có lấy chồng xa ở “*tận đầu tận đâu*” cũng cố gắng thu xếp trở về sum họp với gia đình để Tết thêm ấm cúng, tránh được “*tội bất hiếu*”.

Ngoài những tục lệ chung, Tết xưa ở Cù Lao Chàm, được người người coi trọng nhất vẫn là việc kiêng kị, bởi theo các cụ cao tuổi thì Cù Lao Chàm là vùng đất linh, có rất nhiều điều đến nay chưa thể cắt nghĩa được và thuộc về văn hóa tâm linh. Mọi người sống trên vùng đảo này đều phải tôn trọng, tuân thủ nếu không sẽ gánh hậu quả nghiêm trọng. Vào thời xưa, phần lớn người dân ở đảo thuộc diện nghèo, trừ số ít làm kinh

doanh, nhưng dù là ai, họ vẫn luôn ý thức được sự tồn tại của bản thân, gia đình mình đều có sợi dây vô hình ràng buộc với đảo, chi phối mọi thành công thất bại. “*Gieo nhân nào gặt quả nấy*”. Bảo vệ đảo cũng có nghĩa là xây đắp ngôi nhà chung. Việc tàn phá môi sinh không chỉ là đụng đến các đáng thần linh mà còn đồng nghĩa với việc tự phá hủy cuộc sống hậu thế của mình.

Năm 2009, UNESCO công nhận Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm - Hội An, trong đó, Cù Lao Chàm đóng vai trò là vùng lõi vô cùng quan trọng. Và đây cũng chính là cách đánh giá cao của nhân loại về vai trò bảo tồn sinh quyển từ lâu nay ở Cù Lao Chàm của quân và dân vùng đảo như trên một nền tảng truyền thống văn hóa quý giá, đồng thời khẳng định giá trị tuyệt vời của văn hóa phi vật thể tồn lưu, tiếp biến từ quá khứ, hiện tại đến tương lai ở đây.

Từ năm 2009, du khách đến Cù Lao Chàm liên tục tăng. Phần lớn dân đảo tham gia vào các hoạt động du lịch dịch vụ, số lượng tỷ phú ngày càng nhiều. Riêng năm 2019, thu phí tham quan đến đảo đạt 14,2 tỷ đồng. Bộ mặt của đảo đã khởi sắc, không còn cảnh tranh tre lá, đường sá lầy lội, bước thấp bước cao gập gềnh, len bàn chân vào kẽ đá trong bước đi của Ông Bà xưa. Cuộc sống của người dân được cải thiện do mức thu nhập ngày càng nhiều nên Tết Nguyên Đán ở Cù Lao Chàm cũng có phần phong phú về vật chất hơn.

Điều đáng trân trọng là dù trong hoàn cảnh tiếp biến văn hóa, hòa nhập quốc tế nhưng người dân Cù Lao Chàm vẫn giữ được nề nếp Tết cổ truyền cùng các phong tục tập quán đẹp được truyền lưu lại từ các bậc tiền nhân♦

BÁNH NGỌT TRUYỀN THỐNG TRONG NGÀY TẾT CỦA NGƯỜI DÂN XÃ ĐẢO

CN. Lê Thị Ngọc Hương

Tết là dịp để mọi người được trở về bên gia đình, là khoảng thời gian mỗi người con xa quê đều đau đáu ngóng trông, là sự mong chờ, hân hoan của cả người lớn, trẻ nhỏ. Dù cuộc sống có bao nhiêu thay đổi, mỗi thế hệ có trưởng thành, hội nhập và hiện đại đến đâu và bao năm tháng cứ thế trôi qua... thì truyền thống ngày Tết vẫn luôn nguyên vẹn trong mỗi trái tim, nếp sống của mỗi người dân Việt Nam.

Nhắc đến Tết, mọi người thường nghĩ ngay đến những bữa cơm tất niên ngày cuối năm, mâm cơm cúng kiếng, đưa rước ông bà, có thể nói đó là những bữa tiệc đoàn viên của gia đình. Chính vì lẽ đó, ẩm thực ngày Tết vẫn luôn là một nét văn hóa hết sức đa dạng, phong phú và mang đậm dấu ấn Việt. Đối với người dân Hội An, dù đồng bằng hay hải đảo, thì Tết cũng không nằm ngoài quy luật đó. Với xã đảo Tân Hiệp (*Cù Lao Chàm*) nằm cách đất liền khoảng 19km, dù điều kiện không thuận lợi như đất liền, nhưng mỗi dịp tết đến xuân về, người dân nơi đây đều chuẩn bị tươm tất để đón mừng năm mới – Tết cổ truyền dân tộc. Bên cạnh mâm trái cây ngũ quả, trầu cau, rượu, bánh chưng, bánh tét... được bày biện trên bàn thờ; các loại bánh ngọt đặc trưng ở Cù Lao Chàm như bánh ít, su sê, bánh nỏ, bánh in bột nếp, bánh da,...

cũng chiếm vị trí quan trọng trong các dịp cúng kiếng, lễ tết trong gia đình.

Vào khoảng giữa tháng Chạp, mỗi gia đình tập trung quay quần bên nhau để làm các loại bánh, mứt cho ngày tết. Công tác chuẩn bị cho tết không thua kém nơi đâu, mỗi người một việc, người lo dọn dẹp, trang trí bàn thờ, nhà cửa, tàu thuyền tập nập ra vào để vận chuyển hàng hóa tết từ đất liền, những cụ già, thanh niên, phụ nữ cùng nhau gói bánh tét, làm da, bánh thuẫn, su sê, bánh ít, in,... không khí mùa xuân trở nên rộn ràng hân hoan. Một món bánh ngọt truyền thống không thể thiếu trong ngày tết ở xã đảo trước hết phải kể đến bánh ít, su sê.

1. Bánh ít, bánh su sê

Món bánh mang thương hiệu xứ đảo phải kể đến đầu tiên đó là món “*Bánh ít Cù Lao*”. Theo một số người dân sống lâu năm cho biết, trước đây vào mỗi dịp lễ, tết đều có món bánh này, làm nên nét đặc trưng nơi đây, trở thành món ăn không thể thiếu. Để có những cái bánh ít thơm ngon, mềm dẻo phải trải qua nhiều công đoạn đòi hỏi người làm cần thật sự tỉ mỉ, khéo léo trong từng công đoạn. Đầu tiên phải chọn loại lá gai tươi sao không quá non hoặc quá già, nguyên liệu này có sẵn trên đảo. Lá đem



Làm bánh su sê ở Cù Lao Chàm- Ảnh: Hồng Việt

về tước sống lá, rửa sạch, luộc lá mềm rồi vớt ra để thật ráo nước. Xưa người ta dùng cối đá giã lá gai nhưng hiện nay dùng máy nghiền lá cho mịn nhuyễn là được, lá càng mịn làm bánh càng ngon. Sau đó trộn với bột nếp và đường đã thắng thành nước. Bột nếp phải là loại nếp thơm, dẻo. Quét thật kỹ cho đến khi hỗn hợp này hòa chung là một nều không khi ăn bánh sẽ bị lợn cợn, bánh không mịn bóng. Phần nhân bánh, nguyên liệu chính là đậu xanh. Đậu xanh bóc vỏ, rửa sạch hấp chín rồi cho đường vào quét nhuyễn, để nguội và viên thành từng viên tròn. Đậu xanh và bột nếp là hai nguyên liệu được mua từ đất liền. Công đoạn tiếp theo gói bánh. Lá dùng để gói bánh là lá chuối chát (*chuối hột*) vì có độ mềm dẻo. Khi xưa lá chuối có sẵn trên đảo nhưng nay do nhu cầu cần nhiều lá nên phải mua từ đất liền đem ra. Từng cục bột lá gai được dàn mỏng, cho nhân vào bên trong và vo cho nó tròn bánh. Cách gói bánh cũng cần có kinh nghiệm bởi nếu không thì bánh bị xì khi hấp và sẽ không ngon. Người làm bánh

lót hai miếng lá chuối, lá nhỏ nằm trong, lá lớn hơn nằm ngoài, hai đầu lá nằm ngược nhau. Thoa lên mặt lá trong cùng một ít dầu ăn để bánh không bị dính khi gói, bánh được gói thành hình tháp bốn cạnh vuông vức. Bánh gói xong, đặt bánh vào vỉ tre rồi cho vào nồi hấp (*Thời điểm hấp bánh khoảng 2 - 3 giờ sáng vì sau khi hấp bánh xong, sáng sớm*

họ sẽ đem bánh ra chợ bán) cách thủy với lửa lớn khoảng 1 tiếng là bánh chín. Vớt ra để ráo là có thể dùng được. Theo một số hộ dân làm bánh cho rằng, bánh được hấp bằng củi Lao sẽ ngon hơn rất nhiều nhưng chỉ dùng củi khi hấp bánh với số lượng nhỏ, còn hiện nay do số lượng bánh làm ra rất nhiều nên người ta chuyển sang dùng than tổ ong để hấp vừa nhanh và tiện lợi.

Thật thiếu sót nếu không nhắc đến món bánh cũng đang rất được ưa chuộng tại xứ đảo này đó là bánh su sê hay còn gọi là bánh phu thê. Bánh su sê mới nhìn thoáng qua cũng với lớp gói bên ngoài bằng lá chuối nếu không phải người sành ăn thì sẽ khó nhận ra đâu là bánh su sê, đâu là bánh ít. Chỉ khi bóc bánh ra thì mới nhận rõ bởi bánh ít có màu xanh đen rất riêng của lá gai, còn bánh su sê có màu vàng bóng thêm những sợi dừa trắng nằm quanh chiếc bánh. Cách làm bánh su sê cũng khác với bánh ít. Bột để làm bánh là bột lọc. Đầu tiên trộn bột với đường và nước

đặc biệt cho một ít bột dành dành (*người dân Cù Lao Chàm gọi là chành rành, khi xưa cây chành rành có trên rừng Cù Lao Chàm, trái màu vàng, người dân có thể dùng làm bánh nhưng hiện nay không còn, phải mua nơi khác*) để tạo màu vàng cho bánh. Sau khi trộn xong bắt lên bếp quét cho thật kỹ để các nguyên liệu này hòa chung là một, bột bánh có độ dẻo thì tắt lửa, trộn chung với dừa bào sợi trung qua nước sôi để ráo và không quên nhỏ thêm vài giọt dầu hoa bưởi để tạo mùi thơm cho bánh. Nhân bánh su sê cũng giống như nhân bánh ít, nguyên liệu chính vẫn là đậu xanh bóc vỏ hấp chín, giã bằng cối cho đậu mịn, trộn đường vào bắt lên bếp cho đến khi tới nước đường là được, để nguội và viên thành từng viên tròn. Lá gói bánh vẫn là lá chuối hột, cho từng cục bột được dẹt mỏng vào giữa lá chuối, cho nhân vào giữa và vo tròn. Cách gói bánh su sê cũng hơi khác bánh ít, bánh su sê khi gói xong có hình tam giác, bánh hơi đẹp hơn so với bánh ít và người ta buộc thêm sợi lá chuối qua chiếc bánh. Cuối cùng là công đoạn hấp bánh. Thời điểm hấp bánh cũng giống như bánh ít lá gai, khoảng 2 -3 giờ sáng. Trước đây người làm bánh dùng củi Lao để hấp bánh, hấp cách thủy trong vòng một tiếng là bánh chín, vớt bánh ra, để nguội là có thể dùng được. Hầu hết các nguyên liệu làm bánh su sê, được mua từ đất liền.

Theo khảo sát sơ bộ, ở Cù Lao Chàm có 9 hộ chuyên làm bánh hàng ngày để bán, một vài hộ dân khác thỉnh thoảng làm bánh để ăn, hay cúng trong gia đình, dịp lễ tết.

2. Bánh thuẫn

Bánh thuẫn có từ lâu, trước đây người dân thường làm ăn, cúng vào các dịp giỗ, tết. Bánh thuẫn là loại bánh mộc mạc, mang đậm hương vị quê hương. Quy trình làm bánh cũng không quá phức tạp nhưng để có món bánh ngon đòi hỏi người làm bánh có những kinh nghiệm riêng. Nguyên liệu làm bánh gồm bột mỳ, trứng gà ta (*ngon hơn trứng gà công nghiệp*), đường bát hoặc đường cát, bột thơm, bột nổi, dầu chuối. Đầu tiên cho bột mỳ vào thau, đập trứng gà vào, trộn đường bát cạo mịn hoặc dùng đường cát, đánh đều bằng dụng cụ đánh trứng (*bằng tay hoặc bằng máy*). Tỷ lệ pha trộn: 1 kg bột + 1kg trứng + 1,5 kg đường. Thêm ít bột thơm, bột nổi và dầu chuối vào. Chuẩn bị dụng cụ hấp bánh: Dùng thau inox loại lớn, cho cát vào đặt lên bếp củi, đun cát nóng, đổ bột bánh vào lon inox (*trước khi đổ bột bánh vào phải phết lớp dầu phộng bên trong lon để khi hấp bánh không bị dính*) cho lửa nhỏ, đậy nắp. Lấy than củi bỏ lên mặt nắp cho bánh chín đều, khoảng 20 phút bánh chín lấy ra. Để nguội rồi cho vào bao giấy hoặc bao ni lông.

Bánh thuẫn chỉ làm để dùng trong gia đình, không làm để bán, thường vào 25 tết âm lịch gần như nhà nào cũng làm bánh này, nhất là ở Bãi Hương. Cùng với bánh tết, bánh ít, bánh da thì bánh thuẫn cũng không thể thiếu trên bàn thờ của mỗi gia đình vào dịp tết để dâng cúng tổ tiên, hoặc mời khách khi đến thăm chúc tết tại gia đình.

3. Bánh in bột nếp

Bên cạnh bánh ít, su sê, thuần thì bánh in bột nếp cũng không thể thiếu trong ngày tết. Nguyên liệu chính làm món bánh này là bột nếp. Nếp trước đây được người dân tự trồng để làm bánh nhưng hiện nay phải mua để làm. Bánh in làm từ bột nếp cũng trải qua rất nhiều công đoạn để có miếng bánh giòn ngon. Nếp được vo sạch bằng nước để ráo, cho một ít dầu phộng vào trong nếp trộn đều để khi rang nếp không bị cháy. Bắt chảo lên bếp củi, đổ nếp vào khuấy đều đến khi hạt nếp nở phồng, ngả màu vàng nhạt là được. Nếp sau đó được bỏ vào cối đá giã nhuyễn, hoặc xay bằng máy, dùng rây rây bột rơi xuống, phần hạt nếp chưa mịn còn lại trên rây thì bỏ đi. Sau đó đem bột phơi sương (*phơi vào ban đêm, thông thường thời điểm khuya khoảng 4 tiếng*). Và một phần không thể thiếu trong nguyên liệu làm bánh là đường, thường dùng loại đường bát. Dùng dao cạo đường thành bột mịn. Sau khi bột đã được phơi sương, đường cạo xong, trộn 2 nguyên liệu này với nhau theo tỉ lệ 1kg bột với 1kg đường, trải bột lên mâm, dùng chai thủy tinh cán hỗn hợp đường bột cho đều. Dùng khuôn bánh bằng gỗ có chạm hoa văn đủ kiểu với dạng hình vuông, tròn, khắc hình hoa lá, chữ phúc, lộc, thọ,... Trước khi làm bánh, phủ bột nếp chưa trộn đường lên khuôn bánh in để khi lấy bánh ra khỏi khuôn được dễ dàng hơn, dùng tay ép hỗn hợp bột và đường vào khuôn bánh

in, sau khi ép chặt khuôn bánh, dùng dao gạt bằng mặt dưới của bánh. Trong giai đoạn làm bánh, phải chuẩn bị sẵn nồi than để sấy bánh. Nồi than phải đổ đều, dùng tôn bao xung quanh, đặt miếng tôn khác lên trên cách nồi than khoảng 40 phân. Khi ép bánh vào khuôn xong, đặt khuôn bánh trên miếng tôn có lửa than phía dưới, lật úp khuôn bánh, dùng thanh gỗ gõ nhẹ, từng chiếc bánh được lấy rồi được sấy trong thời gian khoảng 20 phút. Khi sấy, lật bánh qua lại cho bánh vàng đều, bánh đạt yêu cầu là bánh có độ vàng giòn, mùi thơm của nếp quyện trong mùi ngọt thanh của đường. Sau khi sấy xong, để bánh nguội rồi cho vào bao để giữ bánh được giòn lâu.

Năm mới sắp cận kề, những bếp lửa ấm cúng khắp nơi lại rộn ràng chuẩn bị cho ra đời những món bánh cổ truyền, thấm đẫm tình yêu thương gia đình. Tất cả thành viên trong gia đình tập tễnh chuẩn bị lá, đậu, nếp, trứng,... để làm bánh. Cái lạnh đêm đông đã tan biến bên ánh lửa bập bùng và mùi thơm của bánh vừa chín tới. Ngồi bên nhau nhâm nhi những chiếc bánh ngọt cùng với tách trà lá lao là một thú vui giúp xua tan mọi ưu phiền, mệt nhọc sau một năm dài vất vả với cuộc sống mưu sinh của những người dân quê, những người con xa xứ. Nhờ vậy, không khí đón thêm phần ý nghĩa, đi vào sâu thẳm trái tim của mỗi người như một tình cảm thiêng liêng không thể xóa nhòa dù cho muôn vàn biến đổi ♦

TẾT HỘI AN XƯA

Trần Xuân Mẫn

Cách nay sáu, bảy mươi năm, người Hội An đón Tết Nguyên Đán với một tâm thái rất đặc biệt: Mọi nhà, mọi người đều xem đây là dịp để *“tổng cưu, nghinh tân”*. Những gì cũ kỹ, xấu xí cần phải được tẩy xóa, loại bỏ để tổng khur những rủi ro, xui xẻo của năm cũ sắp qua và làm mới, làm đẹp, thay đổi nhiều thứ trong nhà để đón nhận những điều may mắn, tốt lành mà năm mới sẽ mang đến.

Từ đầu tháng chạp, dù gia đình khá giả hay nghèo khó cũng dùng tiền tiết kiệm trong nhiều tháng trước để dẫn con, cháu đi may sắm áo quần mới có nhiều màu tươi sáng, những bộ áo quần này được gọi là *“đồ Tết”* mà trẻ con chỉ được mặc *“khai trương”* vào sáng ngày Mồng Một. Trẻ con thời ấy có hai dịp để được mặc áo quần mới là ngày khai trường thường ở vào tháng 9 dương lịch và những ngày tết âm lịch. Thật ra thì không chỉ riêng trẻ con mà người lớn cũng chuẩn bị trước cho mình *“bộ đồ Tết”* dù có thể là đồ mới may hoặc đồ còn mới, đàn ông thì bộ vét-tông hoặc áo dài khăn đóng, đàn bà thì áo dài nhung, áo dài hoa.

Gần giáp Tết, nhà nào cũng cạo tường, quét vôi, sơn cửa, sửa nhà cho

mới và qua khỏi ngày hai mươi thì lau chùi, nhà cửa, dọn dẹp phòng ốc tươm tất, sạch sẽ. Hầu hết nhà của người Hội An đều có không gian thờ tự Tổ tiên được bố trí ở nhà trên, gian giữa gọi là *“căn trung”*. Không gian này được gia chủ chú tâm dọn dẹp vệ sinh và bài trí trang trọng, kỹ lưỡng nhất. Trên cao là khám thờ *“Ngũ Tự gia đường”*, theo giải thích của người Hội An gốc thì chiếc khám này thờ 5 vị Thần: Thổ công (*thần phát triển nghề nghiệp*), Thổ địa (*thần bảo vệ đất đai*), Táo quân (*thần phò hộ no đủ*), Thần bồn mệnh (*thần phò trợ sinh mạng*), Tiên sư (*thầy truyền nghề*). Phía dưới khám *“Ngũ Tự gia đường”* là bàn thờ Gia tiên được đặt trên bệ xây cao từ 1,5 - 2m, nơi thờ những người đã khuất trong phạm vi ba đời từ đời ông bà cố xuống đến cha mẹ. Bàn thờ được sửa soạn, trang trí hết sức cẩn thận, chu đáo để ông bà, cha mẹ về sum họp, vui vầy với con cháu trong ba ngày tết. Để làm việc này, những người đàn ông trong gia đình tập trung lau chùi vật dụng đồ thờ bằng đồng như độc lư, chân đèn, nôi xông giắc, quả cỏ bông, bình cắm hoa, giò cắm hương... Họ dùng bột đá chà xát nhiều lần cho đến khi đồ thờ ngời sáng. Những đồ thờ bằng sành sứ và hoa, quả bằng

nhựa, vải cũng được chùi rửa hoặc thay mới. Bàn thờ cũng được bắt thêm đèn thấp sáng, đèn điện nhiều màu và trang trí bằng những xấp giấy tiền, giấy vàng bạc được xoay tròn thành hình rẽ quạt đặt dưới đế lư và chân đèn để tăng thêm vẻ đẹp và sự trang nghiêm cho bàn thờ. Tết cũng là dịp để các nhà trong phố lau chùi, sửa sang, đánh bóng lại các hoành phi, liễn đối bằng gỗ quý sơn mài, thếp vàng hoặc cẩn xà cừ được gia đình lưu giữ nhiều đời. Bên cạnh các cặp liễn đối, nhiều nhà còn treo hoặc dán lên tường những câu đối in chữ viết bằng mực Tàu trên giấy đỏ có nội dung ca ngợi, cầu chúc cho đất nước, mọi nhà, mọi người một mùa xuân may mắn, hạnh phúc. Nhà của người Việt gốc Hoa và các nhà buôn ở trong phố còn dán thêm ở trên cửa chính hoặc ở bảng hiệu trước nhà những tờ giấy đỏ in chữ Xuân (春) hoặc hình cát tường để xua đuổi tà ma, ám khí.

Sau khi dọn dẹp nhà cửa, trang trí bàn thờ tươm tất, đẹp đẽ, người Hội An không quên việc phải tìm một nhánh mai thật vừa ý để cắm dọc bình lớn, đặt ở trước bàn thờ hoặc ở một nơi dễ thấy nhất ở nhà trên dùng làm nơi tiếp khách. Các gia đình ở vùng ven có trồng mai thì từ tiết Đông Chí, họ đã trảy (lặt) lá cũ để có một cây mai lá non, chồi mới, hoa vàng sung mãn và nở rộ đúng vào những ngày đầu năm mới. Những nhà trong phố không có đất trồng mai thì tìm mua những cành mai có dáng đẹp, nhiều búp mập tròn, mang về trước mùng Một Tết vài ngày. Ngày xưa, Hội

An không có hoa mai nhiều màu, nhiều cánh như sau này mà chỉ có hai giống nhất định là mai Tứ Quý nở hoa 4 mùa và mai Xuân chỉ trổ hoa đúng vào dịp Tết. Người Hội An xưa chỉ thích chơi mai Xuân vì hoa mai Xuân có cánh to, mềm, mỏng, sắc vàng thắm và tỏa ra hương thơm thoang thoảng. Họ chọn hoa mai có năm, sáu cánh “*chung Tết*” để mong năm mới được hanh thông, may mắn trong công việc làm ăn của gia đình và việc học hành, thi cử của con cái. Người Hội An rất thích gắn trên các cành mai càng nhiều càng tốt những tấm thiệp “*Cung chúc tân xuân*” của bạn bè, thân nhân, bạn hàng giao thiệp làm ăn gửi đến chúc Tết, xem đó là sự tự hào vì gia đình có mối quan hệ rộng rãi và được nhiều người quý trọng. Một số gia đình còn gieo hạt lúa mầm vào bát đựng đất để ngày tết có bát lúa non mà chưng trên bàn thờ và bàn tiếp khách.

Cùng với nhánh mai, bát lúa non, nhà nào cũng mua sẵn pháo nổ để đốt Tết. Nhà giàu mua vài phong, nhà nghèo ít nhất cũng có một phong, trẻ con thì mua pháo tiều, pháo đập. Người Hội An tin rằng đốt pháo không chỉ để tạo không khí rộn ràng, vui tai mà còn để xua đuổi tà ma, ám khí ra khỏi nhà trước khi năm mới đến.

Trước ngày ba mươi tháng chạp chừng năm, ba ngày, từ trong phố ra đến ngoại ô đều nghe tiếng heo kêu phát ra từ từng nhà, từng xóm mỗ heo ăn Tết. Một con heo mỗ được chia ra nhiều phần: Đầu heo để cúng tất niên rồi gói trùi, thịt và mỡ được giãm nước mắm mặn hoặc giãm chua để ăn trong nhiều ngày, một phần thịt ngon nhất

được dành để nấu bánh tét. Nấu bánh tét vừa để có bánh truyền thống địa phương thờ cúng ông bà và đãi khách ba ngày tết vừa để con cháu đi làm ăn, học hành xa nhà trở về có dịp đoàn tụ, vui vầy với gia đình. Vì vậy nên khi gói bánh tét, mọi người trong gia đình đều tập trung ngồi vào một chiếc chiếu rộng được trải giữa nhà, vây quanh các thúng, mùng đựng nếp, đậu xanh đã ngâm, thịt heo đã vuốt dầu mỡ và những xấp lá chuối, bó lạt được chọn lựa, lau chùi kỹ càng. Những người trong gia đình vừa gói bánh tét vừa râm ran nói chuyện, kể chuyện “trên trời dưới đất”, hầu hết là những chuyện vui trong năm qua, những chuyện liên quan đến ngày Tết và cũng không thiếu những chuyện tiếu lâm làm mọi người “cười ra nước mắt”. Việc tiếp theo là họ chia phiên nhau nấu bánh, canh giữ nồi bánh cho đến khi bánh chín. Người Hội An rất kị việc nấu bánh bị nhão hoặc bánh sượng, không chín đều vì cho rằng năm nào bánh bị như thế là gia đình gặp nhiều việc trắc trở, không may mắn trong năm mới; vì thế, họ rất cẩn thận từ khâu chọn lá chuối tốt đến gói bánh chắc lạt rồi chụm củi cháy đều liên tục và theo dõi chơm nước thường xuyên không để cạn suốt thời gian một ngày, một đêm khoảng 18 giờ đồng hồ.

Sau lễ cúng Tất niên và rước Ông Bà vào giờ Ngọ trưa ba mươi, pháo bắt đầu nổ thay phiên nhau từ làng trên đến xóm dưới, báo hiệu cái Tết đang đến gần. Chiều ba mươi tháng chạp, Hội An có một không khí “kỳ lạ” ít nơi nào có

được. Mọi người đều ở trong nhà, đường sá vắng vẻ, khói hương và mùi trầm, giắc lan tỏa cả phố. Chỉ có vài quán cà phê quen thuộc như cà phê Đạo, cà phê Tiêu, cà phê Chanh là mở cửa để đón những người Hội An đi làm ăn xa, Tết mới về. Người ta ngồi nhâm nhi ly cà phê đậm đặc với điệu thuốc trên môi, lẳng đặng nhìn Hội An trong hồi tưởng sương khói. Nhạc nhỏ như ru, người trò chuyện như thì thầm. Không gian chùng xuống để Hội An tự tại sau một năm gánh đủ chuyện đời, chuyện người, chuyện vui buồn, nhân tình, thế sự.

Rồi giờ phút Giao thừa đến, pháo nổ mỗi lúc một nhiều hơn, tiếng nổ to hơn, căng hơn. Đó là lúc nhà nào cũng cúng Giao thừa, rước Ông Táo trở lại. Sau gần một giờ nổ vang, tiếng pháo thừa dần rồi im bật, phố lại trở về im ắng, xóm làng lại trở về giấc ngủ nửa tỉnh nửa mê. Vào thời khắc tĩnh lặng này, người Hội An có thói quen lắng nghe con vật gì cất tiếng kêu đầu tiên vào phút Giao thừa để suy đoán điềm lành, dữ trong năm mới.

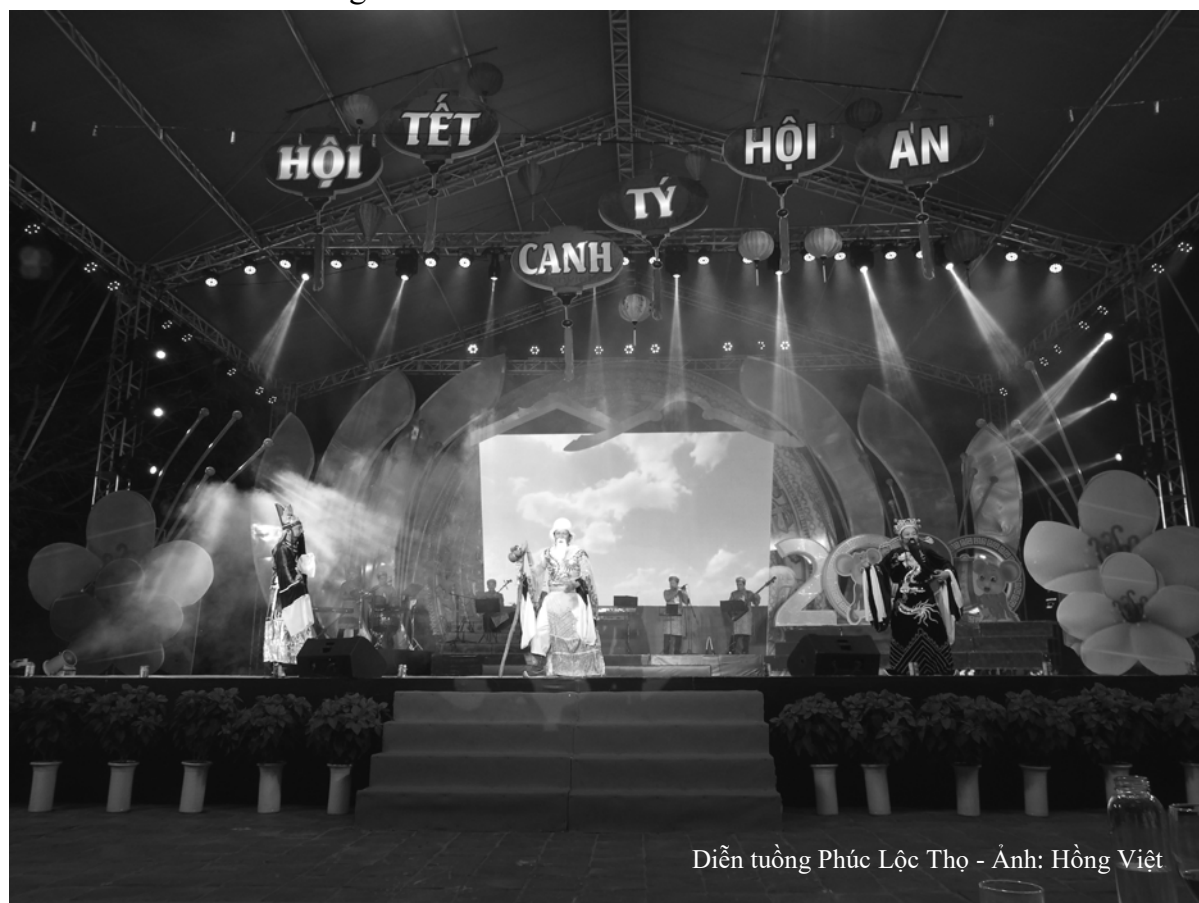
Sáng mùng một, nhà nhà đều thắp hương, cúng cơm đầu năm với ý nghĩa mời ông bà, cha mẹ đã khuất dùng bữa ăn sáng với con cháu. Lúc này pháo nổ vang cả phố, cả làng để đón mừng Tết đến. Sau đó, trẻ con mặc “đồ Tết” để chuẩn bị nhận bao lì-xì còn người lớn “lên” com-lê, áo dài, xuất hành ra khỏi nhà theo hướng và giờ được lịch Vạn niên báo trước để năm mới được gặp nhiều điều may mắn. Đầu năm, người ta đi thăm mộ trước rồi sau đó đi thăm nhà

thờ, ông bà, cha mẹ còn sống và bà con, hàng xóm. Khi đến thăm nhau, lời chúc tết không bao giờ thiếu câu “*Chúc cho gia đình anh chị mạnh khỏe, làm ăn tấn phát và đẻ thêm con trai*”, dù gia đình được chúc đã có nhiều con trai. Về việc thăm viếng ngày Tết, người Hội An cũng có câu nhắc nhở: “*Mông một thì ở nhà cha, mông hai nhà vợ, mông ba nhà thầy*”. Tết là dịp để người ta gặp nhau tay bắt, mặt mừng, xóa bỏ những giận hờn, khúc mắc nhau trong năm cũ; trong gia đình thì mọi người nói năng nhỏ nhẹ, không giận hờn, la lối, không làm đồ đạc đổ vỡ, quét nhà thì dồn rác đến hết ngày mông ba mới được đổ đi.

Trong ba ngày Tết, người Hội An thường tụ tập trong nhà để đánh bài Tứ sắc, Mạc chược, Tam cúc. Trẻ em và thanh niên thì ra đường chơi Bầu cua

tôm cá, người già thì đi chơi Bài chòi. Người Hội An cũng có thói quen đi xem hát bội. Họ không vào rạp từ đầu lúc mới diễn mà cố ý vào nửa chừng sau khi vở tuồng đã diễn được một đoạn để đoán vận hạn năm mới. Bước vào rạp mà gặp cảnh diễn vui tươi như múa hát, vinh quy bái Tổ, đăng quang, khải hoàn là hên mà gặp cảnh chia ly, tang tóc, than khóc là bị xui xẻo cả năm.

Trong ngày mông ba, mọi nhà lần lượt cúng “Đưa Ông Bà”. Cúng xong, người ta tắt đèn bàn thờ và đốt đồ cúng gồm áo quần, mũ nón, giày dép, tiền và vàng bằng giấy để ông bà đem theo dùng. Đến lúc này cái Tết được xem là chấm dứt theo phong lệ, người Hội An trở lại cuộc sống thường nhật và bắt đầu làm việc cho một năm mới ♦



Diễn tuồng Phúc Lộc Thọ - Ảnh: Hồng Việt

TRÒ CHƠI XĂM HƯỜNG TẠI HỘI AN

Trương Nguyên Ngã

Nhớ một thời mỗi năm tết đến, đêm về nghe tiếng hột xúc xắc (*tào cáo*) reo giòn trong bát sứ vang ra từ nhà bà hàng xóm, nhất định đám con nít xúm lại đứng châu rìa xem người lớn chơi trò đồ xăm hường. Đôi khi các ông cũng tham gia, nhưng người chơi chủ yếu vẫn là các bà lớn tuổi. Sau cơm tối họ bắt đầu tụ lại ở nhà người có bộ xăm hường, chơi chừng chín đến mười giờ đêm là tan hội.

Mỗi khi nhà nào gieo được những điểm cao là đám trẻ lại reo lên mừng rỡ. Đứa nào được người lớn sai vặt khi pha trà, lúc lấy thuốc, lấy trà thì khoái chí lắm. Bởi sau đó chúng sẽ bắt đầu màn năn nỉ ỉ ôi, thậm chí cả kẻ công đã reo hò ủng hộ và phục vụ trà nước trước đó, chủ yếu để được người lớn cho gieo hột xúc xắc thể chân người đó một lần. Có người không cho thay thế, nhưng cũng có người suốt đêm cứ thua mãi, muốn đổi vận may cũng cho một đứa nào đó đồ thay mình một lần.

Được cho phép đồ thay đứa nào lại chẳng mừng rơn, bụm hai tay nắm tròn sáu hạt xúc xắc tròn mắt xoay qua xoay lại, đưa lên miệng thổi phù phù làm phép rồi gieo hột xúc xắc vào bát, lại tròn

tròn mắt nhìn xem có đạt được điểm nào không. Nếu đồ hột xúc xắc lấy được nhiều điểm còn hy vọng người đó cho thể chân thêm vài lần, chứ không lấy được điểm nào hay lấy điểm thấp quá kể như hết cơ hội được đồ thêm lần nữa. Có cậu nhờ may rủi đồ xuống được ngũ hường giúp ăn cả ba trạng được một lần, ba năm sau vẫn còn kể lại để xin... đồ ké.

Nguồn gốc trò chơi xăm hường phát xuất từ đâu đến bây giờ vẫn còn nhiều ý kiến khác biệt. Tuy nhiên dựa vào hai học vị tú tài và cử nhân chỉ bắt đầu được xưng danh từ thời nhà Nguyễn, nên phải chăng trò chơi này phát xuất từ nội cung triều Nguyễn? Việc



Toàn bộ trò chơi xăm hường - Ảnh tác giả.

truy nguyên cho rõ ràng có lẽ phải nhờ vào các bậc túc học.

Tuy vậy, nhiều người vẫn thống nhất với nhau là trò chơi này khởi thủy có tên gọi là Tam Hồng, nghĩa là ba điểm đỏ tượng trưng cho ba điều may mắn đầu năm dựa vào ba quân có học vị cao nhất là Trạng Nguyên, Bảng Nhãn và Thám Hoa. Đến thời Tự Đức vì từ Hồng đồng âm với tên của nhà vua là Hồng Nhậm nên phải đọc trại thành Hường, ngoài ra do hình dạng của các quân cờ thon dài giống như thẻ xăm nên lâu năm người ta quen gọi thành xăm hường.

Các quân xăm hường được chia ra làm 6 loại từ thấp đến cao, bao gồm 32 quân tứ tài giá trị 1 điểm/quân (*nhất hường*); 16 quân cử nhân giá trị 2 điểm/quân (*nhị hường*); 8 quân tiến sĩ giá trị 4 điểm/quân (*tứ tự*); 4 quân hội nguyên giá trị 8 điểm/quân (*tam hường*); 1 quân bảng nhãn và 1 quân thám hoa giá trị 16 điểm/quân (*trạng em*); 1 quân trạng nguyên giá trị 32 điểm/quân (*trạng anh*). Tổng cộng có 192 điểm trong một ván chơi.

Tên gọi của các quân trong trò chơi này thể hiện được tinh thần hiếu học của người xưa nên thường được chơi vào dịp Tết với ước mơ đỗ đạt, gặp may mắn đầu năm, cả năm thông suốt. Sau này, khi trò chơi lan dần ra ngoài công chúng, do nhiều người không đọc được chữ Hán - Nôm nên gọi theo tên quân cờ trên thẻ điểm thành nhất hường, nhị hường, tam hường, tứ tự, trạng em và trạng anh cho dễ nhớ.

Người chơi xăm hường có thể từ hai đến bảy người cùng chơi trong một

ván nhưng thông thường vẫn là bốn đến sáu người. Số điểm của mỗi người phải đạt được trong một ván, dựa vào tổng số 192 điểm chia đều cho số người chơi. Hết ván chơi, người thừa điểm có thể bán lại cho người thiếu điểm, mỗi điểm được quy định tương đương với tiền mặt hoặc hiện vật tùy theo quy ước trước đó.

Luật chơi xăm hường cũng khá đơn giản nên dù nhiều người không biết chơi chỉ cần quan sát vài lần là có thể chơi được. Trò chơi sử dụng 6 hạt xúc xắc đỏ vào bát sứ để tính điểm. Người chơi đổ ra một mặt tứ được lấy thẻ xăm một điểm tương đương quân tứ tài; hai mặt tứ lấy quân cử nhân; ba mặt tứ lấy quân hội nguyên; bốn mặt tứ lấy quân trạng nguyên; Năm mặt tứ lấy được cả trạng nguyên và thám hoa cùng bảng nhãn; Sáu mặt tứ thắng luôn toàn hội người thua phải nộp gấp đôi số điểm được quy định trong mỗi ván.

Trừ bốn mặt tứ lấy được quân trạng nguyên ra, mỗi khi các mặt hột xúc xắc ra bốn mặt khác trùng nhau, người chơi lấy được quân tiến sĩ (*tứ tự*).

Để lấy được quân thám hoa hoặc bảng nhãn cần các điều kiện:

- Các mặt hột đạt quân tứ tự cần tổng điểm hai mặt còn lại bằng điểm mặt hột ghi điểm tứ tự gọi là tứ tự cấp. Đơn cử như người chơi đổ ra bốn mặt tam mà hai hột còn lại là mặt nhất và nhị cộng điểm bằng ba thì lấy được quân thám hoa hoặc bảng nhãn.

- Khi các mặt hột thông suốt từ nhất đến lục hoặc khi các mặt hột có ba cặp đôi từ nhất nhị tam, hoặc tứ ngũ lục

(riêng trường hợp này có hai mặt tứ nên lấy thêm được một quân cử nhân).

- Khi các mặt hột chia đều làm hai, mỗi mặt ba hột trùng nhau. Đơn cử như nếu có ba mặt nhị và ba mặt ngũ... nếu ra ba mặt tứ và ba mặt khác trùng nhau thì trường hợp này được lấy thêm một quân hội nguyên.

Để lấy được quân Trạng Nguyên ngoài bốn mặt tứ ra các mặt còn lại cần phải có năm mặt trùng nhau. Mặt hột còn lại sẽ được tính điểm gọi là tuổi trạng, đơn cử như năm mặt tam và một mặt nhị sẽ gọi là trạng hai tuổi. Nếu là bốn mặt tứ thì cộng điểm của hai mặt còn lại để tính tuổi.

Nếu trong ván chơi có người lấy trạng nguyên, thám hoa, bảng nhãn rồi mà sau đó người khác đổ ra trạng nguyên, thám hoa, bảng nhãn có tuổi lớn hơn thì giành được trạng nguyên từ tay người kia. Kể cả đổ ra ngũ hường cũng

bị giành trạng theo luật tính tuổi này.

Ngoài ra khi có người đổ ra sáu mặt hạt trùng nhau, gọi là lục phú, thì được thắng cả toàn hội. Riêng sáu mặt tứ gọi là lục phú hường thì được thắng cả toàn hội và nhân điểm thắng lên hai lần. Ở một vài nơi luật chơi có những tiểu tiết khác biệt, nhưng tổng thể luật chơi chung vẫn giống nhau.

Trải qua nhiều năm xã hội phát triển, trò chơi xăm hường gần như đã mất dần trước những phương tiện giải trí tân thời. Tuy vậy, đâu đó vẫn còn một vài gia đình trên phố giữ được trò chơi này. Xuân đến chợt nghe tiếng xúc xắc reo vang trong bát sứ, tiếng người reo lên mừng rỡ khi đoạt trạng vang lên trên phố, lại nghe lòng rộn rã khi những khoảnh khắc xuân xưa chợt ủa về. Hy vọng rồi đây trò chơi này sẽ được phục hồi như một cách gìn giữ tinh thần hiếu học một nét văn hóa xuân của người xưa ♦



Ngày hội Quà Tết vì người nghèo xuân Tân Mão-2011. Ảnh: Hồng Việt

BÁNH IN - HƯƠNG VỊ TẾT TRONG KÝ ỨC TUỔI THƠ

CN. Nguyễn Thị Lệ Thương

Những cái Tết trong ký ức tuổi thơ tôi vẫn vẹn nguyên như ngày hôm qua. Tết với tôi không đơn thuần chỉ là những lần diện áo quần đẹp đi công viên, hội chợ hay những buổi tụ tập bạn bè vui chơi, cũng không phải chỉ là những mâm cỗ đông đầy, náo nhiệt lời chúc tụng nhau trong ngày đầu năm mới, Tết trong tôi đậm nét hơn với những kỷ niệm bên gia đình lúc quây quần cùng nhau chuẩn bị bánh trái, lễ vật đón Tết vào những ngày cuối năm.

Bà của bà tôi trước đây có mở hàng xén bánh kẹo nên bà cũng theo đó mà học được cách làm bánh. Bà hầu như biết làm mọi loại bánh truyền thống xa xưa như bánh in, bánh da (*bánh lăn*), bánh ú, bánh đậu xanh, bánh nỏ, kẹo mè, kẹo ú, kẹo đậu phộng... Sau này lớn tuổi, bà tôi không còn làm bánh để bán nữa nhưng thi thoảng vẫn làm vài thứ cho bọn con cháu chúng tôi thưởng thức.

Bà tôi hay bảo bánh in dễ làm, con nít cũng tham gia làm được nên hầu như năm nào nhà tôi cũng có bánh in. Từ giữa tháng Chạp, bà tôi ra chợ chọn mua nếp mới, dẻo thơm để làm bột bánh. Bà dắt tay tôi đến vài quầy hàng bán gạo, bà bóc từng nắm gạo nếp trong tay vừa chỉ bảo tôi cách chọn nếp dù rằng tôi còn khá nhỏ để thâm thấu được hết lời của bà “Con à, gạo nếp ngon phải có hạt to, tròn đều, màu trắng đục, gạo mới thì thường có mùi thơm tự nhiên, và khi con nếm

thử sẽ cảm nhận được vị ngọt nhẹ của gạo”. Sau khi mang nếp về, bà đem ra vo rửa nhiều lần, sau đó để cho ráo nước trên giàn cao. Ngày còn nhỏ, tôi chỉ biết lon ton chạy theo sau bà với hi vọng sẽ kiếm được chút gì thú vị, thỏa mãn cái miệng luôn háu ăn này. Tôi “phụ” bà mang cả rổ nếp to vào bếp. Chái bếp vừa thấp, vừa nhỏ, các bức vách bằng tre ám khói lâu ngày chuyển thành màu xám xịt. Nền đất nâu gồ ghề phủ tro bếp ẩm đậm. Đến cả mạng nhện giăng ngang giữa các cây đà cũng đầy một màu khói. Chảo rang nếp của bà được đặt ngay ngắn trên ông kiềng ba chân vững chãi. Bà bảo muốn rang nếp cho ngon thì phải dùng chảo gang đúc. Tôi mơ hồ nhìn lòng chảo to tròn đen bóng, bên ngoài đóng một lớp muối dày cộm, chỉ thấy dấu vết của sự từng trải qua bao năm tháng phục vụ gia đình tôi. Bà khom người nhóm lửa bằng nhúm lá dương liễu khô cất lại từ mùa hè trước, đám củi bén nhảy thối bùng lên niềm háo hức đợi chờ trong tôi. Cả căn bếp sáng rực lên bởi ánh lửa đỏ hồng hực và màu trắng phau phau của gạo nếp. Nhẹ nhàng đổ từng mẻ gạo nếp vào chảo, bà dùng đôi đũa tre to bè mà ông mới vừa làm mấy ngày trước đảo nếp liên tục cho đến khi từng hạt từng hạt chín đều ngả sang màu vàng nhạt. Bà cẩn thận đổ nếp chín ra một cái nia to cho nguội, rồi lại tiếp tục rang mẻ khác. Tôi vẫn nhớ tiếng bà mắng yêu mỗi lần tôi nhón tay bóc lấy một ngum nếp đã

rang chín, nhanh nhẩu cho vào miệng nhai rôm rốp. Thi thoảng tôi còn tình nghịch chia sẻ niềm vui ấy với bầy gà con tíu tít may mắn chạy ngang qua. Trời đã sang trưa, gió bắc lạnh căm vẫn thổi phù phù, nhưng bên trong hơi ấm bao trùm, mùi nếp rang thơm nức len lỏi vào sâu trong mũi tôi, mùa Xuân dường như đang đến ngay từ căn bếp của bà.

Sau buổi rang nếp, tôi dường như quên hẳn mục đích của việc làm ấy. Tôi chẳng biết bà đã mang nó đi xay khi nào, chỉ biết đến một hôm bà đem mấy bao bột trắng mịn ra và bảo tôi là nhà ta chuẩn bị làm bánh in. Buổi tối, bà đổ bột nếp ra tấm nia to, kê cao lên giữa sân phơi sương. Nửa đêm bà phải thức dậy đảo bột để bột ngấm hơi sương cho đều, đến sáng cất bột vào bao, bọc kín lại đến tối hôm sau mang ra phơi tiếp. Bà bảo nên phơi ít nhất hai đến ba đêm để bột ăn sương, có vậy khi làm bánh, bột dễ kết dính, bánh in ra sẽ mịn và đẹp. Tôi nào biết đến sự vất vả kì công ấy, chỉ nhớ mình đã rất hào hứng cảm nhận sự mềm mịn, mát lạnh khi lén lút chạy ra sân thọc tay vào giữa lớp bột trắng ngà ấy.

Mỗi lần nhà tôi làm bánh in, bà lo phần bột bánh, còn ông sẽ đảm nhận phần cạo đường, một công việc cần nhiều sự kiên nhẫn cùng sức lực của đôi tay. Vậy là vào buổi ban trưa của một ngày cận kề giao thừa, ông trải tấm liếp tre ra giữa sân, bày biện trên đó nào dao, nào thớt, rồi cả cái mẹt tre to với mấy tán đường bát vàng óng bên trên. Nâng lên cao, xuyên qua kẽ lá xoài, rơi xuống từng vệt tròn trên sân, rơi cả vào mặt ông, vai ông, và vào đôi tay dính dính nước đường ẩm ướt đang thoăn thoắt đưa lên đưa xuống miệt mài trên tán đường. Bằng sự nhịp nhàng nhuần nhuyễn, tay ông đã biến tán đường cứng ngắt thành

từng cuộn mỏng tan mềm mịn trước đôi mắt thèm thuồng của tôi. Vì phải dùng dao để làm nên ông chẳng khi nào cho tôi hay bất kì đũa nhóc nào bén mảng đến nghịch chỗ đường ngọt lịm quyến rũ ấy. Tôi đành lén la chơi quanh gần đó, chờ đến khi ông gọi tôi lại giúp ông pha bát nước chè nóng uống giải khát, tôi sẽ được ông thưởng cho một cục đường vụn thừa rơi ra trong lúc cạo. Miếng đường nhỏ tan chảy ngọt ngào trong miệng, tôi cực kì thỏa mãn. Tuy nhiên, công đoạn mất thời gian và nhàm chán này nhanh chóng làm tôi buồn ngủ. Tôi ôm mền ra nằm xuống cái chõng tre trước hiên nhà, vừa chờ ông gọi vừa đánh một giấc (quá) trưa say nồng giữa cái lạnh se se buổi xế chiều. Trong cơn mơ màng, tôi còn cảm nhận được vị thanh ngọt nơi đầu lưỡi, còn nghe văng vẳng tiếng lá xoài xào xạc bên tai.

Lúc tỉnh dậy thì trời đã nhá nhem tối, ông tôi đang chuẩn bị trộn bột nếp với đường đã cạo trên một chiếc bàn cao trong nhà. Ông dùng lực của đôi tay để bóp và nhào trộn cho đến khi bột nếp ngấm đường, nở to. Sau đó ông cán bột bằng cái chày gỗ to kèn. Cán đi, cán lại nhiều lần cho đến khi bột và đường quyện vào nhau, ném thử vào lưỡi thấy tan đều là được. Ở một góc, bà tôi chuẩn bị sẵn sàng chỗ sấy bánh. Mẹt tôi cầm quạt quạt vào trả than đỏ rực bên dưới. Phía trên là sàng sấy đan bằng tre lựa thưa các ô vuông nhỏ, bao bọc xung quanh là vài tấm màn dựng đứng cao hơn sàng sấy một chút để giữ hơi nóng không thoát ra nhiều bên ngoài. Bà tôi bắt một nắm bột mì, vẩy tay thanh thoát tạo ra từng đợt tuyết trắng phủ lên từng ô vuông khuôn bánh để chống dính. Sau đó bà dùng tay vo một nắm bột đã được ông trộn kĩ rồi ấn chặt vào khuôn bánh. Xong lại dùng chày gỗ gõ canh cách vào

thành khuôn để bánh tách rời thành khuôn và nhanh tay lật úp khuôn để đổ bánh lên sàng sảy. Từng chiếc bánh vuông vức với hoa văn sắc nét phoi mình trên than hồng, kiêu hãnh chờ đợi cái nóng biến đổi da thịt trắng nõn mềm mịn thành cơ thể vàng rộm rắn chắc. Tôi đứng say sưa ngắm nhìn thao tác của bà, ngây ngất trong bột bánh lát phát rơi và mùi bánh nướng thơm nức mũi. Rồi như chợt nhớ ra một điều gì quan trọng, tôi vù chạy đi gọi mấy đứa em họ và cô bạn hàng xóm sang nhà tôi. Chúng tôi mỗi đứa cầm theo trên tay bất kì thứ gì có thể làm khuôn bánh như vỏ nghêu sò, nắp chai... và hí hửng chen vào xúc bột rồi hì hục tạo ra cái bánh của riêng mình. Ông bà vừa làm bánh, vừa trò chuyện với ba mẹ tôi, thảo luận xem Tết này còn thiếu cái gì, ngày mai cần mua những gì, rồi cả việc phân công lo đồ cúng, dọn dẹp bàn thờ, nhà cửa..., lại còn kể cho chúng tôi nghe chuyện ngày xưa lúc bà theo học làm bánh, chuyện đón Tết khi ông bà còn nhỏ... Bọn trẻ con cũng tự hào khoe nhau Tết này đứa nào có áo quần đẹp, giày dép mới, thi thoảng xô đẩy, hò hét giành nhau chỗ lấy bột, chỗ nướng bánh, và đương nhiên là không thể thiếu cảnh xuyết xoa vừa thổi vừa ăn mấy chiếc bánh nóng hổi mới ra lò. Mùi bánh cháy sém lan đến tận ngõ, thu hút hàng xóm ghé vào hỏi thăm, khen ngợi mẻ bánh thơm ngon. Không gian ngập tràn tiếng nói cười ấm cúng. Xuân đã đến tận cửa nhà.

Mỗi lần thấy bà làm bánh, tôi đều hỏi bà cách chọn nguyên liệu sao cho ngon, hay cách nấu nước đường sao cho chuẩn và biết bao câu hỏi về cách làm các loại bánh khác nhau, nhưng đến giờ, tôi vẫn chẳng thể thực hiện

được cho đúng cái nào cả. Bà thường bảo tôi rằng tuổi tác đã dạy bà, có lẽ tôi đành phải chờ đợi đến một lúc nào đó, khi tích góp đủ cái gọi là kinh nghiệm ấy thì tôi sẽ làm được?! Nhưng bà đã không còn để chỉ bảo tôi thêm lần nào nữa, tôi giờ chỉ dựa vào chút ký ức mỏng manh để nhớ về bà, về hương vị bánh bà làm, và về những kỷ niệm ngày Tết tuổi thơ êm đềm xưa kia. Dẫu ngày nay đời sống có khấm khá hơn, nhà tôi vẫn giữ thói quen làm bánh in, bánh da khi Tết đến để cúng ông bà, để được ngồi in từng chiếc bánh rồi thưởng thức hương vị ký ức ngọt ngào trong nó.

Tháng Chạp lại đến. Chạy xe trên phố, những trận mưa phùn lát phát từng hồi tạt vào đôi má đã tê cứng vì lạnh của tôi. Dưới ánh nắng xuân le lói, tôi hồi tưởng về những khuôn mặt hân hoan, hạnh phúc ngồi sáng bên trong những căn nhà ấm cúng, tiếng trẻ con cười đùa rượt đuổi trước sân, tiếng í ới chòm xóm gọi nhau chia sẻ miếng bánh khô thịt trước thềm năm mới. Giữa guồng quay hối hả của công việc, giữa bọn bè bạn rộn của cuộc sống, những kỷ ức đẹp đẽ êm đềm ấy trở thành điểm tựa vững chãi trong tâm hồn, sưởi ấm trái tim tôi mỗi độ xuân về◆



NGHỀ KIM HOÀN XƯA Ở HỘI AN

CN. Khiếu Thị Hoài

Những ngày tháng Chạp năm Canh Tý (2020), trong khi tìm hiểu về nghề kim hoàn xưa ở Hội An, với sự giới thiệu của ông Thái Tế Thông, tôi may mắn gặp được những người thợ kim hoàn thuở trước. Tuy bây giờ đã ở tuổi “*xưa nay hiếm*” nhưng họ vẫn minh mẫn kể cho tôi nghe về ngành nghề từng gắn bó cả đời, thậm chí, có người chẳng ngại ngần tiết trời mưa, lạnh để cùng tôi đến những nơi trước kia là cửa tiệm vàng nổi tiếng ở Hội An. Trong phạm vi bài viết nhỏ này, chúng tôi chỉ sử dụng một phần các câu chuyện kể của những người thợ kim hoàn xưa, với mong muốn đọc giả hiểu thêm một ngành nghề thủ công mỹ nghệ đặc biệt phát triển mỗi độ Tết đến, xuân về nơi phố cổ.

Vài nét về tổ nghề kim hoàn

Lịch sử nghề kim hoàn Việt Nam ghi nhận các làng nghề truyền thống: Làng nghề vàng bạc Châu Khê (*Hải Dương*), làng nghề chạm bạc Đồng Xâm (*Thái Bình*), làng nghề dát vàng Kiêu Kỵ (*Hà Nội*), làng nghề Kế Môn (*Huế*), làng nghề dây chuyền Bình Chánh (*thành phố Hồ Chí Minh*). Ở làng Kế Môn, cụ tổ nghiệp Cao Đình Độ và người con trai cả của cụ là Cao Đình Hương di cư từ Thanh Hóa vào, được Triều Nguyễn sắc phong lần lượt là Đệ Nhất và Đệ Nhị Tổ sư ngành kim hoàn Việt Nam.

Công lao của các tổ sư kim hoàn không chỉ được người đời sau luôn ghi nhớ, mà còn nhận được nhiều sắc phong của triều đình, đặc biệt dưới triều Nguyễn. Hiện nay, tại nhà thờ tổ nghề kim hoàn ở Huế và Lê Châu hội quán (*Thành phố Hồ Chí Minh*) còn lưu giữ nhiều bản sắc phong của triều đình, đặc biệt dưới triều Nguyễn. Đó là hàm cấp bậc “*Tiến sĩ khai hóa kim ngân*” với phẩm tước đại triều “*Dực Bảo Trung Hưng*”, chức Lãnh Binh của vua Gia Long cho ông Cao Đình Độ. Sau khi mất ông còn được truy phong thêm tước hiệu “*Đệ Nhất Tổ sư*”. Đến thời vua Minh Mạng, hai cha con cụ Cao Đình Độ, Cao Đình Hương được sắc phong “*Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò Bốn Xứ - khai hóa kim ngân Thế Tổ Cao Đình Độ tọa thần vị - Cao Đình Hương linh thần vị*”, phong tước hiệu “*Đệ Nhị Tổ sư*” cho ông Cao Đình Hương, được ban đất xây lăng như các quan đại thần. Đời vua Khải Định năm thứ 9 và Bảo Đại năm thứ 13, hai ông được sắc phong “*Dực bảo Trung Hưng Linh Phò chi thần*” cho người có công khai sáng ngành kim hoàn Việt Nam.

Lăng mộ hai vị Tổ sư đều tọa lạc tại phường Trường An về phía Nam thành phố Huế, trong đó lăng mộ Đệ Nhất Tổ sư Cao Đình Độ xây dựng năm 1810, lăng mộ Đệ Nhị Tổ sư Cao Đình Hương xây dựng năm 1821, theo kiến

trúc văn hóa đặc trưng của triều Nguyễn. Đền thờ hai ông được đặt tại phường Phú Cát (Huế). Cả khu mộ và nhà thờ tổ nghề kim hoàn đã được Bộ Văn Hóa Thông tin cấp bằng Di tích Lịch sử Văn hóa. Để tưởng nhớ công lao to lớn của hai vị Tổ nghiệp, hằng năm, các thợ Kim Hoàn miền Trung (Huế) tổ chức lễ giỗ tổ Ông Cao Đình Độ vào ngày 27-2 (âm lịch)¹.

Nghề kim hoàn ở Hội An

Theo những nghiên cứu của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, sự phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống ở Hội An là sự tiếp nối truyền thống ngành nghề từ các vùng châu thổ Bắc bộ, Bắc Trung bộ trong điều kiện cư trú, sinh thái-nhân văn mới có sự tiếp thu, hòa nhập với truyền thống ngành nghề của cư dân bản địa là người Chăm, với cư dân các nước đã đến cư trú, buôn bán ở Hội An, đặc biệt là cư dân Trung Hoa và Nhật Bản².

Ông Mai Văn Đức - người Hội An quen gọi là ông Công, chồng bà Bảy Đạm -sinh năm 1946 ở làng Kế Môn (Huế) vào Hội An năm 1960 khi mới 14 tuổi. Khi mới tới Hội An, ông được phụ việc và học nghề ở tiệm vàng Vĩnh Lợi với ông chủ tiệm Nguyễn Thanh Chức - một người cùng làng, là bà con với gia đình. Ông Công kể, lúc 14 tuổi ông đã thấy tiệm vàng của ông Lê Quang Kiệt (*người Hội An gọi là ông Tư Kiệt*) rất lớn ở gần tiệm vàng Vĩnh Lợi. Hai người em của ông Tư Kiệt là ông Lê Quang Bính (*ông Sáu Bính*), ông Lê Quang Đạt đều

theo nghề kim hoàn nhưng chỉ ông Tư Kiệt gắn bó lâu nhất với nghề. Trước đây, ngày giỗ tổ nghề kim hoàn được nghiệp đoàn kim hoàn Hội An tổ chức rất long trọng tại nhà ông Tư Kiệt vào ngày 27-2âm lịch. Vào ngày này, tất cả các tiệm vàng trong phố đều đóng cửa, cả thợ và chủ đều tề tựu đông đủ ở nhà ông Tư Kiệt để cúng tổ, tham gia trình nghề trong phân hội. Không một văn bản nào quy định về việc bắt buộc phải đóng tiệm vàng để tham gia ngày giỗ tổ nghề nhưng tính cộng đồng và gắn kết của nghiệp đoàn kim hoàn Hội An những năm trước 1975 mạnh đến mức, trong ngày này, nếu tiệm vàng nào không đến giỗ tổ sẽ bị cả nghiệp đoàn tẩy chay bằng cách lạng lẽ không thừa nhận giá trị sản phẩm của tiệm vàng đó trong những lần giao dịch.

Cùng ông Công đến những nơi trước đây là cửa tiệm vàng ở trong phố, thấy mật độ các tiệm kinh doanh và gia công vàng khi xưa khá dày, tập trung ở khu vực mặt tiền những con phố hoặc quanh chợ Hội An chúng tôi mới hiểu tại sao từ xa xưa trong ca dao dân ca Điện Bàn đã có câu *“Cầm cân xuống phố mua vàng/Gặp anh giữa hàng bảy lạng còn ba”*. “*Phố*” ở trong câu ca dao là trung tâm đô thị cổ Hội An, nơi những người thợ gia công lành nghề tập trung mưu sinh và trong quá trình ấy họ đã dần dần hình thành những lớp thợ, lứa thợ kim hoàn nổi nghiệp cho đến ngày nay.

Nghề của sự công phu, tỉ mỉ

Lúc đi trên những ngả phố để chỉ cho chúng tôi vị trí các cửa tiệm vàng xưa, ông Công nói *“Cụm từ “thợ kim*

¹ Nguyễn Hữu Thông (1994), *Huế - Nghề và làng nghề thủ công truyền thống*, NXB Thuận Hóa, tr49

² Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An, *Nghề truyền thống ở Hội An*



đó là cửa tiệm ông Một (*Vàng Hưng*), tiệm ông Sắn quẹo (*ông là thợ gia công giỏi nhưng có một ngón tay bị tật nên người Hội An gọi là ông Sắn quẹo*), tiệm ông Trương Kim Điền, tiệm ông Dương, tiệm Thanh Tri, tiệm Kim Hùng, tiệm ông Nguyễn Xuân Phú. Đối diện nhà ông Tư Kiệt, những năm sau 1975 có cửa hàng

hoàn” được sử dụng trong giấy tờ, văn bản hành chính. Người Hội An không nói “thợ vàng” hay “thợ kim hoàn” mà nói “thợ bạc” cho dù người thợ ấy hàng ngày chế tác vàng”. Ca dao xưa còn ghi “*Thông ngôn, ký lục, bạc chục không màng/Lấy chồng thợ bạc đeo vàng đồ tay*” để tôn vinh giá trị của người thợ kim hoàn. Có lẽ, người ta gọi “thợ bạc” là bởi tất cả những người thợ khi mới bắt đầu học nghề chế tác vàng đều phải thực hành, rèn luyện với bạc. Ngoài ra, do bạc rẻ hơn, phổ biến hơn và gắn với cuộc sống của con người nhiều hơn nên nói “thợ bạc” là cách để người thợ có nhiều khách hàng hơn và dễ dàng sống được với nghề này hơn, cũng có thể đây là cách nói khiêm nhường của những người trong nghề kim hoàn.

Trên trục đường Nguyễn Thái Học, ông Công chỉ cho chúng tôi thấy nhà ông Tư Kiệt ở số 62, cách đó không xa, nhà số 70 là tiệm vàng Vĩnh Lợi, giờ đây con cháu đã trưng tấm biển gỗ: “*Nhà thờ ông bà Nguyễn Thanh Chúc*”, gần đối diện

vàng bạc của Ngân hàng nhà nước Hội An (nay là nhà 51 Nguyễn Thái Học) nơi ông Mai Văn Đức và ông Trần Thứ - hai người đều đã ở tuổi “*xưa nay hiếm*” gần bó nhiều năm làm thợ gia công ở đó.

Gọi là “*tiệm*” nhưng không phải chủ tiệm nào cũng kinh doanh, có người chỉ là thợ gia công, họ gắn cuộc mưu sinh với cái bàn gỗ rộng cỡ chừng 70x90cm được đóng đơn giản, chắc chắn, một bộ đốt bằng xăng (*gồm bộ đập, ống dẫn và vọt*) cùng vô số những dụng cụ đồ nghề bé xiu như thước, cưa, đe, búa, kìm, kéo, nĩa, nui, ve, dũa... nhiều món đồ nhỏ tới mức lọt thỏm trong lòng bàn tay, yêu cầu sự công phu, tỉ mỉ và ý thức đặc biệt tinh tế về mức độ khi người thợ khi sử dụng lực tác động lên chúng trong quá trình tạo kiểu, chế tác. Ngoài ra, mỗi tiệm còn trang bị một cân tiểu ly, một máy cán mỏng quay bằng tay, bàn kéo sợi với nhiều kích cỡ, cỡ nhỏ nhất có thể chỉ lớn hơn sợi tóc.

Ông Hồ Tá Thương (*tên thường gọi là ông Dương*), người làng Kế Môn (*Huế*) sinh năm 1945 hiện đang sinh sống cùng gia đình ở 30 Phan Châu Trinh (*Hội An*). Ông Dương từng là người thợ kim hoàn nổi danh với chữ tín và tài năng gia công ở Hội An từ trước năm 1975. Những năm khó khăn, ban ngày ông thuê một phần mặt tiền của ngôi nhà trong phố làm nghề, ban đêm gia đình ông về ở trong một căn nhà nhỏ tại con hẻm bé xiu, vậy mà người dân phố Hội vẫn rủ nhau tìm đến tận nhà ngay cả khi ông đã đóng cửa để nhờ ông làm các món đồ kiêu mà những người thợ cùng thời không làm được. Ông Dương học nghề từ năm 1957 khi mới 12 tuổi, đến năm 2010 ông mới chính thức nghỉ ngơi sau 53 năm gắn bó với nghề kim hoàn. Năm 1957, ông Dương bắt đầu cuộc đời phiêu lưu khắp nơi cùng nghề kim hoàn: Ban đầu ông học nghề với ông Trần Đình Thứ, ông Lê Tám, là người bà con ở Quy Nhơn, sau đó ông tiếp tục lên Ban Mê Thuột, Đà Lạt. Ở nơi nào ông cũng chọn làm nghề với những người thợ giỏi và có quan hệ bà con cùng làng Kế Môn. Đến năm 1964, ông Dương về Hội An làm thợ với ông Nguyễn Thanh Chức - người anh cùng mẹ khác cha ở tiệm vàng Vĩnh Lợi. Bản tính ưa phiêu lưu, thích khám phá nên làm ở tiệm Vĩnh Lợi được một thời gian, ông Dương lại tiếp tục đi những nơi khác cho đến năm 1973 mới quay về Hội An vừa làm thợ gia công, vừa mở tiệm giao dịch với khách.

Thời ông Công, ông Dương mới vào nghề, tất cả các công đoạn đều làm thủ công, những năm 1970 trở đi, các dụng cụ được cải tiến hơn so với trước

nhưng cơ bản, người thợ vẫn làm bằng tay và trình độ cao hay thấp của mỗi người thợ thể hiện ở sự tinh tế của sản phẩm khi đã hoàn thành. Công việc của người thợ kim hoàn khá nhiều nhưng tựu trung có thể kể đến những khâu quan trọng như: phân kim, đánh giá tuổi vàng, chế tác mẫu và sửa chữa gia công.

Phân kim là công việc giải phóng các tạp chất ra khỏi vàng để lấy vàng nguyên chất. Việc này phải dùng các loại hóa chất chuyên dụng như thiếc clorua (SnCl_2), sắt sunfit (FeSO_3), natri sunfit (Na_2SO_3), nhôm (AL), kẽm (Zn)... Đầu tiên, người thợ đem vàng còn lẫn tạp chất bỏ vào cái mẻ gốm để nấu chảy bằng ngọn lửa của bếp khò đập bằng chân (*dụng cụ này đã được cải tiến so với thời kỳ trước đó bếp khò điều khiển bằng tay giống như dụng cụ của người thợ thiếc*) rồi đưa các hóa chất vào, đợi cho vàng kết tủa, lấy vàng ra rửa lại trong một dung dịch khác sau đó đem nấu lại thành vàng 3 số 9. Việc xác định tuổi vàng thời kỳ đó hoàn toàn dựa vào cảm quan của người thợ như thính giác, thị giác. Vì vậy việc xác định tuổi vàng phụ thuộc rất nhiều vào kinh nghiệm, năng khiếu của người thợ kim hoàn. Để xác định tuổi vàng, người thợ dùng ngọn lửa xì nung chảy tập trung tại một điểm bất kỳ của sản phẩm, khi để nguội, chỗ bị đốt cháy để lại bề mặt cháy bóng là không lẫn đồng, nếu phần bị đốt cháy không nhẵn bóng mà bề mặt gai gọi là vàng sạn, tức lẫn đồng. Trong nghề kim hoàn nói chung, công việc phân kim nói riêng, lửa vô cùng quan trọng và đã để lại dấu ấn trong những câu ca dao dân ca như: "*Lửa thử vàng, gian nan thử sức*" hay "*Vàng mười chẳng phải thau đâu*/"

Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng” hay *“Vàng mười thử lửa thử than/ Người khôn thử tiếng, người ngoan thử lời”*; *“Vàng ròng vào lửa chẳng phai/ Búa rìu sấm sét chẳng sai ân tình”*... Sau khi thử chảy bóng tại một điểm, nhúng nước, để nguội, lau khô, gõ sản phẩm lên mặt đe bằng thép nếu chỉ nghe tiếng *“bịch”* mà không có âm ngân thì được gọi là vàng tốt. Trong giới kim hoàn xưa có câu *“vàng câm, bạc cạch”* ý nói hai thứ kim loại này đạt độ tinh khiết cao, nếu khi gõ phát ra tiếng kêu *“keng”* càng rõ là vàng thấp tuổi.

Việc chế tác mẫu mã có ba dạng: Thông thường, khách hàng đưa mẫu cho chủ tiệm, người chủ yêu cầu thợ làm theo mẫu cho khách; Thứ hai, người chủ nghĩ ra mẫu mới để thợ chế tác; Dạng thứ ba, người thợ chủ động sáng tạo ra những mẫu mã mới. Công việc chế tác mẫu mã trong nghề kim hoàn Hội An thời xưa khi chưa có máy móc, công nghệ hiện đại đòi hỏi con mắt của người thợ như một cái máy photocopy hay máy chụp ảnh 3D để nắm bắt kiểu mẫu khách yêu cầu. Người thợ nhìn mẫu, sao chép kiểu dáng bằng mắt và hình dung ra tất cả quy trình để chế tác theo mẫu. Tuy chế tác thủ công nhưng ngày đó có rất nhiều mẫu mã đa dạng. Đơn giản nhất là cái khâu tròn, dây chuyền, bông tai, cái neo đeo tay... Để làm cái khâu, ban đầu người thợ phải cân vàng rồi nấu cho mềm ra sau đó đập thủ công, cán vàng, khắc dấu tên người thợ, tên chủ tiệm, tuổi vàng rồi uốn cong thành hình tròn và dùng ngọn lửa khò để liền hai mí lại. Tiếp theo, người thợ làm láng khâu bằng cách rửa trong dung dịch và dùng hạt

cườm để đánh bóng. Nếu cái khâu nhỏ quá so với ngón tay của khách thì phải dùng dụng cụ để nong cho rộng ra. Sau khi chế tác, cái khâu to hơn ngón tay của khách thì chỉ có cách đem khâu đó nấu ra và làm lại từ đầu. Điều này hẳn hữu nhưng cũng có lúc xảy ra khi người thợ mới làm nghề. Vào những năm 1965-1970, ngoài việc khảm ngọc, đá lên mặt dây chuyền, khách hàng có trào lưu sử dụng những logo hình tròn với ba đường nhánh bên trong, có xuất xứ từ biểu tượng chống chiến tranh hạt nhân, người Việt Nam gọi là logo phản chiến, gắn với ý nghĩa về khát vọng hòa bình để làm mặt dây chuyền. Một trong những món đồ khó làm nhất ở những năm 1960-1970 là cái neo - một trang sức đeo tay của phụ nữ trung niên. Làm một cái neo tốn ít nhất cũng một lượng vàng và ba ngày công thợ. Để làm cái neo, người thợ cần phải nấu vàng ra cho mềm sau đó đưa vào bàn kéo, dùng kim kéo thành sợi nhỏ như cái chân hương dài chừng 2-3 thước vàng sau đó bện hai sợi vàng vào nhau như đan dây dừa. Khó nhất là phải vặn vẹo sao cho ba đường sống tạo thành hình tam giác và những múi hàn tinh tế để mắt thường không nhìn ra. Ông Công kể, ngày mới vào làm thợ ở tiệm Vĩnh Lợi, có hôm người chủ đi chơi, khách đến yêu cầu làm cái neo, ông phải đi tìm ông Lê Quang Đạt, người từng làm thợ kim hoàn, lúc này đã chuyển sang nghề sửa đèn măng xông ở chợ Hội An chỉ bảo cách làm. Ông Đạt không chỉ là thợ giỏi và nhớ nghề lâu mà còn là con người có tính tình dễ mến nên đã chỉ bảo tận tâm từ chuyện đo thước, tác ra sao cho đúng đến việc hướng dẫn cách vặn, vò

từng mỗi đan, múi hàn để làm ra cái neo cho khéo, cho tinh tế.

Từ giữa tháng 10 âm lịch cho đến cận Tết, hầu như người thợ kim hoàn nào cũng phải làm thêm buổi đêm. Những ngày cao điểm, mỗi người thợ phải làm từ 13-14 tiếng trong một ngày đêm mới đáp ứng được nhu cầu của khách nơi phố Hội: Những người làm nghề biển hoặc nghề buôn yêu cầu đánh những món đồ đơn giản như cái khâu tròn, chủ yếu dùng để dành, tích lũy, những người thuộc giới trung lưu và thượng lưu đặt những bộ đồ trang sức mới để trưng diện với áo quần ngày Tết, cũng có người đem những món đồ cũ ra nhờ thợ gia công làm cho bóng, láng hoặc bịt lại miếng đá bị vỡ, hàn lại mối dây bị đứt...

Bây giờ, kỹ thuật kim hoàn trong nước và quốc tế đã phát triển rất nhiều, rất nhanh. Với sự hỗ trợ của công nghệ hiện đại, những khách hàng giàu có có thể sở hữu nhiều bộ trang sức được thiết kế với mẫu mã riêng, mang đậm dấu ấn cá nhân người sử dụng. La cà một buổi ở những tiệm vàng trên đường Hoàng Diệu sát chợ Hội An, thả sức ngắm nghía những món đồ được chế tác cầu kỳ, tinh xảo với sự hỗ trợ của thiết bị hiện đại, chúng tôi mới bắt đầu tìm chiếc neo theo mô tả của người thợ kim hoàn xưa nhưng khi hỏi đến cái neo, người chủ tiệm đưa ra mặt dây chuyền hình mỏ neo(!). Cái neo - món trang sức đeo tay của phụ nữ trung niên những năm 1960-1970 ở Hội An giờ chỉ còn trong tâm trí những người thợ kim hoàn xưa - dấu họ vẫn còn lưu giữ những món dụng cụ thủ công từ

hơn 50 năm qua cùng ký ức về công đoạn chế tác nhưng chúng tôi không dám chắc họ còn có thể sử dụng vì nay đã tuổi cao, sức yếu.

Rời dãy tiệm kim hoàn trên đường Hoàng Diệu với vô số những món đồ kim hoàn được thiết kế tinh xảo, bắt mắt bởi sự hỗ trợ vượt trội của công nghệ, chúng tôi trở lại những con đường trong phố cổ Hội An, nơi trước đây có những tiệm vàng ông Tư Kiệt, tiệm Vĩnh Lợi của ông bà Nguyễn Thanh Chúc, tiệm Thanh Tri... Tất cả những ngôi nhà từng là tiệm vàng xưa đều đang đóng cửa im ỉm. Vẫn biết họ đóng cửa là do sự thay đổi tình hình cư trú và đặc biệt, do năm nay, ảnh hưởng của dịch COVID - 19, chúng tôi vẫn không sao tránh khỏi nỗi buồn và thậm mơ ước - có lẽ niềm mơ ước này không quá viễn vông và chẳng kém phần thơ mộng: Những người thợ kim hoàn xưa có dịp trình nghề ở ngôi nhà 62 Nguyễn Thái Học-nơi trước đây thường diễn ra lễ giỗ tổ nghề kim hoàn vào ngày 27-2 âm lịch để thế hệ chúng tôi có dịp chiêm ngưỡng công phu cần mẫn, tỉ mỉ của họ với ngành nghề thủ công mỹ nghệ họ đã gắn bó cả đời với những khát khao sáng tạo không ngừng. Và, có thơ mộng, viễn vông quá không khi chúng tôi vẫn mơ về một ngày giỗ tổ nghề kim hoàn như những ngày xưa: Tất cả các tiệm vàng đều đóng cửa, những người chủ, những người thợ tề tựu đông đủ về ngôi nhà chung để lễ tổ, trình nghề và gặp nhau tay bắt mặt mừng ở bữa liên hoan thân mật, cùng kể chuyện nghề trong tiết trời mùa xuân ấm áp♦

HỘI AN - CÙ LAO CHÀM QUA TƯ LIỆU GHI CHÉP NƯỚC NGOÀI

CN. Nguyễn Văn Thịnh

Từ thế kỷ 2 đến thế kỷ 15 sau Công nguyên, Hội An là Chiêm Cảng - có Lâm Ấp phổ đóng vai trò quan trọng bậc nhất của Vương quốc Champa, cùng với cụm đảo Cù Lao Chàm là tiền tiêu, nơi dừng đỗ thương thuyền quốc tế trong những chuyến hải hành Đông - Tây. Dưới thời Đại Việt, Hội An là đô thị thương cảng quốc tế sầm uất của khu vực và thế giới suốt nhiều thế kỷ (16-18, đầu thế kỷ 19). Trong thời kỳ Pháp thuộc Hội An là thị xã tỉnh lỵ của Quảng Nam, nơi đóng Tòa công sứ và nhiều cơ quan quan trọng của thực dân Pháp. Từ những điều kiện tự nhiên, với vị thế địa - kinh tế, địa - chính trị,... Hội An qua các thời kỳ luôn giữ vai trò và vị thế quan trọng. Với tính chất là trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của khu vực, trong các thời kỳ lịch sử Hội An luôn là điểm đến của nhiều thương nhân, nhà truyền giáo, nhà hàng hải,... trên thế giới, chính về thế có rất nhiều nguồn tư liệu nước ngoài ghi chép về vùng đất và con người Hội An qua từng giai đoạn lịch sử. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu một vài thông tin, sự kiện liên quan đến Hội An trong các tư liệu ghi chép của người nước ngoài đã được công bố, ấn hành xuất bản trên các sách, báo, tạp chí,...

Vào cuối thế kỷ thứ 8, trong *Quảng Châu thông hải di đạo* của tác giả Giả

Đam thời Đường Trinh Nguyên (785 - 804) đã nhắc đến địa danh Cù Lao Chàm như sau: “*Từ Quảng Châu theo đường biển (...) theo hướng tây nam đi ba ngày thì đến núi Chiêm Bất Lao, núi này ở giữa biển, cách nước Hoàn vương hai trăm dặm về phía đông. Lại đi một ngày đến nước Môn Độc. Lại đi một ngày đến nước Cổ Đất. Lại đi nửa ngày thì đến châu Bôn Đà Lăng...*”.¹

Đến thế kỷ thứ 10, thư tịch cổ Ả Rập chép rằng: “*Tàu từ Hind (Ấn Độ) đến Sanf (Champa) mất 10 ngày. Ở đây có nước ngọt và trầm hương xuất khẩu... Họ dùng lấy nước ngọt ở Sanf-Fulaw, Cham Pulaw (Cù Lao Chàm) rồi định hướng đi đến Sin (Trung Quốc)*”.²

Năm 1537, Mendez Pinto và người bạn đồng hành của ông là Antonio de Faria đã thực hiện một chuyến thám hiểm đến xứ Nam Hà, trong nhật ký của mình, Faria đã ghi chép rằng: “*Sau khi đi qua đảo Pulo Campello [Cù Lao Chàm], một hòn đảo nằm ở 14°20' họ đã tới đảo Pulo Capas, nơi một đoàn thuyền gồm 40 chiếc thuyền mảnh lớn, mỗi chiếc hai*

¹ Dẫn theo Phạm Phước Tịnh, *Vị thế Cù Lao Chàm trong lịch sử mậu dịch*, bài viết đăng trên baoquangnam.vn ngày 23/7/2017.

² Hoàng Anh Tuấn, *Cù Lao Chàm và hoạt động thương mại ở biển đông thời vương quốc Champa*, Kỷ yếu Hội thảo Cù Lao Chàm - Vị thế, tiềm năng và triển vọng, Trung tâm QLBT Di tích Hội An xuất bản, 2007, Tr.121.

hoặc ba tầng sàn đã được nhìn thấy ở con sông Boralho; Faria đã cử người đi khám phá đảo đó. Và sau đó là một đoàn thuyền khác, hình như có đến 2000 thuyền lớn nhỏ và một thành phố có tường bao với khoảng chục nghìn nóc nhà”.³

Giáo sĩ Dòng Tên người Ý là Cristoforo Borri (1583 - 1632) đến Đàng Trong từ năm 1618 - 1621, trong tập ký sự của mình, ông đã tường thuật khá chi tiết về xứ Đàng Trong, trong đó có Hội An: “Về những hải cảng khác, thật đáng kinh ngạc là dọc một bờ biển chỉ hơn trăm dặm mà người ta đếm được hơn sáu mươi bến đỗ riêng biệt do có nhiều bãi đá, eo biển xen kẽ. Tuy vậy, thương cảng chính nằm ở Quảng Nam. Để vào cảng này có hai cửa ngõ: hoặc từ Pulluciampello, hoặc từ Turon. Hai điểm này chỉ cách nhau chừng ba, bốn dặm, nhưng cảng vào sâu trong đất liền thì hai con sông lại càng cách xa nhau. Sau cùng, chúng hợp lưu thành một và thuyền dù đi bằng ngã nào thì cũng tới được nơi cần tới”.⁴

Alexandre de Rhodes (1593 - 1660), vị giáo sĩ người Pháp đến Đàng Trong từ năm 1625 - 1627 đã miêu tả về hệ thống thương cảng ở Đàng Trong, trong đó có nhắc đến Hội An: “Trong ba bến ở Đàng Trong, có biết phỏng chừng là bao nhiêu. Một bến vào cửa sông lớn, có lần người ta đếm tới sáu mươi tám chiếc. Một bến khác rộng lớn hơn ở vào giữa lãnh thổ gọi là Kê Chàm có rất

nhều dùng để bảo vệ đất nước và buôn bán với người Tàu thường tới bến này...”.⁵

Trung sĩ Nhà Minh là Chu Thuần Thủy (1600 - 1682) từng đến Đàng Trong 5 lần, giai đoạn 1646 - 1658. Tác phẩm An Nam cung dịch ký sự (Ký sự phục dịch ở An Nam) được ông viết vào năm 1657, đã cung cấp những thông tin thú vị về những sự việc xảy ra trong thời gian ông bị quản thúc ở Hội An, bị chuyển ra Dinh Cát của chúa Nguyễn cho đến khi ông được cho về lại Hôi An: “Du (Chu Thuần Thủy) một là người, cất giọng đáp: “Hôm qua khi từ Hội An đến đây, tôi đã chào vĩnh biệt bạn bè thân thiết, không phải đến đây mới chọn cái chết... [Mồng 9 tháng 2] sáng hôm sau Du dậy sớm. Du tự múc nước dưới cửa sổ, tắm gội sạch sẽ, thay y phục, rồi gom núm đất lại, cúi đầu lạy về phương Bắc để chào vĩnh biệt. Khi trời sáng, những người khác cũng đã thức dậy. Du nhờ Rikugo lo giúp việc nhà: “Bán hết đồ trong nhà, hoàn lại cho Yazaemon 40 lượng 8 tiền bạc, chủ nhà Gombê 30 lượng bạc, khoản tiền con dư Rikugo dùng làm lộ phí. Đem hành lý áo quần gửi Sogoro. Trong phòng có để sắc chiếu của hoàng đế, nhớ lạy xin phép, giữ gìn tử tế đừng đem sang Nhật. Nếu có người nhà sang thì nói đã đi rồi”.⁶

Sách Trú Vĩnh Biên của Triều Tiên ghi lại sự việc 24 người dân đảo Tê

³ John Barrow, *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà* (1792 - 1793), Nguyễn Thừa Hỷ dịch, NXB thế giới, 2018, Tr.161 - 162.

⁴ Cristoforo Borri, *Xứ Đàng Trong*, Thanh Thư dịch, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2019, Tr.124.

⁵ Alexandre de Rhodes, *Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài*, Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên dịch, NXB Khoa học Xã hội, 2020, Tr.45. Kê Chàm hay Cacciam ở Quảng Nam, gọi là Đại Chiêm hải khẩu.

⁶ Chu Thuần Thủy, *Ký sự phục dịch ở An Nam (An Nam cung dịch ký lục)*, Vĩnh Sinh dịch, NXB Khoa học Xã hội, 2018, Tr.52 - 53.

Châu, Triều Tiên bị đắm thuyền trôi dạt vào Cù Lao Chàm được người dân cứu giúp và đưa vào trình diện quan sở tại Hội An vào tháng 10 năm Đinh Mão (1687): “... Lúc đó, gió lớn lại nổi lên, phải khó khăn lắm những người dân địa phương mới đưa họ lên được bờ. Tất cả được dẫn vào làng thuộc phủ Minh Đức, quận Hội An, được đưa đến trước viên quan mặc áo đen, đội mũ làm bằng đuôi lông ngựa. Người này ngồi trên ghế và viết hỏi đáp. Viên quan nói, đại ý: “Thái tử nước chúng tôi trước đây bị người Triều Tiên giết nên giờ đây phải giết các người để báo thù”. Những người Tế Châu khi đọc được những dòng chữ đó đều khóc rống lên. Bỗng nhiên một phụ nữ mặc đồ lụa, đeo đầy trang sức xuất hiện. Đó là người đàn bà đài các, từ bà toả ra hương thơm kỳ lạ. Cầm lấy bút bà viết: “Các người đừng khóc, nước ta vốn không sát hại người, các người có thể ở lại, nếu không thì cứ đi”. Sau cuộc tiếp xúc đó những người Tế Châu được đưa trở lại hòn đảo mà họ đã đến lúc đầu là Cù Lao Chàm ngày nay”.⁷

Năm 1695, Thiền sư Trung Hoa Thích Đại Sán (1633 - 1705) đến Đàng Trong truyền bá đạo Phật theo lời mời của chúa Nguyễn Phúc Chu đã ghi lại trong *Hải ngoại ký sự*: “Buông gió một chập vào đến vòng núi, ấy là đảo Tiêm Bích La (Cù Lao Chàm). Dần dần thấy gò cao rừng rậm, dần dần thấy nội phẳng đồng bằng, kia so le mấy nóc nhà

gianh, nọ phơ phát mấy cây cổ thụ; bãi cát trắng xóa, bởi nước biển dội sạch, xa trông một vòng bạc sáng ngời, giống như bờ đê khuyết nước... Vì Hội An là một mã đầu lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước; thẳng bờ sông, một con đường dài ba bốn dặm, gọi là Đại Đường Cái, hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thấy đều người Phước Kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiền triều (nhà Minh). Phần đông phụ nữ coi việc mua bán. Những khách trú ở đây hay cưới vợ bản xứ cho tiện việc thương mại. Cuối đường là cầu Nhật Bản, tức Cẩm Phô; cách bờ bên kia, tức Trà Nhiêu, nơi đình bạc của các tàu ngoại quốc. Nhân dân đông đúc, cá tôm rau quả tập hợp buôn bán suốt ngày”.⁸

Năm 1749, Pierre Poivre (1719 - 1786), một viên chức của công ty Ấn Độ thuộc Pháp được giao nhiệm vụ liên hệ với chính quyền Đàng Trong để xin giành cho công ty Ấn Độ một số đặc quyền kinh tế. Ông lưu lại Đàng Trong trong những năm 1749 - 1750, trong khoảng thời gian ngắn ấy ông đã ghi chép lại nhiều vấn đề về vùng đất Đàng Trong, trong đó ông có nhắc đến Hội An: “... Thương cảng này sâu, nên tàu thuyền cập bến dễ dàng, an toàn - Faifo là địa điểm thương mại quan trọng nhất Đàng Trong, có gần 6.000 người Trung Hoa là những nhà buôn bán lớn nhất”.⁹

⁷ Bản sao sách *Trú Vĩnh Biên* lưu tại Trung tâm QLBT DSVH Hội An. Phần dịch nghĩa, chúng tôi trích dẫn lại Trần Văn An, *Trú Vĩnh Biên và quan hệ giao lưu văn hóa giữa Triều Tiên - Việt Nam ở Hội An vào thế kỷ XVII*, bài viết đăng trên website hoianheritage.net ngày 08/7/2013.

⁸ Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Hải Tiên Nguyễn Duy Bột và Nguyễn Phương dịch, NXB Đại học Sư Phạm, 2016, Tr.59 - 219.

⁹ Kondo Morishiga (1993), *Naufrage dans le Sud* (1794), BEFEO. Dẫn lại Nguyễn Chí Trung, *Cư dân Faifo - Hội An trong lịch sử*, NXB Đà Nẵng, 2019, Tr.29. Tham khảo thêm *Việt Nam qua ghi chép của người phương Tây: Thương nhân Pierre Poivre yết*

Nhà hàng hải Alexis Marie de Rochon (1741 - 1817), đồng thời là hội viên Hàn Lâm viện Khoa học Pháp, bằng sự quan sát, trải nghiệm thực tế trong các chuyến hải hành, ông đã miêu tả chân thực, xác đáng về con người, cảnh vật xứ Đàng Trong, trong đó có nhắc đến Hội An như sau: *“Có vài hải cảng ở Đàng Trong, cửa biển đáng kể nhất là nơi mà dân ở đó gọi là Hội An (Hoyan), còn người Bồ Đào Nha thì gọi là Faifo. Cửa biển đó ở tỉnh Chàm, vĩ tuyến 16, cách cung vua vài ngày đường. Cửa biển này có nước khá sâu, tàu bè có thể bỏ neo rất an toàn. Nơi đây rất thuận tiện cho khách thương vì thuyền có thể đậu gần các nhà kho. Lối vào là một cửa sông rộng chảy từ hướng Lào xuống, chảy ngang tỉnh Chàm rất thuận tiện. Faifo là nơi buôn bán thịnh vượng nhất Đàng Trong, nơi đây có chừng 6.000 người Trung Hoa, là những con buôn giàu có nhất, cũng lập gia đình tại đây và quy thuận nhà Chúa. Ở đây có hai giáo đường, một nhà thờ của người Jesuits Bồ Đào Nha, một của người Franciscans Tây Ban Nha”*.¹⁰

John Barrow (1764 - 1848), trong một chuyến công tác cùng phái bộ Macartney sang Trung Hoa năm 1792 đã ghé lại Đà Nẵng, và ghi lại một số hình ảnh về xứ Đàng Trong, trong đó có ghi chép về Hội An - Cù Lao Chàm: *“Một hòn đảo nhỏ có tên là Callao (Cù Lao Chàm) nằm cách vịnh Đà Nẵng chừng 30 dặm về phía Nam cũng được liệt vào*

*các phần nhượng địa. Hòn đảo này hoàn toàn kiểm soát lối ra vào của nhánh chính con sông mà Hội An - trước đây là nơi buôn bán chính của các hoạt động ngoại thương - nằm trên đó, hai bên sườn đảo hầu như không thể tiếp cận được nhưng nó lại nằm đối diện với cửa sông này”*¹¹. Cũng trong chuyến đi ấy Phó trưởng phái đoàn là G.Staunton đã miêu tả vị thế chiến lược của Cù Lao Chàm như sau: *“...vì cần có nơi neo tàu khi mùa gió Tây Nam nên người Pháp càng thêm tha thiết, một khi chiếm được đảo Callao (Cù Lao Chàm) thế nào cũng tìm cách chiếm một địa điểm gần đó trên đất liền ở Đàng Trong. Bờ biển nơi đây có rất nhiều sông ngòi có thể đi lại được. Vào mùa bến đỗ phải đến vài trăm thuyền buôn, trọng tải từ bốn mươi đến một trăm năm mươi tấn từ khắp các hải cảng ở Trung Hoa thường ghé đến Đàng Trong mua hàng, chủ yếu là cau và đường, riêng đường cũng đã đến 40,000 tấn mỗi năm. Họ trả cho hàng này một số ít là sản phẩm của Tàu nhưng chính yếu là bằng bạc”*.¹²

Thái Đình Lan (1801 - 1859) trong tác phẩm *Hải Nam tạp trí* đã ghi lại sự việc năm 1835 ông cùng đoàn thủy thủ gặp nạn thuyền bị trôi dạt vào Cù Lao Chàm, cũng như mô tả lại khung cảnh và con người nơi đây trong thời gian ông lưu trú tại Quảng Nam: *“...Một lát sau lại có một thuyền nhỏ chèo đến, trên thuyền có một người biết nói tiếng Hoa, tự xưng là Đường nhân, người A Nam*

kiến Võ Vương, bài viết đăng trên Báo thanh niên.vn ngày 29/3/2017.

¹⁰ Nhiều tác giả, *Đàng Trong thời chúa Nguyễn*, Nguyễn Duy Chính tuyển dịch, NXB Hội Nhà văn, 2017, Tr.48.

¹¹ John Barrow, *Sđd*, Tr.143.

¹² Nguyễn Duy Chính, *William Alexander và họa phẩm về Đàng Trong*, Bài viết đăng trên website Hội Khoa học Lịch sử Bình Dương (sugia.vn) ngày 14/7/2012, Tr.30 - 31.



Một góc Cù Lao Chàm nhìn từ Hòn Dài. Ảnh: Hồng Việt, 2018

gọi người Trung Quốc là Đường nhân. Họ lên thuyền nghiêm giọng hỏi:

- Các ông từ Trung Quốc đến phải không? Không biết luồng cảng sao đến được đây?

- Chúng tôi trình bày thực tình bị nạn. Các ông quan nghe xong đều lắc đầu thề lưỡi nói: không có thần linh phù hộ làm sao được thế? Hòn đảo nhỏ nơi các ông dạt vào là đảo Chiêm Tát La tức là Cù Lao Chàm ở Quảng Nam. Hai phía đông tây đảo dòng chảy rất xiết, giữa có một luồng vào cảng rất hẹp, nhưng nếu thuyền không nhân theo hải triều thì không vào được, húc đá là chìm ngay! Theo hướng tây rồi chuyển về hướng nam thì vào được trong cảng. Cột buồm bị gãy mà chèo ngược dòng thì không tới được. Suốt một dải từ đông sang tây, đến chỗ này là nguy hiểm nhất, đáy biển đều là đá và đụn cát ngầm. Đụn cát ngầm dài mấy chục dặm, đường luồng vào cảng thì quanh co, ngay cả những dân chài nhiều tuổi cũng không biết chắc,

thuyền húc vào là lập tức tan tành!... Qua sông đi 20 dặm nữa đến chợ Ván. Lại đi 160 dặm nữa đến tỉnh thành Quảng Nam (tục gọi là Huệ An; thành tỉnh ấy tục gọi là Thành Qùy), dừng nghỉ ở nhà người trưởng phố là Hồng Định (quê ở huyện Đồng An tỉnh Phúc Kiến). Cách thành tỉnh 20 dặm là phố Huệ An (người Trung Quốc ở đây rất đông). Ở đây có dinh thự cũ của quan Vận chuyển sứ, rất rộng lớn (trong dinh thờ quan Chuyển vận sứ của triều trước, người Trung Quốc dâng cúng đèn hương phần nhiều đều bắt lợi, nay trả về cho người bản địa trông giữ, nhưng thường khóa cửa không cho ai vào) ”.¹³

Tác phẩm Đế quốc An Nam và người dân An Nam được đăng lần đầu trên tờ Công báo Courrier de Saigon (Sài Gòn thư tín) vào năm 1875 - 1876, xuất bản dưới sự bảo trợ của chính quyền thuộc địa. Năm 1889, Jules Silvestre,

¹³ Thái Đình Lan, *Hải Nam tạp trí*, Trần Ích Nguyên giới thiệu, NXB Lao động, Tr.168-186.

Giáo sư Trường Khoa học Chính trị Paris, tiến hành định bản phần nội dung công bố trên báo để in thành sách. Trong phần Tổng quan về địa lý, sản vật, kỹ nghệ, phong tục và tập quán Vương quốc An Nam, có nhắc đến Hội An như sau: “Ở Đà Nẵng, ta thấy có Hon-hanh với chiều dài ước tính lên đến tám dặm, chiều rộng lớn nhất khoảng ba dặm; rồi đến Hòn Sơn Chà và Hải wen [Hải Yến] tạo thành nơi gọi là vũng Tourane, mà các tàu chiến của chúng ta biết, và Cook rất ca ngợi nơi này. Ở phía Nam của vũng thuyền này là cửa Hoi-han và đô thị cổ Fai-fo, mà người Nhật trước đây chọn là trung tâm thương mại và họ từng là chủ nhân...”.¹⁴

Joseph Athanase Paul Doumer (1857 - 1932) từng là Toàn quyền Đông Dương (1897 - 1902) và là Tổng thống Cộng hòa Pháp (1931 - 1932), trong cuốn hồi ký xứ Đông Dương được ông viết vào năm 1903 đã miêu tả về Hội An - Cù Lao Chàm như sau: “Ngay khi vượt qua vùng biển Đà Nẵng, người ta sẽ thấy một loạt những hòn đảo có nền cao, trơ trọi và dốc. Ở miền Nam Trung Hoa người ta biết đến Cù Lao Chàm chủ yếu là vì các tổ yến. Người Trung Hoa rất chuộng yến sào. Cần hiểu được sở thích cũng như tập quán sử dụng thực phẩm của người dân của các dân tộc, các vùng miền để lý giải vì sao yến sào thực sự là thực phẩm đắt giá. Đối với tôi hay đối với đa số người Pháp, thì chỉ có thể dùng được món yến sào nếu chế biến đặc biệt kỹ thành món súp hay cho vào nước dùng. Một số món dùng yến sào mà cho đường vào thì đúng là có vị kinh khủng.

Yến sào được bán ở Trung Hoa nói chung và yến sào ở Cù Lao Chàm nói riêng là những loại thực vật biển mà chim yến thu gom và dẹt thành tổ khéo léo trên vách đá để ấp trứng. Có thể tìm thấy những tổ yến trên vách đá các hang động nơi chim yến sống. Khi trong tổ có trứng chim thì không nên cứ vào và gõ tổ đi, vì như thế có thể làm vỡ trứng. Những con chim yến bị mất tổ sẽ tìm đến một nơi khác an toàn hơn và thật xa con người. Ban ngày tàu bè thường đi giữa Cù Lao Chàm và đất liền. Đêm đến, tàu bè đi ngoài khơi... Chúng ta đang ở trên vùng đất Quảng Nam giàu có. Dân số ở đây khoảng 500.000 người, tỉnh lỵ của nó là Hội An (Faifoo). Đây là một thành phố thương mại với nhiều ngôi nhà kiểu Trung Hoa, và là một trung tâm xuất khẩu quế, do người Mọi [Thượng] bóc được trên các vùng núi cao của Lào và Trung Kỳ. Quế được vận chuyển trực tiếp từ Hội An sang Quảng Châu bằng những thuyền mảnh lớn hoặc trên những chiếc thuyền tam bản được phái đến Đà Nẵng”.¹⁵

Có thể thấy các nguồn tư liệu nước ngoài ghi chép về Hội An rất phong phú và đa dạng. Dưới những góc độ nhìn nhận, cách tiếp cận khác nhau, những nguồn sử liệu này đã phản ánh khách quan về vùng đất và con người Hội An trong từng giai đoạn lịch sử. Những thông tin ghi chép trong các tư liệu nước ngoài là những dữ liệu quan trọng góp phần nhận diện, làm sáng tỏ thêm những giá trị văn hóa, lịch sử của Hội An nói riêng, tỉnh Quảng Nam nói chung ♦

¹⁴ Jules Silvestre, *Đế quốc An Nam và Người dân An Nam, Tổng quan về địa lý, sản vật, kỹ nghệ, phong tục và tập quán An Nam*, Phan Tín Dụng dịch, NXB Đà Nẵng, 2020, Tr.31.

¹⁵ Paul Doumer, *Xứ Đông Dương (hồi ký)*, Lê Đình Tuấn, Hiệu Constant, Lê Đình Chi, Hoàng Long, Vũ Thủy dịch, NXB Thế giới, 2020, Tr.347.

HUYỀN TÍCH “TAM VỊ THỦY TƯỚNG” GIAO THOA VĂN HÓA TÂM LINH “TRÊN NGUỒN - DƯỚI BIỂN”

Phan Văn Trình

Có những vị thần linh không chỉ được cả hai địa phương “trên nguồn - dưới biển” của đất Quảng tôn kính từ đời này sang đời khác mà còn được triều đình nhà Nguyễn vinh danh. Đó là Tam vị thủy tướng.

Theo lời kể của ông Trương Ngoạt (làng Phiếm Ái, xã Đại Nghĩa, huyện Đại Lộc), thuở nọ, có vợ chồng ở Bàu Mặn (nay thuộc thị trấn Ái Nghĩa) đã lớn tuổi mà không có con. Đến năm 70 tuổi, bà lão có thai, sinh được ba quả trứng. Ông lão cho là điềm quái nên đem bỏ ba quả trứng vào hòn Mu Rùa (Vũng Thùng - thôn Nghĩa Tây, xã Đại Nghĩa, Đại Lộc). Trứng nở ra ba con rắn. Chúng theo dấu tìm về nhà ông bà lão nọ. Thấy vậy, ông bà lão nuôi chúng và thương như con. Chúng cũng quán quýt không rời. Một hôm, ông lão xót cỏ, vô ý làm đứt đuôi một con rắn và do vậy con rắn này gọi là Ông Cụt. Hai con rắn kia: một con gọi là Ông Dài, một con gọi là Ông Bơ. Ba con rắn nuôi ngày một lớn khiến cả làng lo sợ. Do đó, ông bà lão bèn làm bè tre thả rắn ra sông. Cả ba trôi dạt về bàu nước ở thôn Nghĩa Tây, lấy đó làm nơi cư trú nên nơi đây có tên là Bàu Ông. Trên một doi đất nhỏ tại Bàu Ông, người dân lập Dinh thờ Tam vị thủy tướng, gọi là Dinh Ông. Bài vị trong Dinh đề “Thủy

tướng tôn thần”, hai bên đề “Long cung” và “Thủy phủ”. Dinh được nhân dân làng Ái Nghĩa cũ lập cách đây khoảng hơn 300 năm. Năm 2005, Dinh Ông được xã Đại Nghĩa trùng tu. Tại đây, lễ cúng Tam vị Thủy tướng và lễ đua thuyền hằng năm vào mùng 8 tháng Giêng. Các thuyền đến Bàu Ông bơi dạo vài vòng, cất tiếng “Hò khoan” để cảm nhịp rồi tụ lại thành hàng trước Dinh Ông. Khi lễ cúng diễn ra, từng đội bơi đều mang lễ vật vào Dinh cúng lạy Tam vị. Thuyền nào thắng thì cắm cờ, bơi điệu trước Dinh ba vòng để cáo với thần.

Ở khu Nghĩa Trung, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc ngày nay có miếu thờ Tam vị thủy tướng, được xây dựng vào năm 1868 trên bờ sông đào Ái Nghĩa do dân làng Ái Nghĩa đồng phụng lập. Làng có đất trí tự để phụng thờ khói hương, tổ chức các ngày tế lễ, xuân kỳ, thu tế... Miếu được trùng tu 3 lần: lần thứ nhất vào năm 1936, lần thứ hai vào năm 1974 và lần thứ 3 vào năm 2004. Năm 1924, miếu được vua Khải Định cấp sắc phong thần và ân tặng danh hiệu: *Dực Bảo Trung hưng Linh phù Trừng trạm Tam vị thủy tướng tôn thần*. Thần tích Tam vị thủy tướng quân còn được Quốc sử quán triều Nguyễn ghi lại trong sách *Đại Nam nhất thống chí*, phần tỉnh



Bầu Ông - Dinh Ông (thôn Nghĩa Tây, xã Đại Nghĩa, Đại Lộc)

Quảng Nam (Tu Trai Nguyễn Tạo dịch):
“Trương truyền, ông Huỳnh Lân có vợ là bà Nguyễn Thị Đạo hơn năm mươi tuổi mà chưa chữa đẻ lần nào. Một hôm, bà xuống tắm ở hồ, rồi đêm nằm mơ, thấy trong hồ sóng dậy, như có con rồng quấn quýt lấy mình, bà thất kinh tỉnh dậy, trong người cảm thấy có thai. Đúng mười tháng, sinh ra 3 cái trứng lớn. Huỳnh Lân cho là quái thai, làm bè tre thả trôi ra giữa sông. Khi trôi đến xã Thanh Hà, thốt nhiên trời nổi gió mưa, ba cái trứng ấy hóa thành ba con rắn bơi lên bờ. Người trong xã làm lễ đưa đi. Ba con rắn khi ở xã Thanh Hà, khi về ở trong hồ, sau càng dài lớn, một con khi ra khỏi hồ thì nổi gió mưa, và nhập vào một đồng tử, ứng khẩu xưng là “Tam vị thủy tướng”: Đệ nhất là Huỳnh Trạng, Đệ nhị là Huỳnh Ba, Đệ tam là Huỳnh Hoạt. Người làng lập miếu thờ, rất linh ứng”.

Những tường huyên tích về Tam vị Thủy tướng chỉ dừng lại ở phạm vi huyện Đại Lộc. Thế nhưng, điều khá thú vị là cuối năm 2019 trong chuyến thăm và làm việc tại Đại Lộc, các đồng nghiệp ở Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tặng chúng tôi một tư liệu quý về Thần tích - thần sắc làng Thanh

Hà - Hội An của Viện Viễn Đông Bác cổ điều tra năm 1939. Tư liệu này nêu khá cụ thể về sự tích của ba vị nhân thần (tên thường gọi là Ông Tú, Ông Bích và Ông Cụt) như sau: Tục truyền ngày xưa làng Thanh Hà có một người con gái nhà họ Nguyễn được gả cho ông Thiệp, người làng Đại Lợi (nay thuộc thôn An Lợi Tây, xã Đại Nghĩa, huyện Đại Lộc- NV). Sau khi cưới, ông ở thê quán (quê vợ- làng Thanh Hà). Hai vợ chồng ăn ở cùng nhau, bà thụ thai đến ba năm mới sinh đẻ, khi lâm bồn sinh được ba cái trứng. Hai vợ chồng ông Thiệp cho là điều quái dị, bèn bỏ ba cái trứng ấy trong một cái om thả xuống sông. Om trứng ấy trôi ra đến làng Tân Hiệp (Cù Lao Chàm), thuộc tổng Thanh Châu, phủ Điện Bàn. Ba cái trứng nở ra ba ông rắn, nương dựa nơi làng Tân Hiệp. Khi trưởng thành, ba ông về quê quán thăm cha mẹ, gặp ông Thiệp đang dọn ruộng, ba ông bò lần quần bên chân nơi bờ cỏ. Không may, ông Thiệp xót cỏ vô ý làm đứt cái đuôi một ông rắn nhỏ, ông này ứng đồng lên kể lẽ sự tích như trên cho cha mẹ và người làng biết và bảo phải làm miếu thờ ba ngài. Ba ông bấy giờ khi thì ở làng Tân Hiệp (nơi sinh trưởng), làng Thanh Hà (làng ngoại), lúc ở làng Đại Lợi

(làng nội). Sau khi cha mẹ ba ông từ trần (mộ bà Thiệp táng ở xứ Bàu Ốc, làng Thanh Hà), cứ đến ngày tảo mộ cùng kỵ nhật hoặc ngày sóc, ngày vọng, ba ông về nằm nơi mộ. Năm nào có dịch bệnh hay hạn hán, làng Thanh Hà sắm lễ khấn vái, cầu xin ở miếu Tam vị thì rất hiệu nghiệm. Hằng năm, vào rằm tháng ba và rằm tháng tám, dân làng tổ chức lễ tế tam vị. Những người dự tế trước khi cúng phải trai giới (ăn chay, tắm gội sạch sẽ, không uống rượu, ... để giữ mình cho trong sạch). Khi cúng tế không được la to. Người nào vi phạm sẽ bị làng phạt vạ hoặc bị lý trưởng trình quan nghị tội. Rất tiếc là miếu Tam vị ở làng Thanh Hà nay không còn nữa nhưng hiện bài vị của Ông Tứ, Ông Bích vẫn được thờ tại Đình (Lăng) Tiên hiền (xã Tân Hiệp, thành phố Hội An): Phục ba đại tướng quân Tứ dương hầu quốc công, Phục ba đại tướng quân Bích sơn hầu quận công. Theo nhà nghiên cứu Trần Văn An, đây là các vị nhiên thần được sắc phong và được xem

là những vị thần chế ngự sóng gió với danh hiệu là Phục ba tướng quân. Còn ông Cụt chưa thấy sắc phong và trong dân gian rất kiêng sợ vì ông thường gây lốc tố trong những lần từ Cù Lao Chàm về thăm mẹ ở Thanh Hà gây gãy đổ cây cối, sụp nhà cửa và đắm tàu thuyền. Tương truyền, dân làng Thanh Hà kiêng kỵ tên Ông Cụt, không được nói tiếng “cụt”, áo cụt phải nói tránh đi là áo quạ.

Dầu huyền tích về Tam vị thủy tướng ở mỗi nơi có khác chút ít về tiểu tiết nhưng điểm chung dễ nhận thấy là đã có sự giao thoa độc đáo về văn hóa tâm linh giữa hai địa phương (Đại Lộc- vùng trung du và Hội An - miền biển): cùng chung tín ngưỡng thờ các vị thần cai quản sông nước. Hơn thế nữa, huyền tích ấy còn mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc về đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”: Ba vị thần rắn dù ở đâu cũng không bao giờ phụ nghĩa sinh thành, không bao giờ quên quê cha đất tổ hoặc nơi đã từng cưu mang mình ♦



Đình Tiên Hiền Tân Hiệp - Nơi thờ Ông Tứ, Ông Bích.

VÙNG ĐẤT QUẢNG NAM QUA MỘT SỐ ẢN TRIỆN

CN. Trần Văn An

Một dấu ấn lịch sử quan trọng trong hành trình mở cõi về phương Nam của nhà nước Đại Việt là sự kiện vua Lê Thánh Tông thành lập đạo thừa tuyên Quảng Nam vào năm 1471, đạo thừa tuyên thứ 13 của nước ta. Từ đó đến nay đã trải qua chặng đường đúng 550 năm (1471 - 2021). Năm trăm năm mươi năm với biết bao biến cố, đổi thay diễn ra trên mảnh đất Quảng Nam. Đạo thừa tuyên Quảng Nam ban đầu vào đến Phú Yên và về sau có nhiều thay đổi về địa giới và tên gọi đơn vị hành chính. Sự thay đổi này được Quốc sử quán triều Nguyễn khái quát khá kỹ trong *Đại Nam nhất thống chí*, bản Tự Đức: “Năm Hồng Đức thứ 1 (1471) Lê Thánh Tông thân đi đánh thắng Chiêm Thành, mở rộng đất đai đến núi Đá Bia, đặt thừa tuyên Quảng Nam, đặt 3 ty để cai trị, lãnh 3 phủ, 9 huyện (phủ Thăng Hoa lãnh 3 huyện Lê Giang, Hy Giang, Hà Đông; phủ Tư Nghĩa lãnh 3 huyện là Nghĩa Giang, Bình Sơn, Mộ Hoa; phủ Hoài Nhân lãnh 3 huyện là Bồng Sơn, Phù Ly, Tuy Viễn). Bản triều Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế năm Nhâm Dần thứ 45 Lê Hoàng Định năm thứ 3 (1602) đặt dinh Quảng Nam, đặt trấn thủ, cai bạ và ký lục, ba phủ Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhân vẫn lệ thuộc vào dinh này; 3 năm sau lại đem huyện Điện Bàn, phủ Triệu Phong thuộc Thuận Hóa thăng làm phủ lãnh 5

huyện (Tân Phúc, An Nông, Hòa Vang, Diên Khánh, Phú Châu) đổi lệ vào dinh Quảng Nam. Cuộc binh biến năm Giáp Ngọ nguy Tây trộm chiếm đất này gần 30 năm. Thế tổ Cao hoàng đế ta năm Tân Dậu thứ 22 (1801) đánh lấy lại đất cũ, mới lấy đất 2 phủ Thăng Hoa và Điện Bàn đặt làm dinh Quảng Nam, đặt lưu thủ, cai bạ và ký lục để cai trị, năm Gia Long thứ 5 định làm trực lệ Quảng Nam định lệ vào kinh sư, năm Minh Mạng thứ 8 (1827) đổi làm trấn bỏ 2 chữ “trực lệ”, đặt các chức trấn thủ, hiệp trấn, tham hiệp; năm thứ 13 (1832) chia đặt địa hạt các tỉnh, gọi là tỉnh Quảng Nam, thống hạt tỉnh Quảng Ngãi, đặt chức Nam Ngãi tuần phủ, lại đặt 2 ti Bố chánh sứ và Án sát sứ tỉnh Quảng Nam, năm thứ 15 (1834) gọi là tỉnh Nam Trực, năm thứ 17 đặt thêm huyện Quế Sơn cho lệ vào phủ Thăng Bình, năm Thiệu Trị thứ 7 (1847) bỏ chức Nam Ngãi tuần phủ đặt chức Nam Ngãi tổng đốc, năm Tự Đức thứ 5 (1852) bỏ tri huyện Quế Sơn do phủ Thăng Bình kiêm nhiếp. Tỉnh vẫn lãnh 2 phủ, 6 huyện (phủ Điện Bàn gồm 3 huyện Diên Phước, Hòa Vang, Duy Xuyên; phủ Thăng Bình gồm 3 huyện Lễ Dương, Hà Đông, Quế Sơn)”¹. Như vậy, vào thời Tự Đức địa giới tỉnh

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa, 1997, tập 2, tr.332 – 333.

Quảng Nam có phạm vi tương tự hiện nay, trong đó Cửa Hàn, Đà Nẵng thuộc huyện Hòa Vang. Năm 1962 chính quyền Sài Gòn cắt đất từ phía Nam sông Rù Rì trở vào đặt thêm tỉnh Quảng Tín. Sau năm 1975, chính quyền Cách mạng lập tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng bao gồm Quảng Nam, Quảng Tín, Đà Nẵng. Đến năm 1997 tách Quảng Nam ra khỏi Đà Nẵng lập thành một tỉnh riêng cho đến nay.

Về địa thế, Quảng Nam là vùng đất yết hầu của Thuận Quảng, là địa bàn chiến lược về địa - chính trị - quân sự ở miền Trung và Đàng Trong. Trong các cuộc chiến tranh nội bộ thời phong kiến, lực lượng nào lấy được Quảng Nam sẽ làm chủ tình thế ở Đàng Trong, Nam Hà. Vị trí chiến lược này được Quốc sử quán triều Nguyễn mô tả: *“Địa hạt tỉnh, phía Đông có biển bao vòng, phía Tây có núi che chở, phía Nam liền tỉnh Quảng Ngãi, rừng Trì Bình giới hạn cõi bờ, phía Bắc hướng về kinh đô, cửa Hải Vân chẹn chỗ xung yếu; núi cao có núi Tào (hòn Tàu), núi Ấn, núi Chủ (núi Chúa), núi Ngũ Hành, sông lớn thì có sông Chợ Cui (Sài Thị), sông Cẩm Lệ và sông Bến Ván (Bản Tân); ải sông hiểm trở, lao đảo xây quanh, đồng nội rộng bằng, dân cư đông đúc. Đặt hiểm thì phía Tây Nam có các bảo Bảo Định và An Sơn không chế giặc Man mà dẹp yên biên cảnh; phía Đông Bắc có các thành An Hải và Điện Hải ngăn cản giặc Tây mà giữ vững mặt biển. Cửa biển Đại Chiêm thuyền bè sum họp, chợ phố Hội An hàng hóa nhóm đầy thực là nơi đô hội*

*mà là một tỉnh lớn trong khu Nam Trục vậy”*².

Về sự giàu có của Quảng Nam, trước đó vào thế kỷ 18, học giả Lê Quý Đôn đã viết một câu rất ấn tượng trong Phủ biên tạp lục: *“Thuận Hóa không có nhiều của cải, điều lấy ở Quảng Nam vì xứ Quảng Nam là đất phì nhiêu nhất thiên hạ...”*³. Và như chúng ta đã biết, vào thời hoàng kim khi Quảng Nam mở cửa tích cực giao lưu, hội nhập với bên ngoài vào các thế kỷ 17 - 18 nơi đây còn được gọi với tên là Quảng Nam quốc, nước Quảng Nam.

Vùng đất Quảng Nam có bề dày lịch sử - văn hoá như vậy nhưng đến nay chưa có phát hiện, công bố nào về dấu ấn triện của các đời trấn thủ Quảng Nam qua các triều đại phong kiến từ thế kỷ 17 trở về trước. Do đó chúng ta không thể biết được hình dáng, nội dung của dấu ấn triện Quảng Nam thời bấy giờ như thế nào.

Quá trình sưu tầm tư liệu Hán Nôm đặc biệt là qua các giấy tờ của xã Minh Hương chúng tôi đã tìm thấy một số dấu ấn triện về Quảng Nam có niên đại từ thế kỷ 18 trở về sau:

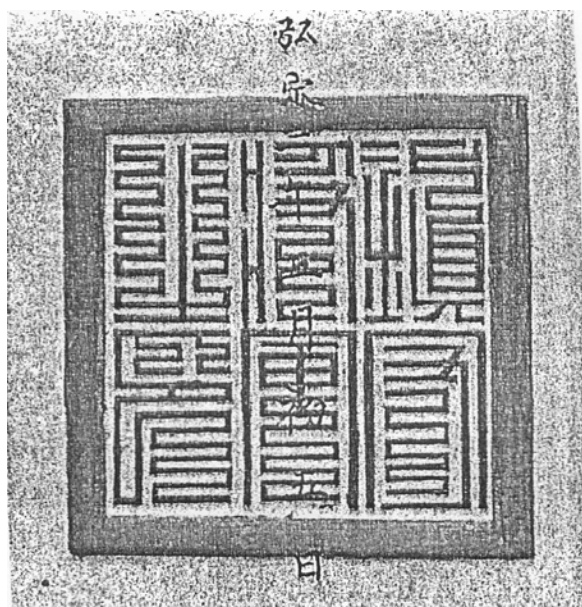
1. Thời các chúa Nguyễn

1.1. Dấu ấn triện của trấn thủ Quảng Nam được biết sớm nhất cho đến nay là của Nguyễn Phúc Nguyên, trấn thủ Quảng Nam từ năm 1601 đến năm 1613, dấu ấn này được đóng trên các bức thư ngoại giao gửi chính quyền, nhà buôn Nhật Bản trong các

² Đại Nam nhất thống chí, Sdd, tr.337.

³ Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, Nxb Khoa học Xã hội, 1977, tr.337.

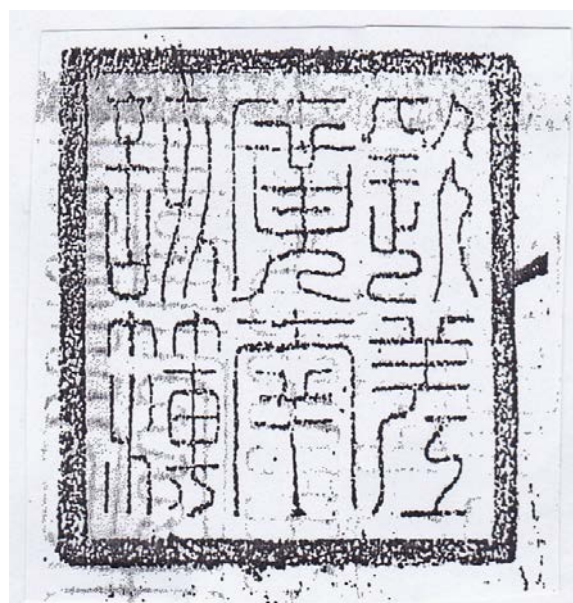
năm 1601, 1603, 1605, 1610, 1611... hiện được lưu giữ ở một số bảo tàng Nhật Bản⁴. Trong các bức thư này, Nguyễn Phúc Nguyên xưng là Đại đô thống Thủy quốc công hoặc Thủy công và đóng dấu đỏ. Dấu ấn này hình vuông, lòng khắc 6 chữ triện xếp thành 3 hàng từ phải sang trái: Trấn thủ Tướng quân chi ấn. Ở con dấu này không có 2 chữ Quảng Nam như các con dấu cùng loại sau này. Cũng cần nói thêm là cho đến nay vẫn chưa phát hiện văn bản nào có đóng dấu Trấn thủ này ở trong nước.



Ấn Trấn thủ Tướng quân chi ấn
của Nguyễn Phúc Nguyên

1.2. Trong một văn bản của xã Minh Hương năm Cảnh Hưng 22 (1761) có đóng 1 dấu vuông lòng khắc 6 chữ triện, xếp thành 3 hàng từ phải sang trái: Khâm sai Quảng Nam cai bộ. Theo hệ thống quan chức đầu đời các chúa Nguyễn, Cai bộ/Cai bạ là 1 trong 3 chức đứng đầu các

đinh trấn gồm Trấn thủ, Cai bộ, Ký lục. Cơ cấu, phiên chế, chức trách liên quan đến 3 chức quan này được Lê Quý Đôn ghi trong Phủ biên tạp lục như sau: “... Đến như dinh Chiêm ở Quảng Nam thì có quan đóng giữ gọi là dinh Quảng Nam, ở xã Cầm Hào, huyện Duy Xuyên, sở thuộc có ty xá sai, câu kê 3 người, cai hợp 7 người, thủ hợp 10 người, lại viên 40 người, giữ việc từ tụng văn án, do 1 viên ký lục đứng đầu, lại có ty Tướng Thần lại, số người cũng thế, giữ việc cấp lính các xã, cấp các vi tử làm ngụ lộc thu phát tiền sai dư và thóc tô ruộng, do một viên cai bạ đứng đầu”⁵. Đây là con dấu của quan Khâm sai Cai bộ Quảng Nam. Nội dung dấu ấn này còn cho biết đây là quan Cai bộ nhưng là Khâm sai thay mặt chúa Nguyễn để xử lý công việc ở Quảng Nam.



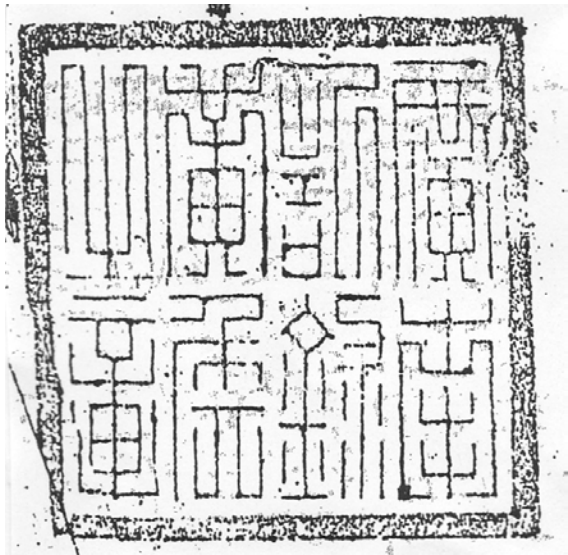
Ấn Khâm sai Quảng Nam cai bộ

1.3. Cũng năm Cảnh Hưng 22 (1761) trong một văn bản khác của xã Minh Hương, cuối dòng phê của quan sở tại có đóng dấu vuông, lòng khắc 8 chữ triện, xếp thành 4 hàng từ phải qua trái: Quảng Nam Ký lục nội viện chi chương.

⁴ Xem The Great Story of Vietnam; Kyushu National Museum; Kyushu Broadcasting C.; Ltd and The Nishi Nippon Shimbun Co. Ltd, xb, 2013.

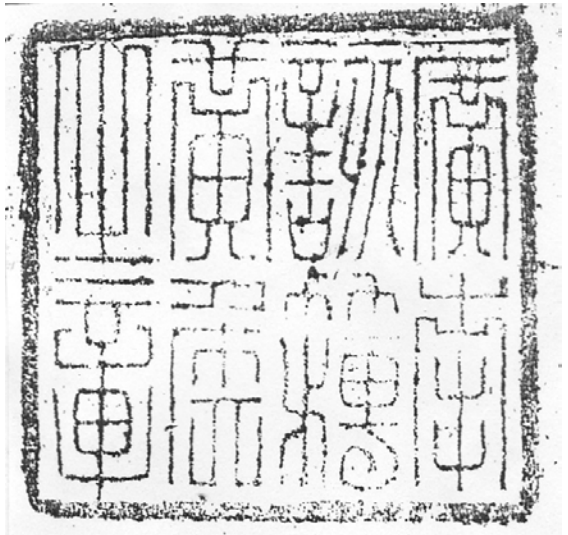
⁵ Phủ biên tạp lục, Sdd, tr145.

Đây là ấn chương của quan Ký lục Quảng Nam. Nội dung dấu ấn cũng cho biết Quảng Nam lúc bấy giờ trực thuộc nội viện (...).



Ấn Quảng Nam Ký lục nội viện chi chương

1.4. Một văn bản năm Cảnh Hưng 25 (1764), cuối dòng phê của quan sở tại đóng dấu vuông, lòng khắc 8 chữ triện xếp thành 4 hàng từ phải sang trái: Quảng Nam Cai bộ nội viện chi chương. Kích thước, cách bố trí nội dung dấu ấn này giống dấu trên (1.3), chỉ khác về chức vụ. Đây là dấu ấn của

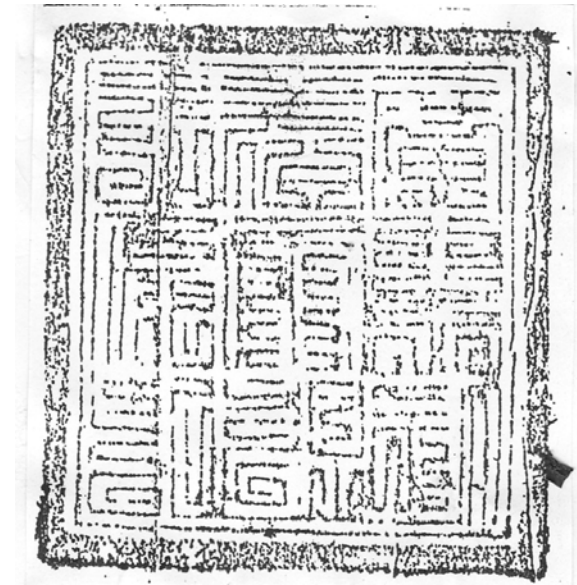


Ấn Quảng Nam Cai bộ nội viện chi chương

quan Cai bộ Quảng Nam. So sánh con dấu của 2 vị Cai bộ Quảng Nam năm 1761 và 1764 ta thấy có thể đây là dấu ấn của hai người khác nhau, người đầu làm Cai bộ nhưng là Khâm sai của triều đình, còn người sau không phải là Khâm sai.

2. Thời Tây Sơn

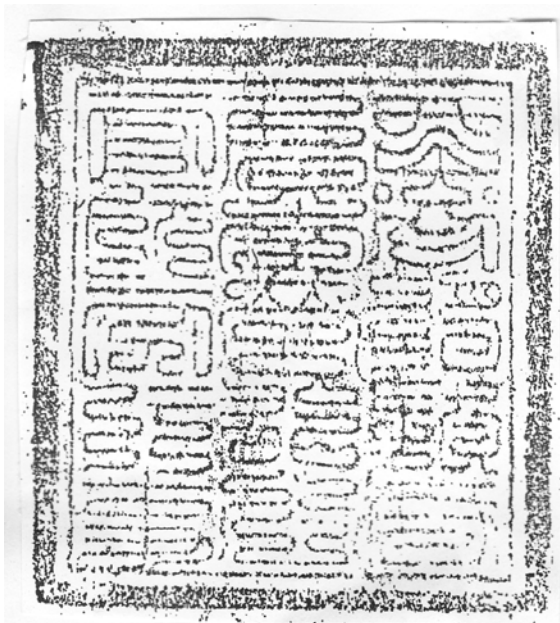
2.1. Trong một tờ truyền năm Cảnh Hưng 39 (1778) của quan Khâm sai Tham mưu, quan Tiện nghị Phó chiến, quan Tiện nghị Câu kê dinh Quảng Nam có đóng 2 dấu, trong đó 1 dấu vuông lớn, lòng khắc chín chữ triện xếp thành 3 hàng từ phải sang trái: Quảng Nam Khâm sai Tham mưu Trương (?) tín ký. Đây là dấu tín ký quan Khâm sai Tham mưu Quảng Nam của chính quyền Tây Sơn.



Ấn Quảng Nam Khâm sai Tham mưu Trương tín ký

2.2. Một văn bản khác năm Cảnh Hưng 39 (1778) cuối dòng phê đóng dấu vuông, lòng khắc 16 chữ triện xếp thành 3 hàng từ phải qua trái: Tây Sơn Công bộ Trấn thủ Quảng Nam dinh ? ?

quan Nguyễn tông hành sự. Đây là dấu hành sự của Trấn thủ Quảng Nam thời Tây Sơn.



Ấn Tây Sơn Công bộ Trấn thủ Quảng Nam dinh
?? quan Nguyễn tông hành sự

2.3. Trong bản kê khai dân đinh của thôn An Sơn, tổng An Khang Trung, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Hoa năm Quang Trung 5 (1892), cuối bản khai có đóng dấu đỏ lớn, hình vuông, lòng khắc 7 chữ triện từ phải

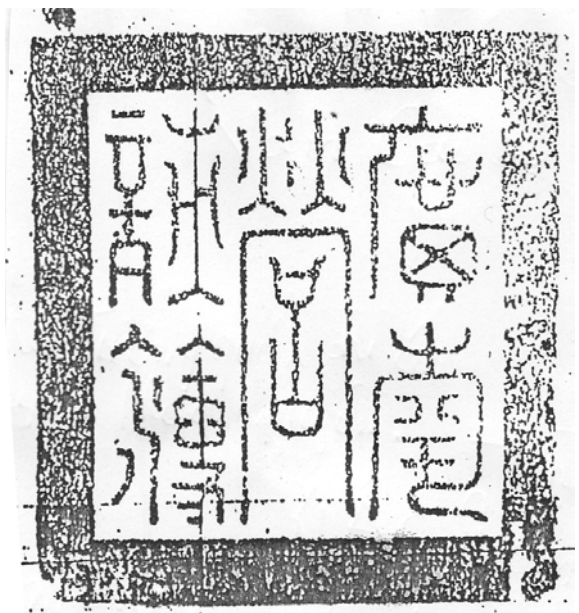


Ấn Khâm sai Quảng Nam xứ đại duyệt

qua trái: Khâm sai Quảng Nam xứ đại duyệt. Đây là dấu của quan Khâm sai phụng mệnh Quang Trung duyệt xét dân số ở các địa phương thuộc xứ Quảng⁶ (từ Hải Vân vào đến Bình Định, Phú Yên).

3. Thời Nguyễn

3.1. Một văn bản năm Cảnh Hưng 62 (1801), cuối dòng phê có dấu vuông, lòng khắc 5 chữ triện, xếp 3 hàng từ phải qua trái: Quảng Nam dinh Cai bộ. Đây là dấu quan Cai bộ Quảng Nam của chính quyền Nguyễn Ánh. Dấu ấn cho biết tuy chưa lên ngôi nhưng Nguyễn Ánh đã xếp đặt bộ máy chính quyền ở Quảng Nam.

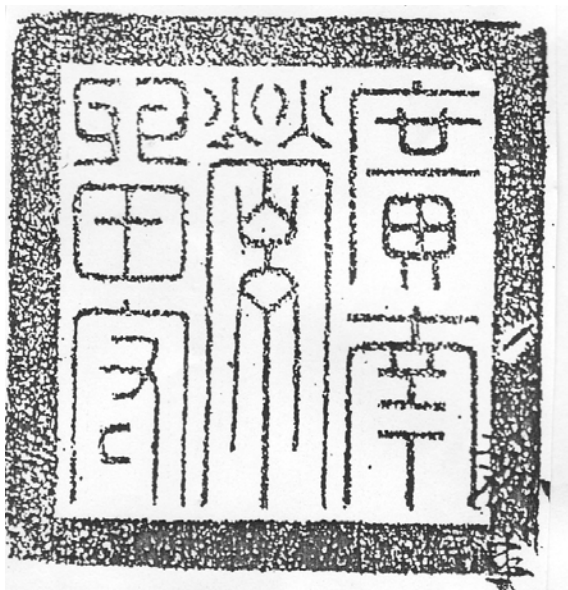


Ấn Quảng Nam dinh Cai bộ

3.2. Một văn bản năm Gia Long 2 (1803), cuối dòng niên đại đóng dấu vuông, lòng khắc 5 chữ triện, xếp thành 3 hàng từ phải qua trái: Quảng Nam dinh lưu thủ. Đây là dấu quan Lưu thủ

⁶ Tư liệu này đang trưng bày tại Bảo tàng Đà Nẵng.

Quảng Nam, một chức quan tương tự Trấn thủ các đời trước.



Ấn Quảng Nam dinh lưu thủ

3.3. Một văn bản năm Minh Mạng 9 (1828), cuối dòng niên hiệu đóng dấu vuông, lòng khắc 4 chữ triện lớn, xếp thành 2 hàng từ phải sang trái: Quảng Nam trấn ấn. Đây là dấu ấn của trấn Quảng Nam cho biết lúc này vua Minh Mạng đã đổi các dinh thành trấn.



Ấn Quảng Nam trấn ấn

Từ đời Minh Mạng trở về sau, tên gọi đơn vị hành chính và các chức quan liên quan đến Quảng Nam tiếp tục thay đổi từ việc đổi trấn thành tỉnh, chuyển các chức Trấn thủ, Cai bạ, Ký lục thành Tổng đốc, Án sát, Bố chính và có lúc Tổng đốc Quảng Nam kiêm lãnh cả Quảng Ngãi thành Nam Ngãi Tổng đốc... Những dấu ấn triện này xuất hiện ở các văn bản hành chính hiện còn khá nhiều trong dân gian ♦



NHỮNG THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HỘI AN VÀO NĂM SỬU QUA TƯ LIỆU LỊCH SỬ

ThS. Phạm Phước Tịnh

thông tin, sự kiện liên quan đến lịch sử - văn hóa Hội An vào năm Sửu được ghi chép trong các nguồn sử liệu, tư liệu trong nước sưu tầm được.

Với vị thế địa lịch sử - văn hóa, Hội An từ rất sớm là nơi giao thương, buôn bán của các nước trong khu vực và trên thế giới. Vào thời kỳ Lâm Ấp - Champa phổ, Hội An đã là một thương cảng có thuyền buôn nước ngoài đến thường xuyên và đã có một số tác phẩm mô tả, giới thiệu nhiều thông tin quý giá về Hội An trong Tấn thư, Đường thư, một số thư tịch cổ Ả Rập. Đặc biệt lúc Hội An là thương cảng quốc tế phát triển cực thịnh vào thời kỳ các chúa Nguyễn, rồi đến thời kỳ Tây Sơn và các vua nhà Nguyễn đã có nhiều tác phẩm liên quan/đề cập đến Hội An được xuất bản như *Ô châu cận lục*, *Đại Nam thực lục*, *Phủ biên tạp lục*... Bên cạnh đó, một số tư liệu Hán Nôm liên quan đến Hội An như châu bản triều Nguyễn, tư liệu về các dòng họ, địa bạ... và các tư liệu tiếng Việt lưu tại các Trung tâm lưu trữ Quốc gia đã ghi chép nhiều thông tin quý về Hội An. Tất cả các tư liệu này là nguồn sử liệu độc đáo, cung cấp nhiều thông tin bổ ích về vùng đất Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung vào thế kỷ XVI cho đến thế kỷ XX. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi giới thiệu một số

Năm Quý Sửu - 1553, trong tác phẩm *Ô châu cận lục*¹ của Dương Văn An biên soạn năm 1553 và ấn hành năm 1555, được xem là một trong những cuốn địa chí sớm nhất viết về vùng đất từ Quảng Bình đến Quảng Nam, trong đó ghi chép 2 làng/xã của Hội An như sau: “... *Huyện Điện Bàn, có 66 xã, trong đó có xã Cẩm Phô và Hoài Phô*”. Đây là tên 2 làng/xã theo nghĩa một đơn vị hành chính độc lập ở Hội An thời bấy giờ.

Năm Ất Sửu - 1805 (Gia Long năm thứ 4), tháng 1, Công Đồng truyền dinh Quảng Nam cho biết, vừa qua có biểu tấu rằng Tề Võ vệ lạc (nhạc) quân tòng Hồ dực đội Cai đội Huyền Trần Văn Giai có đơn xin quy tập di dân trong bốn quán Thanh Châu xã để lập Yến sào đội chinh đón tàu thuyền để thu hái yến sào, thường niên thọ nạp mỗi người yến suu 8 lạng, còn thuế lệ biệt nạp cũ thì chuẩn cho miễn suu. Phụng bài của Công đường quan đã tạm cho quy tập được ngoại dân 7 người với 2 chiếc thuyền, việc này đã trình tấu khâm phụng...

¹Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, hiệu đính và chú giải, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2009, tr.39.

Tháng 3, Công đồng sai Thần sách Quân Trung doanh Tín uy vệ, Phó vệ úy, Khâm sai, thuộc Cơ nội kinh, tước Cẩn Ngọc hầu suất lãnh viên quân ở Ngũ doanh là 500 người và 25 chiếc ghe chở hàng đến đồn La Qua ở dinh Quảng Nam chọn lựa từ các cống đá đốc suất viên quân đúng theo yêu cầu về số lượng chuyển hồi về kinh phụng nạp. Nếu như đã lấy đá tại cống ấy mà còn nhẹ thì Quan viên tập trung đến phố Hội An chọn đá lát đường chở về kinh hoặc mua tại các đường phố Hội An liên kết trợ giúp để mua đạt số lượng. Các viên quan ký lục tại dinh Quảng Nam thực hiện nghiêm túc để mua đá lát đường ấy biên chép tường tận giao cho Cẩn Ngọc hầu đệ nạp tâu lên. Lại cho phép căn cứ theo bút tích của thực số viên quân mà lãnh tại bộ Hộ cho cho tiện. Đến kỳ thì nhận công lương tại địa hạt Quảng Nam cho viên quân chi dùng. Nay sai phái².

Năm Kỷ Sửu - 1829 (*Minh Mạng năm thứ 10*), tháng 8, trấn thành Quảng Nam tâu rằng: Đồn thủy của trấn đặt ở bờ sông xã An Hòa huyện Diên Phước, sông bị cát bồi cạn, xin dời đến bờ sông hai xã Hoa Phố và Thanh Châu (*Hoa Phố thuộc huyện Diên Phước, Thanh Châu thuộc huyện Hòa Vang ở phía đông trấn thành*). Vua y cho.

... Vào tháng 10, trước kia người Thanh là Đặng Phúc Hưng buôn ở Quảng Nam, lấy người con gái ở phố Hội An làm vợ, ngày về chở trộm người vợ về nước. Việc phát giác, giao xuống bộ Hình bàn, xin chiếu lệ đem người và quân khí ra ngoài địa giới và ra biển,

giảm một bậc mà xử tội. Phúc Hưng thì phát đi sung quân ở nơi biên viễn, người vợ thì phát làm nô dịch. Nhân xin lập rõ điều cấm: Phạm người Thanh đến ngụ ở nước ta, ở phố làm dân, đã đăng vào sổ hàng bang, thì mới được cùng dân lấy vợ lấy chồng, bất kỳ đến buôn bán thì đều cấm không cho như thế. Làm trái thì đàn ông đàn bà đều tội mãn trượng, và phải ly dị; người chủ hôn đồng tội, người mối lái, người bang trưởng và người láng giềng đều tội giảm một bậc. Quan địa phương biết mà cố ý dung túng thì giáng 1 cấp, đổi nơi khác. Nếu nhân thế mà chở đem về nước Thanh thì người đàn ông phát sung quân nơi biên viễn, người đàn bà phát làm nô dịch, chủ hôn giảm một bậc, người mối, bang trưởng, láng giềng đều tội mãn trượng. Quan địa phương cố ý dung túng, tẩn thủ không xét hỏi ra thì quan giáng 4 cấp đổi đi, lính trượng 90, có hối lộ mà dung túng thì kể tang mà trị theo luật nặng. Đình thần bàn lại, cho là: Bộ Hình bàn định lệ ấy, là muốn cho người dân biết mà răn sợ, và người xét hạch có chỗ cầm giữ. Lời bàn ấy là phải. Đến như người Thanh lấy người nước ta sinh con cái mà chở trộm về nước Thanh thì xin cũng nghiêm cấm. Nếu phạm cấm thì người đàn ông, người đàn bà, bang trưởng, và người láng giềng tư tình đều tội 100 trượng; địa phương cố ý dung túng, và tẩn thủ không xét được thì chiếu lời nghị trước mà xử tội. Lại con sinh ra cấm không được bện tóc làm đuôi sam, làm trái thì người đàn ông người đàn bà đều tội 100 trượng; bang trưởng và láng giềng thì giảm 2 bậc. Vua đều theo cả³.

² Châu bản triều Nguyễn, bản sao lưu tại Trung tâm QLBT Di sản Văn hoá Hội An, CN. Tổng Quốc Hưng dịch nghĩa.

³ Quốc sử quán triều Nguyễn (bản dịch) (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.886, 906, 907.

Năm Đinh Sửu - 1877 (*Tự Đức năm thứ 30*), theo Bảng của tạm quyền Tuần phủ Nam Ngãi họ Chu cấp cho Hồ Văn Trước cho biết:... Do các yển hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa bẩm rằng năm trước Hộ trưởng Hồ Văn Kiểm quản lãnh 3 tỉnh yển hộ đã thu thuế yển đầy đủ đệ nạp về kinh. Ngày 15 tháng này y bị bệnh qua đời, không người trong coi công việc. Nay chọn được em ruột của Hồ Văn Kiểm là tú tài Hồ Văn Trước, tính tình cẩn thận, am hiểu nghề nghiệp, gia tư lại giàu có nên có thể cấp bằng tạm quyền đội trưởng, quản lãnh yển hộ để đôn đốc thu thuế yển trong khi chờ hiệp y của bộ Binh để cấp bằng. Nếu công việc không chuyên cần sẽ bị trị tội theo phép nước⁴.

Năm Tân Sửu - 1901 (*Thành Thái năm thứ 13*), vào tháng 2, thân định lệ mua bán đất trong thị xã. Trước là tháng 11 năm trước Khâm sứ đại thần Auvergne nói trước đã vâng dụ chuẩn cho đặt việc thu thuế xe thuê chợ trong thị xã nhưng không nói gì tới khoản mua bán đất. Gần đây thương nhân người Tây tụ họp ngày càng đông, mà việc mua bán đất hiện theo luật lệ nam triều lại chưa tiện, phải tuân lời dụ chuẩn năm Đồng Khánh thứ 3 và Thành Thái thứ 8 (*quan lại và thương nhân người Tây mua ruộng đất ở Bắc Kỳ hoặc trong 12 phủ tỉnh thì cho theo lệ Tây vĩnh viễn làm sản nghiệp riêng*) mà làm cho ổn thỏa, đến lúc ấy nghĩ đưa dụ văn qua Cơ mật viện duyệt lại. Bề tôi ở viện tâu lên, chuẩn cho thi hành. Lại ban dụ nói “Thị xã các tỉnh ở nước ta vào ngày 12.10.1888 và ngày 12.7.1889 Tây lịch đã dụ chuẩn thiết lập cho được sạch sẽ tráng quan để

tiện cho nhân viên quý quốc và quý thuộc quốc cư trú. Nay chiếu địa phận các thị xã ở kinh thành, Nghệ An, Thanh Hóa, Hội An, Quy Nhơn và Phan Thiết nơi nào không có nhà người bản quốc cư trú hoặc xây dựng ở tạm đều cho thuộc về đất công trong địa phận các tỉnh ấy. Những đất ấy tại các phủ tỉnh, ở kinh thì có Công sứ Thừa Thiên, Thượng thư bộ Hộ và quan phủ Thừa Thiên, ở tỉnh thì có Công sứ và quan tỉnh hội đồng bàn nghĩ thỏa thuận. Tới như đất đai mà người bản quốc cư trú nếu nhiều đời truyền lại đã lâu, hoặc dựng nhà ở lâu năm thì chủ đất sẽ có chứng nhận của quan, trừ nơi nào phải đặc biệt lưu lại để tiện xây dựng nha thự quan viên, đình chùa đền miếu và phủ đệ của hoàng thân, vương công, công chúa và đường cái, bến sông, trại lính, những đất mà thị xã tỉnh ấy đã đưa vào bản đồ thì không được xâm phạm. Dụ này đính kèm lời Nghị định các điều lệ về đất ấy của Toàn quyền đại thần để thi hành⁵.

Năm Ất Sửu - 1925 (*Khải Định năm thứ 10*), tháng 4, Toà Khâm sứ hội thương nói tuân phụng chỉ dụ ngày 6 tháng 12 năm Khải Định thứ 6, nay nghị định những nơi cổ tích thuộc Trung Kỳ chiếu theo lịch sử và mỹ thuật (*đều có bản đồ*) nghĩ nên chia hạng biên tập ghi chép giữ gìn để tỏ rõ ý tôn cổ. Bề tôi Cơ mật viện tâu lên, chuẩn cho thi hành... Theo nội dung trên, phố Hội An, tỉnh Quảng Nam gồm có Cầu Lai Viễn Nhật Bản, chùa Bảo Anh (*có thể là chùa Bà Mụ* - lời người viết)⁶.

⁴ Bản sao tư liệu lưu trữ tại Trung tâm QLBT Di sản Văn hoá Hội An, CN. Trần Văn An dịch nghĩa.

⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục Đế lục kỷ phụ biên*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh, tr.387-388.

⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục Chính biên Đế thất kỷ*, Cao Tự Thanh dịch và

Năm Đinh Sửu - 1937, hội chợ Faifo lần thứ 3 được tổ chức, theo đó thể lệ hội chợ lần 3 gồm 12 khoản. Hội chợ khai mạc vào 8 giờ sáng ngày 23 tháng 5, bế mạc vào ngày 26 tháng 5. Hội chợ sẽ mở cửa các ngày trong tuần từ 8 giờ đến 24 giờ. Hội chợ Faifo có 2 mục đích: để trưng bày các mặt hàng nông nghiệp và thương nghiệp nói chung và cũng như của tỉnh Quảng Nam và của vùng kinh tế cảng Tourane nói riêng; để bán ra thị trường các sản phẩm nông nghiệp, chăn nuôi và các mặt hàng khác⁷.

Năm Kỷ Sửu - 1949, theo Bảng thống kê một vài tài liệu thiết yếu về đời sống của người dân ở Quảng Nam năm 1949, theo đó một số nội dung về dân số, nhà cửa, kỹ nghệ... các làng/xã/phường ở Hội An được thống kê vào ngày 10/3/1949⁸ như sau:

Về dân số: phường Hội An (nhân số cũ là 760 người, nhân số đã hồi cư mới là 610, đình số là 80 người), phường Minh Hương (nhân số cũ là 1100 người, nhân số đã hồi cư mới là 2.000 người, đình số là 250 người), phường Cẩm Phô (nhân số cũ là 2.000 người, nhân số đã hồi cư mới là 1.500 người, đình số là 150 người), phường Sơn Phong (nhân số cũ là 2000 người, nhân số đã hồi cư mới là 500 người, đình số là 75 người), Vạn

Hội An (nhân số cũ là 2.000 người, nhân số đã hồi cư mới là 600 người, đình số là 56 người), xã Cẩm Phô (nhân số cũ là 3.000 người, nhân số đã hồi cư mới là 1.000 người, đình số là 230 người), xã Sơn Phô (nhân số cũ là 900 người, nhân số đã hồi cư mới là 150 người, đình số là 50 người), xã Đê Vông (nhân số cũ là 200 người, nhân số đã hồi cư mới là 110 người, đình số là 30 người), xã Thanh Hà (nhân số cũ là 5.000 người, nhân số đã hồi cư mới là 2.200 người, đình số là 390 người), xã An Mỹ (nhân số cũ là 600 người, nhân số đã hồi cư mới là 100 người, đình số không rõ), xã An Phong (nhân số cũ là 500 người, nhân số đã hồi cư mới là 100 người, đình số không rõ).

Về nhà cửa: phường Hội An (212 nhà ngói, 30 nhà tranh), phường Minh Hương (400 nhà ngói, 5 nhà tranh), phường Cẩm Phô (120 nhà ngói, 200 nhà tranh), phường Sơn Phong (16 nhà ngói, 21 nhà tranh), vạn Hội An (không có), xã Cẩm Phô (15 nhà ngói, 300 nhà tranh), xã Sơn Phô (9 nhà ngói, 30 nhà tranh), xã Đê Vông (3 nhà ngói, 15 nhà tranh), xã Thanh Hà (40 nhà ngói, 780 nhà tranh), xã An Mỹ và An Phong chưa thống kê.

Về ngoại kiều: phường Minh Hương số 1565 người Hoa cư trú.

Về xưởng dệt: phường Hội An có 18 xưởng, phường Minh Hương có 47 xưởng, xã Cẩm Phô có 26 xưởng.

Về xưởng thợ rèn: phường Cẩm Phô có 1 xưởng, phường Sơn Phong có 1 xưởng, xã Đê Vông có 1 xưởng, xã Thanh Hà có 1 xưởng. Ngoài ra, xã Thanh Hà có 2 lò vôi và 2 xưởng gốm♦

giới thiệu, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh, tr.511.

⁷ Bản sao tư liệu lưu trữ tại Trung tâm QLBT Di sản Văn hoá Hội An.

⁸ Phủ Thủ hiến Trung Việt, Hồ sơ số 1817, *Bảng thống kê một vài tài liệu thiết yếu về đời sống của dân quê Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam năm 1948-1949*, Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV - Đà Lạt. Bản sao tư liệu lưu trữ tại Trung tâm QLBT Di sản Văn hoá Hội An.

**THẺ LỆ
HỘI CHỢ LẦN THỨ 3
TẠI THÀNH PHỐ FAIFOO
NĂM 1937***

Phòng Tư liệu & Thông tin Di sản

Năm 1937, hội chợ lần thứ 3 tại thành phố Faifoo diễn ra từ ngày 23-26/5. Ban tổ chức hội chợ đã ban hành thẻ lệ hội chợ gồm có 12 khoản, viết bằng tiếng Pháp. Bản gốc của thẻ lệ hiện lưu giữ tại Trung tâm lưu trữ quốc gia I - Hà Nội. Bản sao lưu giữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An. Dưới đây xin giới thiệu bản dịch tiếng Việt nội dung thẻ lệ để chúng ta cùng tham khảo.

KHOẢN 1

Thời gian diễn ra hội chợ: hội chợ khai mạc vào 8 giờ sáng ngày 23 tháng 5, bế mạc vào ngày 26 tháng 5 - Hội chợ sẽ mở cửa các ngày trong tuần từ 8 giờ đến 24 giờ.

KHOẢN 2

Mục đích của hội chợ - Hội chợ Faifoo có 2 mục đích:

1. Là để trưng bày các mặt hàng nông nghiệp và thương nghiệp nói chung và cũng như của tỉnh Quảng Nam và của vùng kinh tế cảng Tourane nói riêng;

2. Cũng là để bán ra thị trường các sản phẩm nông nghiệp, chăn nuôi và các mặt hàng khác.

KHOẢN 3

Các hàng hóa được trưng bày ở hội chợ - Hàng hóa được đem trưng bày hay là để bán ở hội chợ là mặt hàng thương nghiệp, công nghiệp, nông nghiệp, chăn nuôi, đánh bắt và đặc biệt là các sản vật của địa phương, chỉ trừ các mặt hàng có chứa thuốc nổ hoặc nguy hiểm.

Đơn xin dự hội chợ phải kê rõ những mặt hàng nào là để trưng bày hoặc mặt hàng nào là để bán. Những mặt hàng không kê trong đơn mà đem đến thì Ban Tổ chức thải ra ngay mà không trả tiền phí tồn giữ cả.

KHOẢN 4

Địa điểm diễn ra hội chợ - Hội chợ diễn ra trên khu đất ở giữa kè Hải Nam và các phố Jules Ferry và phố cầu Nhật

KHOẢN 5

Đơn xin tham gia hội chợ - Người tham gia phải nộp đơn trước ngày 12 tháng 5 và phải kê rõ những đồ muốn trưng bày hoặc bán. Những người nộp đơn trước ngày 12 tháng 5 mới chắc chắn được tham gia hội chợ.

Đơn phải gửi cho ông Trưởng ban Tổ chức, Tòa sứ Faifoo. Đơn được chấp nhận hay từ chối cũng không cần phải có thư trả lời.

Dự kiến là sẽ có 100 gian hàng, mỗi gian có kích thước 3m x 3m

Giá thuê một gian hàng được ấn định là 2 đồng, tiền thuê phải đưa theo kèm đơn. Không cho thuê dưới một gian hàng.

Một người có thể thuê nhiều gian hàng tiếp giáp nhau.

KHOẢN 6

Các gian hàng được giao cho người thuê 4 ngày trước khi diễn ra Hội chợ.

Đến 12 giờ trưa ngày 22 tháng 5 các gian hàng phải bày dọn cho xong, đủ để Ban Tổ chức có thể tiến hành kiểm tra trước khi khai mạc Hội chợ.

Các gian hàng chỉ được bán hàng sau khi đã khai mạc, tức là sau 8 giờ sáng ngày 23 tháng 5.

Hàng không bán được phải thu về muộn nhất là ngày 27 tháng 5.

KHOẢN 7

Bảo đảm - Người thuê gian hàng phải giữ gìn đề phòng mọi rủi ro (hỏa hoạn, trộm cắp...) có thể xảy ra trong hội chợ. Ban Tổ chức sẽ không chịu trách nhiệm với những rủi ro này.

KHOẢN 8

Đèn - Ngoài đèn điện ra không được dùng loại đèn thấp sáng nào khác

Gian hàng cho thuê đã có sẵn một ngọn đèn 40w. Trong mấy ngày hội, nếu ai muốn dùng thêm đèn thì phải nói với phòng thông tin nằm trong khuôn viên Hội chợ, phòng này sẽ mở cửa 2 ngày trước khi khai mạc Hội chợ. Việc lắp đặt sẽ do nhà máy điện làm theo giá dưới đây (giá đã bao gồm tiền đặt dây và tiền dùng điện):

- 1 ngọn 25w giá 0\$36
- 1 ngọn 40w giá 0\$42
- 1 ngọn 60w giá 0\$48
- 1 ngọn 75w giá 0\$55
- 1 ngọn 150w giá 0\$90
- 1 ngọn 300w giá 1\$00

Ngoài ra nhà máy điện sẽ thu một khoản tiền đặt cọc như dưới đây, nếu khi kết thúc hội chợ đèn không hư hại gì thì số tiền này sẽ trả lại cho người dọn hàng:

- 1 ngọn 25w tiền đặt cọc là 0\$60
- 1 ngọn 40w0\$60
- 1 ngọn 60w1\$00
- 1 ngọn 75w1\$00
- 1 ngọn 150w1\$50
- 1 ngọn 300w4\$00

KHOẢN 9

Vé vào cửa - Vé vào cửa được ấn định là 0\$50

KHOẢN 10

Giám sát an ninh - Ban đêm có lính tập canh phòng trong hội chợ, nhưng nếu có trộm cắp hoặc hỏa hoạn xảy ra thì Ban Tổ chức hoàn toàn không chịu trách nhiệm gì với người bán hàng.

KHOẢN 11

Giấy chứng nhận bán hàng - Kết thúc hội chợ, Ban Tổ chức sẽ cấp giấy chứng nhận cho những người dự hội chợ có hàng hóa chất lượng tốt.

Giấy chứng nhận này sẽ bị thu hồi ngay lập tức nếu người bán hàng có biểu hiện lừa người mua về chất lượng hàng hóa.

Mê đây sẽ được trao cho người bán hàng xứng đáng nhất.

KHOẢN 12.

Người dự hội chợ phải cam đoan tuân thủ theo thể lệ này và ngoài ra không được quyền nhượng lại gian hàng đã thuê mà không được phép của Ban Tổ chức ♦

TIN TÒUC – SỞI KIEÂN

Đón đoàn khách đầu tiên tham quan phố cổ Hội An năm 2021

Thị Hoài



Sáng 1/1/2021, đoàn khách nội địa gồm 19 người đến từ thành phố Đà Nẵng trở thành những vị khách đầu tiên xông đất phố cổ Hội An.

Sau khi được đón mừng bởi đội hát múa sắc bùa và đội múa thiên cầu từ ngã ba cầu An Hội - đường Nguyễn Phúc Chu, đoàn khách đã được UBND Thành phố Hội An cùng lãnh đạo tỉnh Quảng Nam tặng hoa, quà và thưởng thức nhiều tiết mục nghệ thuật ngay vòng cung Chùa Cầu.

Đặc biệt, đoàn khách đã cùng ban tổ chức và người dân Hội An tham gia trải nghiệm ván bài chòi đầu tiên của năm mới.

Một người trong đoàn khách đầu tiên ghé thăm phố cổ, bà Tăng Lý Thị Tuyết chia sẻ: “Chúng tôi ở Đà Nẵng

nên cũng hay đi Hội An. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên chúng tôi cùng nhau đi vào đúng dịp Tết Dương lịch và nhận được sự đón tiếp nồng hậu của chính quyền, người dân Hội An với những tiết mục nghệ thuật mang đậm nét văn hóa Hội An. Đây là một kỷ niệm đặc biệt khó quên đối với chúng tôi”.

Ngoài miễn phí vé tham quan khu phố cổ, đoàn khách xông đất Hội An được thành phố miễn phí vé tham quan các làng nghề như làng nghề gốm Thanh Hà, làng rau Trà Quế♦

Nghiệm thu và đưa vào sử dụng công trình tu bổ di tích nhà số 21 Nguyễn Thái Học

Văn Sang



Sau thời gian tu bổ, vào ngày 6/1/2021, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã chủ trì, phối hợp với các ban ngành trên địa bàn Thành

phố và UBND phường Minh An tiến hành nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng di tích nhà số 21 Nguyễn Thái Học, phường Minh An.

Đây là di tích loại 1 theo phân loại giá trị bảo tồn di tích kiến trúc phố cổ Hội An. Di tích này được đầu tư tu bổ từ nguồn vốn ngân sách Thành phố với tổng mức đầu tư là 577.734.000 đồng. Hạng mục đầu tư, tu bổ gồm nhà trước (*dặm dọi mái ngói âm dương, trám trét một số vị trí tường và nền bị hỏng, quét vôi lại tường*) và nhà sau (*hệ mái: lợp lại mái ngói âm dương theo nguyên trạng, thay thế các cấu kiện gỗ bị hỏng; hệ khung gỗ: gia cố và thay thế các cấu kiện gỗ bị hỏng, bổ sung cột chống đỡ hệ khung gỗ; trám trét một số vị trí tường và nền bị hỏng, quét vôi lại tường*).

Việc tu bổ hoàn thành, nghiệm thu đưa di tích vào sử dụng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân, ổn định cuộc sống để chuẩn bị đón Tết Tân Sửu năm 2021 ♦

**Tham dự Hội nghị
tổng kết công tác năm 2020 và định
hướng công tác năm 2021 của Ủy ban
Quốc gia UNESCO Việt Nam**

Diệu Châu

Sáng ngày 12/01/2021, hội nghị tổng kết công tác năm 2020 và định hướng công tác năm 2021 của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam đã diễn ra thành công tốt đẹp tại Hà Nội với sự có mặt của Thứ trưởng Lê Hoài Trung, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam; Ông Michael Croft, Trưởng đại diện Văn phòng UNESCO tại Hà Nội cùng đại diện các bộ, ngành, các tiểu ban của Ủy



ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và các địa phương có Di sản thế giới. Sau khi nghe phát biểu khai mạc của Thứ trưởng Lê Hoài Trung, Hội nghị cũng lắng nghe các báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, các tiểu ban và tiểu ban chuyên môn của UNESCO, các khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển thế giới tại Việt Nam...

Theo Báo cáo tổng kết của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, năm 2020, thế giới trải qua nhiều biến động to lớn, chưa từng có trong nhiều thập niên qua. Khủng hoảng y tế với đại dịch COVID-19 đã tác động toàn diện, sâu rộng và nghiêm trọng đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội ở mỗi quốc gia, khu vực và trên toàn cầu. Bên cạnh đó, các thách thức an ninh phi truyền thống như thiên tai, lũ lụt, biến đổi khí hậu khốc liệt xảy ra ở nhiều nơi, ảnh hưởng nghiêm trọng tới cuộc sống của người dân tại khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Mặc dù vậy, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn trên thế giới. Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục được khẳng định là khu vực phát triển kinh tế năng động, là động lực của tăng trưởng và liên kết toàn cầu và có tầm ảnh hưởng chính trị ngày càng gia tăng.

Tổ chức UNESCO vẫn tiếp tục đối mặt với một số khó khăn, nhất là tài chính và chịu sự tác động của đại dịch COVID-19. Một số hoạt động, nhất là các cuộc họp quan trọng đã bị hoãn, hủy hoặc chuyển hình thức họp (*kết hợp cả trực tiếp, trực tuyến...*). Trong bối cảnh đó, UNESCO thể hiện sự nhanh nhạy, kịp thời đề xuất và triển khai một số sáng kiến nhằm đối phó tốt hơn với những thách thức mới trên tất cả các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, khoa học và thông tin - truyền thông. Quan hệ hợp tác Việt Nam - UNESCO được đẩy mạnh trên các lĩnh vực. Trong tiếp xúc nhân dịp Đại sứ, Trưởng Phái đoàn Việt Nam trình thư ủy nhiệm, Tổng Giám đốc UNESCO đánh giá cao vị trí, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế, tại ASEAN và thành tựu về phòng chống dịch COVID-19 trong thời gian vừa qua. Trong bối cảnh khó khăn của dịch COVID-19, các chương trình lớn của UNESCO vẫn được triển khai tại Việt Nam. Các bộ, ngành, địa phương cũng như cộng đồng và người dân tiếp tục quan tâm và đẩy mạnh hợp tác, triển khai các hoạt động có liên quan đến UNESCO, đặc biệt qua hình thức trực tuyến.

Nhân dịp này, thay mặt lãnh đạo Ủy ban Quốc gia UNESCO, Thứ trưởng Lê Hoài Trung cũng hoan nghênh và đánh giá cao những nỗ lực của các tiểu ban, tiểu ban chuyên môn và toàn thể các cán bộ chuyên môn trong việc phối hợp triển khai công tác năm 2020, góp phần xây dựng nền tảng vững mạnh của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam.

Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cử ông Phạm Phú Ngọc - Giám đốc Trung tâm tham dự hội nghị này

Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An năm 2021

Hồng Việt



Vào ngày 14/01/2021, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động năm 2021 nhằm tổng kết, đánh giá kết quả công tác năm 2020 và phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2021. Ngoài tập thể cán bộ, viên chức, người lao động Trung tâm, hội nghị vinh dự đón mừng đại biểu lãnh đạo Liên đoàn Lao động thành phố, Phòng Văn hóa Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình, Ban thường vụ Thành đoàn Hội An tham dự hội nghị.

Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả công tác năm 2020 của Trung tâm nêu lên những tác động của dịch COVID-19, thiên tai bão lụt đến việc triển khai nhiệm vụ công tác đơn vị. Song, với sự chỉ đạo sâu sát của Thành ủy, UBND thành phố, sự phối hợp, hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị của thành phố, tỉnh và Trung ương, đặc biệt là sự đoàn kết, nỗ lực vượt khó của tập thể cán bộ, viên

chức, người lao động nên trong năm qua Trung tâm đã được nhiều thành tựu trên các mặt công tác như quản lý di sản, nghiên cứu khoa học, tham mưu cấp phép và kiểm tra giám sát tu bổ di tích - nhà ở trong Khu phố cổ, tu bổ di tích, tuyên truyền phát huy giá trị di sản và về công tác đối ngoại.

Tại hội nghị, tập thể cán bộ, viên chức, người lao động của Trung tâm cũng nhìn nhận rằng, năm 2021 sẽ còn nhiều khó khăn do đại dịch COVID-19 diễn biến rất phức tạp, kéo dài. Tuy nhiên, phát huy truyền thống đoàn kết vượt khó, Trung tâm sẽ quyết tâm thực hiện tốt 10 nhiệm vụ trọng tâm và phấn đấu đạt được những chỉ tiêu thi đua chủ yếu như sau: Đảng bộ “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*”, cơ quan đạt danh hiệu “*Tập thể lao động xuất sắc*”, “*Đơn vị đạt chuẩn văn hoá*”, Công đoàn “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*”, Chi đoàn “*Hoàn thành xuất sắc*”, ít nhất 80% đảng viên đạt loại “*Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ*” và ít nhất 10% CB-VC-LĐ đạt danh hiệu “*Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở*” ♦

Khảo sát thực địa di tích Chùa Cầu

Phước Tịnh

Chùa Cầu còn có tên gọi khác là Cầu Nhật Bản, Lai Viễn Kiều, là cầu cổ có mái che duy nhất ở Hội An còn lại cho đến ngày nay với tên gọi đã đi vào ca dao, dân ca ở Hội An - xứ Quảng. Tên gọi Lai Viễn Kiều do Chúa Minh Vương Nguyễn Phúc Chu đặt năm Kỷ Hợi -



1719. Chùa Cầu được công nhận là di tích lịch sử văn hóa quốc gia theo quyết định số 506 - VH - QĐ ngày 19/3/1985 của Bộ Văn hóa.

Vừa qua, UBND tỉnh Quảng Nam đã có thông báo số 10/TB-UBND ngày 12/01/2021 thống nhất trình HĐND tỉnh bổ sung dự án Chùa Cầu vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2015, theo nội dung văn bản, UBND tỉnh Quảng Nam giao UBND thành phố Hội An làm chủ đầu tư công trình.

Để có cơ sở để bổ sung dự án vào kế hoạch đầu tư trung hạn và triển khai tu bổ di tích Chùa Cầu trong thời gian sớm nhất, vào ngày 22/01/2021, UBND thành phố Hội An đã chủ trì tổ chức buổi khảo sát, kiểm tra thực tế tình trạng xuống cấp và báo cáo triển khai dự án tu bổ Chùa Cầu. Tham dự buổi khảo sát thực địa và nghe báo cáo quá trình triển khai dự án có đại biểu lãnh đạo các ban ngành tỉnh Quảng Nam và thành phố Hội An.

Qua buổi khảo sát thực địa và nghe báo cáo, các đại biểu tham dự đều thống nhất cần xúc tiến nhanh các thủ tục để sớm triển khai tu bổ di tích Chùa Cầu trong thời gian đến ♦

TRÍCH GIỚI THIỆU QUY CHẾ BẢO VỆ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI KHU PHỐ CỔ HỘI AN

Ngày 18/12/2020, UBND tỉnh Quảng Nam có Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế Bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An. Quy chế gồm 10 chương, 37 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Trong tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản số này, Ban Biên soạn xin trích giới thiệu nội dung từ điều 1 đến điều 11 của Quy chế để chúng ta cùng tham khảo.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định hoạt động quản lý, bảo tồn, tu bổ, phát huy (sau đây gọi chung là bảo vệ) giá trị di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An (sau đây gọi là Khu phố cổ) bao gồm: Di tích lịch sử - văn hóa (nhà ở, giếng, nhà thờ tộc, đình, miếu, hội quán, chùa, thánh thất, mộ, chợ, cầu), các công trình dân dụng khác (nhà ở, nhà và công trình

công cộng), công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, công trình giao thông đô thị), cảnh quan khu vực, cây xanh đô thị và các yếu tố môi trường tự nhiên; trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ Khu phố cổ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân là người Việt Nam và người nước ngoài có các hoạt động liên quan đến bảo vệ Khu phố cổ.

Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đảm bảo hài hòa giữa yêu cầu giữ gìn nguyên vẹn và lâu dài Khu phố cổ với việc đáp ứng nhu cầu cuộc sống hiện tại của cộng đồng dân cư sống trong Khu phố cổ.

3. Bảo vệ Khu phố cổ phải gắn liền giữa bảo tồn di sản văn hóa vật thể với di sản văn hóa phi vật thể.

4. Bảo vệ Khu phố cổ không chỉ bảo tồn mà còn khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhưng không làm tổn hại đến di sản.

Chương II

QUY ĐỊNH PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ

Điều 4. Phạm vi bảo vệ

1. Các khu vực bảo vệ Khu phố cổ:

a) Khu vực I.

b) Khu vực II (*chia thành khu vực IIA và khu vực IIB*).

2. Giới hạn phạm vi khoanh vùng bảo vệ các khu vực được quy định trên bản đồ tại Phụ lục I Quy chế này.

Điều 5. Đối tượng bảo vệ

1. Khu phố cổ.

2. Các loại hình di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 6. Phân loại mức độ giá trị bảo tồn di tích kiến trúc trong khu vực I

1. Phân loại mức độ giá trị bảo tồn di tích kiến trúc trong khu vực I:

a) Loại đặc biệt: Bảo tồn được nguyên trạng các yếu tố gốc của tất cả các hạng mục công trình; có nhiều chi tiết kiến trúc, mỹ thuật độc đáo.

b) Loại I: Bảo tồn được các yếu tố gốc và có giá trị về kiến trúc, lịch sử kiến trúc.

c) Loại II: Bảo tồn được nguyên trạng các yếu tố gốc và có giá trị về kiến trúc, lịch sử kiến trúc của nếp nhà trước.

d) Loại III: Bảo tồn được mái ngói âm dương.

e) Loại IV: Nhà xây, đúc kiểu mới, mái bằng hoặc lợp các loại vật liệu khác không phải là ngói âm dương.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hội An quy định việc phân loại, điều chỉnh các loại di tích tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động bảo vệ

1. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm phát hiện và bảo vệ giá trị di sản văn hóa trong Khu phố cổ.

2. Tư liệu, tài liệu, hiện vật gốc được phát hiện trong quá trình bảo vệ giá trị Khu phố cổ cần được bảo quản tại đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng Khu phố cổ.

3. Công trình khi xây dựng có phát hiện dấu vết di tích, di vật, cổ vật thì chủ di tích, chủ công trình có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

4. Di tích được quản lý, sử dụng đúng với chức năng của từng loại. Mọi hoạt động tu bổ di tích chỉ được thực hiện khi cơ quan có thẩm quyền cho phép.

5. Các loại hình di sản văn hóa phi vật thể được nhận diện, kiểm kê, bảo tồn theo quy định.

6. Các yếu tố cảnh quan, môi trường sinh thái (*cây xanh, mặt nước, khoảng sân công cộng, ...*) trong Khu phố cổ và từng di tích cần được bảo vệ tối đa.

7. Các hoạt động liên quan đến sử dụng, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa và thi công công trình tránh những tác động làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường sinh thái.

8. Công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực I khi xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, nâng cấp cần đảm bảo tuân thủ nguyên tắc bảo tồn tối đa các yếu tố gốc

về vật liệu, phù hợp với cảnh quan Khu phố cổ.

Điều 8. Nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động bảo vệ

1. Nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động bảo vệ Khu phố cổ gồm:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Khoản thu từ phí tham quan được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;
- c) Khoản thu từ hoạt động dịch vụ tại địa phương;
- d) Tài trợ và đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- e) Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

2. Quản lý, sử dụng nguồn tài chính

- a) Các khoản thu tại khoản 1 Điều này, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật (*nếu có*), được sử dụng để chi trả cho hoạt động trực tiếp liên quan đến việc bảo vệ Khu phố cổ.
- b) Các nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nguồn huy động xã hội hóa được quản lý chặt chẽ, đảm bảo công khai, minh bạch.

Chương III QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG TU BỒ, XÂY DỰNG

Điều 9. Quy định tu bổ, xây dựng

1. Quy định tu bổ di tích trong khu vực I

- a) Di tích loại đặc biệt và loại I: Khi tu bổ cần đảm bảo giữ công năng

(*chức năng*) vốn có của từng bộ phận và toàn bộ công trình, bảo tồn nguyên trạng các yếu tố gốc, không gian thờ tự. Trường hợp bắt buộc phải thay thế một bộ phận cũ, vật liệu - chất liệu cũ bằng một bộ phận mới, vật liệu - chất liệu mới thì thực hiện trên cơ sở đảm bảo tính cần thiết, tính khoa học của việc thay thế đó và đảm bảo tính chính xác từng chi tiết của các “yếu tố mới” so với các “yếu tố gốc”.

b) Di tích loại II: Nếp nhà trước cần được giữ nguyên trạng hoặc phục hồi các yếu tố gốc, không gian thờ tự. Phần còn lại phía sau, tùy theo vị trí, đặc điểm của từng di tích, các nếp nhà được cải tạo nội thất, mái lợp ngói âm dương đất nung và giữ nguyên diện tích, chiều cao, số tầng. Trường hợp cần thiết, phải phục hồi hoặc phục chế những bộ phận đã bị biến dạng của di tích khi có đủ cơ sở khoa học.

c) Di tích loại III: Nếp nhà trước tu bổ theo nguyên trạng hoặc tôn tạo mái ngói và tu bổ mặt tiền cùng các mặt bên (*phần nhìn thấy được*) theo kiểu thức truyền thống của khu vực I; được cải tạo nội thất thích nghi với các chức năng mới nhưng đảm bảo giá trị di tích được bảo tồn. Phần còn lại phía sau, tùy thuộc vào vị trí, đặc điểm của di tích và kiến trúc các di tích gần kề được phục hồi theo kiến trúc truyền thống Khu phố cổ hoặc cải tạo nội thất, coi nói nhưng đảm bảo hài hòa với cảnh quan Khu phố cổ và không che khuất các di tích loại đặc biệt, loại I.

d) Các di tích, công trình còn lại: Khi tu bổ, sửa chữa, cải tạo, xây mới mái lợp ngói âm dương đất nung; mặt tiền, các mặt bên (*phần nhìn thấy được*), nền nhà đảm bảo hài hòa với cảnh quan Khu phố cổ; phần còn lại phía sau tùy thuộc vào đặc điểm của kiến trúc các di tích

gần kề và vị trí, độ cao vốn có của di tích, công trình, các nếp nhà có thể được coi nói nhưng đảm bảo hài hòa với cảnh quan Khu phố cổ và không che khuất các di tích xung quanh loại đặc biệt, loại I, loại II. Riêng các di tích, công trình thuộc tuyến phố chính (*trừ đường Huyền Trân Công Chúa, Công Nữ Ngọc Hoa, Phan Châu Trinh, Hoàng Diệu, Phan Bội Châu, Nguyễn Duy Hiệu*), nếp nhà trước giữ nguyên số tầng, khoảng lùi hiện có. Đối với dãy nhà mặt tiền đường Huyền Trân Công Chúa, khi sửa chữa, cải tạo, xây mới đảm bảo khoảng lùi tối thiểu 1,0m kể từ mép trong vỉa hè dự kiến mở rộng hoặc cách mép trong của cống thoát nước là 5,0m.

e) Đối với các hạng mục di tích, công trình được phép tu bổ, xây mới, coi nói theo Điểm c, d, Khoản 1, Điều này: Hệ kết cấu chịu lực (*cột, dầm sàn, ván sàn, kết cấu đỡ mái...*), cầu thang, hệ cửa bằng gỗ; tường xây gạch (*được phép sử dụng kết cấu bê tông cốt thép âm tường để tăng cường khả năng chịu lực, gồm: Móng, cột, dầm*); trát vữa vôi; lát nền nhà bằng gạch đất nung, láng xi măng hoặc lát đá tự nhiên màu xám không ánh gương; mái lợp ngói âm dương đất nung; diện tích sàn bê tông cốt thép cho khu vệ sinh (*nếu có*) không lớn hơn 6,0m²; độ cao đến đỉnh mái không quá 8,0m tính từ cốt vỉa hè.

f) Nếp nhà sau các di tích loại II, loại III, loại IV tiếp giáp với khu vực IIA thuộc dãy nhà số chẵn đường Phan Châu Trinh, số lẻ đường Hoàng Diệu, số chẵn đường Phan Bội Châu và hai dãy nhà đường Lê Lợi (*từ ngã tư đường Phan Châu Trinh đến ngã tư đường Trần Hưng Đạo*), đường Nguyễn Duy Hiệu: Khi được phép tu bổ, tôn tạo với kết cấu 02 tầng, sàn tầng 02 được sử dụng vật

liệu bê tông cốt thép; toàn bộ phần cảnh quan, kết cấu kiến trúc bên ngoài, phân lô ra (*độ cao, vật liệu, màu sắc, hệ thống cửa, tường, mái*) vẫn áp dụng theo các quy định tại điểm b, c, d, e khoản 1 Điều này.

2. Quy định tu bổ, xây dựng trong khu vực IIA

a) Các ngôi nhà theo kiểu nhà vườn, biệt thự quy định tại Mục I, Phụ lục II Quy chế này, nếp nhà chính giữ nguyên trạng hoặc phục hồi các yếu tố gốc; các nếp nhà phụ được cải tạo theo điểm d khoản 2 Điều này nhưng đảm bảo hệ thống sân vườn được gìn giữ và giữ nguyên mật độ xây dựng.

b) Các ngôi nhà, nếp nhà mặt tiền tuyến phố quy định tại mục II phụ lục 2 Quy chế này được phép cải tạo nếp nhà trước theo hướng thích nghi nhưng giữ nguyên chiều cao, số tầng và chỉ giới xây dựng; được phép cải tạo nếp nhà sau theo điểm d khoản 2 Điều này; hệ mái lợp ngói âm dương.

c) Các ngôi nhà, công trình, hạng mục công trình liền kề, lân cận nằm trong phạm vi bán kính 10,0m tính tại điểm tiếp xúc gần nhất các di tích kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng hiện có được quy định tại Mục III, Phụ lục 2 Quy chế này (*kể cả với những công trình cách di tích bằng đường giao thông*), khi sửa chữa, xây mới thì chiều cao không vượt quá chiều cao di tích này. Trường hợp di tích kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng gồm nhiều khối công trình có độ cao khác nhau thì việc áp dụng độ cao xây dựng theo độ cao khối công trình gần nhất.

d) Trừ một số công trình đặc thù được cơ quan có thẩm quyền quyết định, các trường hợp xây mới, sửa chữa cần đảm bảo các quy định sau:

Mái dốc (từ 50-60%), lợp ngói màu đỏ loại 22v/m², độ cao đỉnh mái không quá 10,5m (*tính từ cốt vỉa hè hoặc cốt đường kiệt bê tông*), không quá 02 tầng (*độ cao từ cốt nền tầng 01 đến mặt sàn tầng 02 tối đa 3,6m, từ cốt sàn tầng 02 đến ô-tô tối đa 3,4m, chiều sâu mỗi nếp nhà phải từ 6,0m đến 10,0m*). Riêng nếp nhà sau (*nếp nhà thứ ba, cách chỉ giới xây dựng tối thiểu 12,0m*) của hai dãy nhà mặt tiền đường Hùng Vương đoạn từ ngã ba Tin Lành đến đường 18 tháng 8 (*đối với dãy số lẻ*) và đến hoa viên phía trước chùa Viên Giác (*đối với dãy nhà số chẵn*), dãy nhà số chẵn đường Trần Hưng Đạo và nếp nhà sau (*nếp nhà thứ hai, cách chỉ giới xây dựng tối thiểu 6,0m*) của dãy nhà số lẻ đường Phạm Hồng Thái cho phép không quá 03 tầng, độ cao đến đỉnh mái không quá 13,5m tính từ cốt vỉa hè.

Hệ cửa mặt tiền và các mặt bên (*cửa đi, cửa sổ*) là cửa gỗ (*panô, panô lá sách*), đánh vecni hoặc sơn màu đà; hệ cửa lớp bên trong (*cửa đi, cửa sổ mặt tiền, mặt bên có hệ cửa 02 lớp*) cho phép lắp đặt cửa panô gỗ - kính. Tường bên ngoài quét vôi truyền thống màu vàng, tường bên trong được phép sơn vôi màu vàng sẫm, vàng nhạt, xanh ve, trắng sẫm. Nền nhà tầng 01 láng xi măng hoặc lát các loại gạch, đá không ánh gương, có cùng một màu xám, nâu, đà.

e) Dãy nhà nằm ở bờ Nam sông Hội An đối diện Khu phố cổ thuộc địa phận phường Cẩm Nam, dãy mặt tiền đường Nguyễn Phúc Chu, hai dãy nhà mặt tiền đường Phan Bội Châu, dãy nhà mặt tiền đường Huyền Trân Công Chúa (*đoạn từ đường Trương Minh Lượng đến đường Phạm Hồng Thái*): Ngoài những quy định tại các điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều này, khi xây dựng nếp nhà trước và

nếp nhà thứ hai được phép xây dựng độ cao không quá 8,5m tính từ cốt vỉa hè đến đỉnh mái, không quá 02 tầng; những nếp nhà còn lại không quá 11,5m và không quá 03 tầng, mỗi nếp nhà có chiều sâu tối thiểu là 6,0m, mái lợp ngói âm dương đất nung.

3. Quy định xây dựng trong khu vực IIB

a) Công trình, nhà ở khi sửa chữa, xây mới không quá 03 tầng, độ cao không quá 13,5m tính từ cốt vỉa hè (*trừ đường Nguyễn Trường Tộ, đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lý Thường Kiệt, dãy nhà số chẵn đường Cao Hồng Lĩnh, nếp nhà trước xây dựng công trình không quá 02 tầng, độ cao không quá 10,5m tính từ cốt vỉa hè*); một số công trình có yếu tố đặc thù riêng sẽ được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cụ thể về độ cao. Mái của các công trình là mái dốc; màu mái và màu tường đảm bảo hài hòa với màu sắc của khu vực IIA, riêng các công trình có mặt tiền bám theo các trục đường chính (*Nguyễn Trường Tộ, Hùng Vương, Trần Cao Vân, Cao Hồng Lĩnh, La Hối, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Hoàng*), mái lợp ngói 22v/m² màu đỏ, độ dốc mái đảm bảo từ 50 - 60%.

b) Công trình, nhà ở tại vị trí đoạn bờ Nam của khu An Hội (*từ phía Đông khách sạn Vĩnh Hưng 4 đến giáp khu quy hoạch vui chơi giải trí Đồng Hiệp*), mặt tiền ngôi nhà hướng ra sông. Đối với các ngôi nhà vừa bám đường bê tông, vừa bám bờ sông bố trí hai mặt tiền, kiến trúc công trình đảm bảo hài hòa với kiến trúc Khu phố cổ, kết cấu nếp nhà thứ nhất và nếp nhà thứ hai hướng sông (*mỗi nếp nhà tối thiểu 6,0m*) không quá 02 tầng, độ cao không quá 10,5m tính từ cốt vỉa hè, những nếp nhà còn lại không quá 03

tầng và không quá 13,5m, mái dốc, lợp ngói 22v/m².

c) Ngoài các quy định nêu trên, khi xây dựng, sửa chữa công trình nhà ở trong khu vực này cần đảm bảo phù hợp với quy định về quản lý quy hoạch và kiến trúc đô thị của thành phố Hội An.

4. Quy định lắp dựng mái che và giàn hoa

a) Về lắp dựng mái che:

Trong khu vực I, mái che được lắp dựng khi cơ quan có thẩm quyền cho phép. Đối với các mái che hiện có, nếu không ảnh hưởng đến cảnh quan Khu phố cổ, tạm thời cho tồn tại và giữ nguyên cấu kiện hiện trạng; đối với mái che không phù hợp và ảnh hưởng đến cảnh quan Khu phố cổ thì tháo dỡ hoặc thay thế bằng giàn hoa phù hợp.

Trong khu vực IIA và IIB, cho phép lắp dựng mái che tạm tại tầng 01 (*trệt*), nằm trong ranh giới đất được giao quyền sử dụng hợp pháp với quy cách: Khung sườn sắt hoặc gỗ sơn màu đà, mái lợp tôn sơn đà 02 mặt, không có trụ chống đất, chiều rộng không quá 1,2m. Đối với mái che hiện có, nhưng không đảm bảo quy định trên thì tạm thời cho tồn tại và thực hiện đúng quy định khi sửa chữa, cải tạo.

b) Về lắp dựng giàn hoa:

Cho phép lắp dựng giàn hoa tại các di tích kiến trúc có khoảng lùi xây dựng, đảm bảo giàn hoa nằm trong ranh giới thửa đất được giao quyền sử dụng hợp pháp với quy cách: Lắp công xôn, khung đỡ bằng sắt hoặc gỗ sơn màu đà, gắn vào tường hoặc trụ hiên, không có trụ chống đất; giàn đỡ hoa leo bằng gỗ hoặc đan lưới thép (*sắt*) mảnh, bên trên không che phủ bằng bất cứ loại vật liệu nào; chiều

rộng không quá 0,6m đối với khu vực I, không quá 1,2m đối với khu vực IIA và 2,0m đối với khu vực IIB.

Khi dây hoa leo đã phát triển đến vị trí dự kiến bố trí giàn hoa mới được lắp dựng giàn.

Việc lắp dựng giàn hoa được xem xét cụ thể, lựa chọn hình thức; kiểu dáng, kích thước giàn hoa, chủng loại hoa leo phù hợp đối với từng di tích, cảnh quan Khu phố cổ và thường xuyên được cắt tỉa, không để che khuất hoặc gây ảnh hưởng xấu đến di tích.

c) Chủ di tích tự tháo dỡ mái che và giàn hoa, không được đền bù thiệt hại khi nhà nước có chủ trương chỉnh trang tuyến phố.

Điều 10. Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích thuộc sở hữu tư nhân, tập thể

1. Điều kiện hỗ trợ kinh phí để tu bổ, tôn tạo di tích thuộc sở hữu tư nhân, tập thể:

a) Di tích trong khu vực I và khu vực IIA quy định tu bổ, tôn tạo tại điểm a, b, e Khoản 2, Điều 9 Quy chế này; đối với một số trường hợp đặc biệt, cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định.

b) Chủ sở hữu di tích có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, đồng thời nhà và đất chưa qua mua bán, chuyển nhượng từ năm 1999 trở về sau.

c) Di tích, nhà ở đã được các cơ quan thẩm quyền cấp phép tu bổ, xây dựng theo quy định đối với trường hợp chủ sở hữu di tích làm chủ đầu tư.

2. Hạng mục hỗ trợ kinh phí để tu bổ, tôn tạo di tích thuộc sở hữu tư nhân, tập thể:

a) Đối với di tích trong khu vực I:

Loại đặc biệt, loại I: hỗ trợ đối với tất cả các hạng mục được tu bổ.

Loại II: hỗ trợ đối với các hạng mục được tu bổ của nếp nhà trước, các nếp nhà còn lại chỉ hỗ trợ tu bổ hệ mái (ngói âm dương, rui, hoành và nhân công thực hiện).

Loại III, loại IV: chỉ hỗ trợ tu bổ đối với hạng mục hệ mái (ngói âm dương, rui, hoành và nhân công thực hiện).

b) Đối với di tích trong khu vực IIA: chỉ hỗ trợ đối với hạng mục hệ mái (ngói âm dương, rui, hoành và nhân công thực hiện).

3. Tỷ lệ hỗ trợ kinh phí để tu bổ, tôn tạo di tích thuộc sở hữu tư nhân, tập thể:

a) Đối với di tích trong khu vực I:

Đơn vị tính: %

LOẠI DI TÍCH	Vị trí dọc trục đường chính		Vị trí dọc các kiết, hẻm	
	Nhà nước hỗ trợ	Chủ sở hữu đầu tư	Nhà nước hỗ trợ	Chủ sở hữu đầu tư
Loại đặc biệt	60	40	75	25
Loại I & II	45	55	65	35
Loại III & IV	40	60	60	40

b) Đối với di tích trong khu vực IIA: Nhà nước hỗ trợ 40% cho mỗi hạng mục được hỗ trợ.

4. Chủ đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích tư nhân, tập thể được hỗ trợ kinh phí:

a) Nhà nước làm chủ đầu tư tu bổ đối với di tích loại đặc biệt, loại I.

b) Chủ di tích làm chủ đầu tư tu bổ đối với di tích còn lại.

Điều 11. Phối hợp cấp phép; kiểm tra, xử lý vi phạm công trình, nhà ở riêng lẻ thuộc sở hữu tư nhân, tập thể

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hội An thực hiện cấp phép tu bổ, tôn tạo công trình, nhà ở riêng lẻ thuộc sở hữu tư nhân, tập thể trong Khu phố cổ và kiểm tra, xử lý vi phạm.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hội An xây dựng quy trình phối hợp cấp phép tu bổ, tôn tạo công trình, nhà ở riêng lẻ thuộc sở hữu tư nhân, tập thể trong Khu phố cổ và kiểm tra, xử lý vi phạm; trong đó phân định nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý để thực hiện đảm bảo theo quy định hiện hành



TRUNG TÂM LỊCH BRUGGE, VƯƠNG QUỐC BỈ

Sưu tầm và dịch: Diệu Châu

hình đường phố thời Trung cổ, với những con đường chính dẫn đến các quảng trường công cộng, hầu như được bảo tồn, cũng như mạng lưới kênh rạch từng được sử dụng cho giao thông thương mại, đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của

thành phố.

Giá trị nổi bật toàn cầu

Tổ chức Khoa học, Giáo dục và Văn hóa của UNESCO - Liên hiệp quốc đã công nhận Trung tâm lịch sử của Brugge, Vương quốc Bỉ là Di sản văn hóa thế giới ngày 30 tháng 11 năm 2000. Trung tâm lịch sử Brugge là một ví dụ nổi bật về một quần thể kiến trúc, minh họa các giai đoạn quan trọng trong lĩnh vực thương mại và văn hóa ở châu Âu thời Trung cổ. Brugge trong thời Trung cổ được biết đến như một đô thị thương mại ở trung tâm châu Âu. Thành phố phản ánh một sự giao lưu ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của nghệ thuật và kiến trúc, đặc biệt là gạch Gothic, đặc trưng của Bắc Âu và Baltic. Kiến trúc này quyết định mạnh mẽ nét đặc trưng của trung tâm lịch sử thành phố.

Các bức tường thành trong thế kỷ 12 đã đánh dấu ranh giới của thành phố thời Trung cổ. Mặc dù các bức tường ngày nay đã bị mất, nhưng chúng vẫn có thể được hình dung rõ ràng, nổi bật bởi bốn cổng còn sót lại, thành lũy và một trong những tháp nước phòng thủ. Mô

Vào thế kỷ 15, Brugge là cái nôi của Flemish Nguyên thủy và là trung tâm bảo trợ và phát triển hội họa cho các nghệ sĩ như Jan van Eyck và Hans Memling. Nhiều tác phẩm của họ đã được xuất khẩu và ảnh hưởng đến phong cách hội họa trên toàn châu Âu. Các bộ sưu tập đặc biệt quan trọng vẫn lưu giữ trong thành phố cho đến ngày nay. Ngay cả sau khi đạt đỉnh cao về kinh tế và nghệ thuật vào cuối thời Trung cổ, việc xây dựng và phát triển đô thị vẫn tiếp tục, mặc dù Brugge hầu như đã bỏ lỡ cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ 19. Các ví dụ nổi bật nhất về những tác động quy mô lớn thời hậu trung cổ vào trung tâm lịch sử là đô thị hóa xung quanh vùng Coupure (1751-1755), vùng Zand và nhà ga xe lửa đầu tiên (1838), khu nhà hát (1867), Koningin Elisabethlaan và Gulden Vlieslaan (1897) và thành lập khu phố Guido Gezelle (1920-1930). Trong nửa sau của thế kỷ 20, một số thay đổi lớn đã xảy ra với Zilverpand (1976), Thư viện công cộng mới (1975-1978), Cung điện Công lý mới và

Kartuizerswijk (1980), Clarendam (1990) và Colettijsenhof (1997). Brugge được đặc trưng bởi tính liên tục, sự hài hòa tương đối trong những thay đổi. Vào cuối thế kỷ 19, việc cải tạo mặt tiền đã giới thiệu phong cách Tân Gothic, nét riêng biệt của Brugge. Phong cách xây dựng Brugge ‘tân’ và triết lý phục hồi, trùng tu đã trở thành một chủ đề được quan tâm, nghiên cứu và truyền cảm hứng. Vẫn là một thành phố năng động, đầy sức sống ở hiện tại, Brugge đã bảo tồn các kết cấu kiến trúc và đô thị dẫn chứng các giai đoạn phát triển khác nhau bao gồm Khu chợ trung tâm với tháp chuông Béguinage, cũng như các bệnh viện, các khu tôn giáo và thương mại.

Tiêu chí (ii): Trung tâm lịch sử Brugge là bằng chứng về sự giao lưu ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của kiến trúc, và đặc biệt là kiến trúc gạch Gothic trong một thời gian dài. Là nơi ra đời của trường phái Flemish Nguyên thủy, nó đã tạo ra những ảnh hưởng nghệ thuật sáng

tạo trong sự phát triển của hội họa thời Trung cổ.

Tiêu chí (iv): Trung tâm lịch sử Brugge là một ví dụ nổi bật về một quần thể kiến trúc. Các tổ chức công cộng, xã hội và tôn giáo của thành phố minh họa các giai đoạn quan trọng trong lịch sử thương mại và văn hóa ở châu Âu thời Trung cổ.

Tiêu chí (vi): Trung tâm lịch sử Brugge là nơi ra đời của Flemish Nguyên thủy và là trung tâm bảo trợ và phát triển hội họa trong thời Trung cổ với các nghệ sĩ như Jan van Eyck và Hans Memling.

Tính chân xác

Lịch sử về chính quyền thị trấn và các quy định được cô đọng trong các ghi chép từ thế kỷ 13 trở đi. Là một khu vực định cư, Trung tâm lịch sử Brugge vẫn giữ nguyên hình mẫu ban đầu của đường phố, vị trí, kênh đào và các không gian mở. Các tòa tháp và tòa nhà dân sự như nhà thờ lớn, tháp chuông và các nhà thờ



chiếm phần lớn trong thành phố. Các di tích vẫn giữ nguyên vị trí các thửa đất ban đầu. Những thay đổi diễn ra theo thời gian tôn trọng những thay đổi về chức năng trong thị trấn và đã trở thành một phần tính chân xác lịch sử, tương tự như với các thành phố lịch sử khác như Siena ở Ý.

Lịch sử của thị trấn được thể hiện rõ nét trong các kết cấu kiến trúc và đô thị thống nhất một cách hài hòa trong tất cả các giai đoạn lịch sử từ lúc ban đầu. Kể từ nửa sau của thế kỷ 19, nhiều sự chú ý tập trung vào lịch sử và kiến trúc của thị trấn, và các cuộc tranh luận lớn về các phương thức theo xu hướng quốc tế trong lĩnh vực trùng tu và bảo tồn. Sự phân tầng theo niên đại và lịch sử này có thể nhận thấy rõ ràng trong hình thái và kiến trúc đô thị và là một phần của nét đặc trưng hiện tại của Brugge. Một số biến đổi hiện đại đã xảy ra tại khu di sản, nhưng tác động của chúng đến toàn bộ tài sản được coi là nhỏ.

Tính nguyên gốc

Tổng thể cấu trúc đô thị vẫn thể hiện mô hình “hình quả trứng” thời Trung cổ có thể thấy trên bản đồ của Marcus Gerards (1562). Ngoài các cuộc chiến tranh tôn giáo vào thế kỷ 16 và Cách mạng Pháp, Brugge ít nhiều đã thoát khỏi sự tàn phá liên quan đến các cuộc xung đột khác bao gồm cả Thế chiến thứ nhất và thứ hai. Tương tự, cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ 19 hầu như không ảnh hưởng đến cấu trúc cơ bản của thị trấn lịch sử, ngoại trừ nhà ga đường sắt ở phía tây nam của thành phố. Tài sản di sản bao gồm tất cả các cấu trúc đô thị, quần thể liên kết và các tòa nhà riêng lẻ phản ánh sự phát triển thương mại và nghệ thuật, các tài sản thuộc triết lý trùng tu thế kỷ 19. Sự thống nhất đặc

biệt này của mô hình đô thị rất dễ bị phá vỡ bởi việc xây dựng lại. Việc phát triển quy mô lớn gần khu di sản có thể tác động xấu đến mối quan hệ giữa tài sản di sản và cảnh quan của nó.

Yêu cầu về bảo vệ và quản lý

Kể từ năm 1972, Phòng Bảo tồn và Quản lý Di sản thành phố hướng dẫn đánh giá và giám sát chặt chẽ mọi thay đổi trong môi trường đô thị, phối hợp với các dịch vụ di sản khu vực. Các quy định cụ thể về xây dựng của thành phố rất nghiêm ngặt và bao gồm một thỏa thuận không sửa đổi khi thành phố cung cấp kinh phí để thực hiện các công việc trùng tu. Khoảng một nửa số tòa nhà trong trung tâm lịch sử được liệt kê hoặc ghi nhận trong bảng thống kê Di sản Flemish và trong Bản đồ Đánh giá Di sản của thành phố, đóng vai trò như một công cụ quản lý và chính sách. Trường hợp các tòa nhà và địa điểm đã được liệt kê sẽ có một tư vấn bắt buộc từ các cơ quan quản lý di sản khu vực.

Việc điều phối, truyền thông và quảng bá Tài sản Di sản Thế giới được thực hiện như trước đây bởi Phòng Bảo tồn và Quản lý Di sản thành phố, phối hợp chặt chẽ với tất cả các đối tác ở cấp thành phố và khu vực. Bảo tồn và trùng tu các di tích dựa trên triết lý và truyền thống trùng tu, trong đó vật liệu gốc và kỹ thuật xây dựng là điểm khởi đầu. Các công trình xây dựng mới trong nội thành không bao giờ diễn ra nếu không được đánh giá lịch sử - mỹ thuật kỹ lưỡng và luôn tôn trọng tính chân xác lịch sử. Theo quy định, các công trình xây dựng mới tôn trọng cách phân chia, kiểu mẫu, chiều cao, vật liệu, v.v. của môi trường xung quanh. Những sự phát triển quy mô lớn ở gần khu di sản vẫn là một mối đe

dọa có thể xảy ra và do đó cần được chú ý đặc biệt.

Do đó, một Kế hoạch Quản lý Di sản Thế giới đã được thực hiện vào năm 2012, do thành phố Brugge và Phòng Bảo tồn và Quản lý Di sản thành phố điều phối, là một nhóm chuyên gia có trình độ về lịch sử nghệ thuật, lịch sử của Bruges nói chung và triết học và thực tiễn về trùng tu. Kế hoạch Quản lý này nhằm thúc đẩy sự phát triển phù hợp trong phạm vi các ràng buộc đã thống nhất liên quan đến các đặc điểm đã được thừa nhận của các khu vực xác định. Một Ủy ban Chuyên gia UNESCO được thành lập bởi hội đồng thành phố vào năm 2011, đã hỗ trợ việc xây dựng Kế hoạch Quản lý vào năm 2012 và tiếp tục đưa ra tư vấn. Tiếp theo Kế hoạch Quản lý, các Kế hoạch Bảo tồn đang được chuẩn bị, cũng như Kế hoạch Bảo quản, Kế hoạch Khảo sát Chi tiết và Kế hoạch Thực hiện Không gian Chuyên đề cho cảnh quan đô thị lịch sử, bao quát toàn bộ Di sản Thế giới.

Về mặt lịch sử và kiểu hình học, thành phố là nơi có nhiều chức năng. Sự đa dạng này là một đặc điểm đô thị cốt yếu cần được bảo tồn và bảo vệ. Yếu tố này, cùng với cấu trúc đô thị lịch sử và các đặc điểm kiến trúc đa dạng và riêng biệt phản ánh sự phát triển của Brugge, là bản chất của việc quản lý tài sản trong tương lai. Tuy nhiên, Brugge là một thành phố sống, trong đó có thể có những phát triển và thay đổi nhưng chỉ ở những vị trí thích hợp và đối với hình thái đô thị của các mảnh đất bị giới hạn bởi các đường phố và ngõ hẹp ở trung tâm lịch sử. Việc phát triển có thể ở khu vực



Brugge nội ngoại thành, về mặt lịch sử và chính trị được liên kết với thành phố (*“Brugs Ommeland”*, hoặc vùng phụ cận Brugge) và Zeebrugge (cảng biển Brugge). Để bảo vệ cảnh quan tài sản di sản, cần có và đang tiến hành các liên kết hiệu quả giữa lợi ích của thành phố Brugge và tài sản di sản về mặt quy hoạch và bảo vệ. Các quan điểm quan trọng xuất phát từ khu di sản cần được bảo vệ và sẽ được đưa vào các công cụ quy hoạch đô thị. Từ quan điểm du lịch, Brugge đã có những nỗ lực đáng kể để quản lý tác động của du khách. Sự phát triển của du lịch văn hóa bền vững với chất lượng cao sẽ tiếp tục là nền tảng của chính sách thành phố, đặc biệt chú ý đến các sự kiện và hoạt động liên quan đến tiếng Flemish Nguyên thủy ♦

Nguồn: <https://whc.unesco.org/en/list/996>

Nhà xuất bản Đà Nẵng
Số 03 - Đường 30 Tháng 4 - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0236 3797874 - 3797823 * Fax: 0236 3797875

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc NGUYỄN THÀNH
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập NGUYỄN KIM HUY
Biên tập: TRẦN VĂN BAN

Thực hiện liên kết xuất bản: **Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An**
ĐC: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

HỢP TÁC

Thực hiện tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản này, Ban Biên soạn đã nhận được tin, bài cộng tác của các tác giả: Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Đức Minh, Trần Văn An, Trương Nguyên Ngã, Trần Xuân Mẫn, Lê Thị Tuấn, Võ Hồng Việt, Nguyễn Cường, Trần Thanh Hoàng Phúc, Phạm Phước Tịnh, Lê Thị Lưu, Nguyễn Văn Thịnh, Lê Thị Ngọc Hương, Trần Thị Lệ Xuân, Thái Thị Liễu Chi, Đào Thị Diệu Châu, Khiếu Thị Hoài, Nguyễn Thị Lệ Thương, Nguyễn Thị Trang Thi...

Do khuôn khổ tập Thông tin có hạn nên Ban Biên soạn không thể đăng hết những bài đã nhận. Những bài còn lại Ban Biên soạn sẽ tiếp tục đăng ở số tiếp theo.

Ban Biên soạn xin trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của quý tác giả.

Bìa 1: Con trâu trong tranh Đông Hồ

Bìa 4: Cổng chùa Bà Mụ. Ảnh: Đặng Kế Cường

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty cổ phần In - Phát hành sách và TBTH Quảng Nam
- 260 Hùng Vương, TP.Tam Kỳ. ĐT: 02353.859367. Email: Chebaninqnam@gmail.com.

Số ĐKXB: 360-2021/CXBIPH/1-09/ĐaN. GPXB số: 75/QĐ-NXBĐaN
do Nhà xuất bản Đà Nẵng cấp 27/01/2021. Mã số ISBN: 978-604-84-5709-9.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 2/2021.